

# VIÊN GIÁC

Bộ mới số **5**  
tháng 10, năm 1981



*tạp chí của Kiều-Bào và Phật-Tử Việt-Nam*  
*\_\_\_\_\_ tại Cộng-hòa Liên-bang Đức \_\_\_\_\_*

# VIÊN GIÁC

Bộ mới số 5, tháng 10, 1981

# Thư TÒA SOẠN

Trong số này trang

• Thư Tòa Soạn	
• Vai trò của PG đối với VH	01
• Tin Giờ Chót	04
• Phật Giáo Việt Nam thời Pháp thuộc	05
• Ảnh hưởng của PG trong thi ca Việt Nam	07
• Thơ	10
• Thiên Học	11
• Phật Giáo thực hành	15
• Trang Giáo Lý GDPT	18
• Đức tin trong Đạo Phật	21
• Quốc sử tập lục	24
• Việt Nam Phong Sử	26
• Truyện Hùng Đạo Vương	28
• Chùa và Tu Sĩ Việt Nam	31
• Viết một thời gió bụi	32
• Đường qua xứ tuyết	33
• Trời mây và Tu Sĩ	36
• Thơ	39
• Trong cơn lốc đỏ	41
• Vu Lan hoài cảm	45
• Vai trò của người Phật Tử	48
• Tin Tức	50
• Phóng Danh Quý Đạo - Hữu và Phật Tử	

Như Quý vị cũng đọc thấy nơi mẫu tin giờ chót của Viên Giác số này, Cộng Sản Hà Nội đang mưu toan áp dụng nghị quyết 297 để đàn áp cao trào Phật Giáo tại miền Nam. Điều đó đã chứng minh thêm lần nữa là Phật Giáo Việt Nam không hề vắng mặt trong bất cứ một hành động nào nhằm đối trị những biểu hiện của tham, sân, si. Đồng thời nó cũng cho thấy sự bất lực hiển nhiên của Cộng Sản trong ảo tưởng muốn tẩy đi sự thấm đượm của Phật Giáo trong tiềm thức của đa số người dân Việt.

Dù có dựng lên bao nhiêu nhà giam, dù có vấy máu bao nhiêu cuộc bắt bớ thủ tiêu, và dù có đe dọa dằng dẳng sát khí, cầm ngăn, đàn áp, người Cộng Sản vẫn đành thụt thụt trước cái Chón Ngà kia đã san sẻ nơi cùng khắp chỗ sanh. Chỉ khi nào tiêu diệt được trọn hết loài người - hãy chỉ nói đến một trong lục đạo thôi - tiêu diệt cả luôn chính họ, người Cộng Sản mới biến được niềm viên mở kia thành thực tế.

Cái Chón Ngà thường hằng kia đâu có trải bao nhiêu trận cuồng phong lịch sử, vẫn muôn đời là ánh thiên lương soi rọi những con đường cần phải đi, những neo dạt dạt cần phải tránh. Và chẳng lịch sử loài người chưa bao giờ được hướng định bằng sự tầm tối vô minh.

Ý thức được điều ấy sẽ giúp chúng ta, là Phật Tử, bền vững đức tin, đứng cảm hành động theo lối dạy của Đức Phật, lấy đức trí tuệ thấp sáng lòng Tứ Bi.

Thấp sáng con đường trở về dù bao nhiêu nhiều khổ, tấn khổ.

— Viên Giác —

## Chịu trách:

Đại Đức THÍCH NHƯ ĐIỂN

Thực hiện : MAI VI PHÚC

Kỹ thuật : THỊ CHƠN

*cùng sự đóng góp của*

HỘI SINH VIÊN và KIỀU BẢO  
PHẬT TỬ VIỆT NAM tại  
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Tòa soạn : Chùa VIÊN GIÁC  
Trung tâm VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
VIỆT NAM tại C.H.L.B.ĐỨC  
Eichelkampstr. 35a 3000 Hannover 81

điện thoại : (0511) 86 46 38





## Vai trò của Phật giáo đối với Văn hóa

Thích Như Điển

Hôm nay chúng tôi xin hân hạnh được trình bày với Quý vị một đề tài, mà có lẽ ai trong chúng ta cũng hằng lưu tâm đến. Đó là "vai trò của Phật Giáo đối với văn hóa" trong sự phát triển cũng như sự tồn tại của Phật Giáo suốt gần 26 thế kỷ qua trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam nói riêng và lịch sử thế giới nói chung.

Trước hết và trên hết chúng ta nên hiểu rõ ý nghĩa của những danh từ trên đây với những chức năng của nó cũng như sự liên hệ của Phật Giáo đối với văn hóa của một dân tộc như thế nào, để từ đó chúng ta có thể đi đến một kết luận chung để dằng và cụ thể hơn.

Phật Giáo ở đây được hiểu như là: Những điều dạy dỗ của một bậc đã giác ngộ hoàn toàn chôn lý ở trong và ngoài thế gian này về vấn đề luân lý, đạo đức, giáo dục, triết lý, khoa học, giới luật, kinh điển. Một giáo lý của một bậc đã hoàn toàn giác ngộ, hiểu thấu trong - quá khứ, hiện tại và vị lai, đem dạy bảo lại cho chúng sanh trong nhiều đời, nhiều kiếp, được gọi là Phật Giáo.

Văn hóa được định nghĩa là: Những gì thuộc về văn minh, văn hiến, ngôn ngữ, tập tục, thói quen, nghệ thuật, kịch nghệ v.v... bị biến đổi lâu đời, được nhiều người lặp đi lặp lại nhiều lần. Được gọi là văn hóa. Văn ở đây được hiểu như là văn minh của con người. Trong văn minh đó có văn minh vật chất và văn minh tinh thần. Văn minh vật chất thuộc về những sự phát minh của con người về kỹ thuật để phục vụ cho đời sống con người, và văn minh tinh thần là những gì vượt lên trên cả thế của một đời sống vật chất, như những giá trị đạo đức, luân lý, khoa học v.v... Như vậy văn hóa được hiểu như là nền văn minh và văn hiến của con người được trải qua nhiều đời và lặp đi lặp lại nhiều lần có tính cách như một thói quen, được gọi là văn hóa.

Như trên chúng ta đã thấy giữa Phật Giáo và văn hóa có những điểm giống nhau và cũng có nhiều điểm khác nhau như sau:

### A) Sự khác nhau:

Văn hóa chỉ do loài người sáng tạo và bị biến đổi qua nhiều giai đoạn trong đời sống hằng ngày của con người, được nhiều người thực hành theo. Trong khi đó Phật Giáo được sáng lập và được phát sinh ra từ những bậc đã giác ngộ, những người hoàn toàn hiểu biết về cuộc đời này bằng sự thực tu và thực chứng của mình, rồi đem những kinh nghiệm của bản thân ra dạy bảo cho con người và muôn loài.

### B) Sự giống nhau:

Văn hóa bao gồm những giá trị của văn hiến và văn minh thuộc về cả hai lãnh vực tinh thần cũng như vật chất. Và Phật Giáo cũng bao gồm những sự dạy bảo cho con người một giá trị tinh thần siêu thoát, giác ngộ và hãy tự giải thoát bởi chính mình.



Mặc dầu Phật Giáo và Văn Hoá có những điểm khác nhau và những điểm giống nhau như đã nêu trên, nhưng không vì thế mà giữa Phật Giáo và Văn Hóa có một sự nghịch lý nào cả, mà đó là một sự thật cần phải có để làm sáng tỏ giữa Đạo Giáo với cuộc đời.

Suốt trong giòng sinh mệnh của Phật Giáo đã gần 26 thế kỷ trôi qua trong lòng người qua những công cuộc truyền đạo và hành đạo của những nhà Giáo dục Tu sĩ cũng như cư sĩ đến từ Á châu sang Âu châu, rồi sang Mỹ châu, Phi châu và Úc Châu, Phật Giáo đã đóng góp một cách tích cực cụ thể cho những nền văn hóa của những dân tộc tại xứ đó.

Ví dụ như tại Ấn Độ: Mặc dầu ngày nay Phật Giáo không còn là quốc giáo như những thời đại vàng son lúc Đức Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, trong vai trò của mình đối với văn hóa và học thuật nữa, nhưng không vì thế mà vai trò của Phật Giáo bị lu mờ. Vì lẽ dĩ nhiên là Phật Giáo được phát sinh ra và trưởng thành tại đó. Ngày nay khắp năm châu, bốn bề được hiểu giáo lý của Đức Phật là nhờ nước Ấn Độ, như Thái Tử Tất Đạt Đa đã hy sinh đời sống vị kỷ, từ lợi của mình quyết xuất gia, tìm đường giải thoát cứu khổ cho nhân loại, nên được nhiều người nhắc nhớ đến, cung kính như một vị cha lành của nhân loại. Do đó cho nên nhiều tín đồ Phật Giáo đã luôn ngưỡng vọng về Ấn Độ như những người tín đồ Thiên Chúa Giáo luôn tìm đến Thánh Địa tại Do Thái nơi Đức Chúa đã giáng sinh cách đây 1981 năm về trước.

Đạo Phật hay nói đúng hơn là giáo lý của Đức Phật đã cảm hóa biết bao nhiêu bậc hôn quân bạo chúa của xứ Ấn Độ lúc bấy giờ như vua Asoka (A Dục Vương - trước Thiên Chúa giáng sinh 263-274) đã trở thành một Phật Tử thuần thành đối với Đạo Phật nhờ những giới luật của Đức Phật đã chế ra và sau đó Hoàng Đế A Dục đã lấy giới luật căn bản này viết vào hiến pháp trị dân. Ở Nhật Bản có Thánh Đức Thái Tử (Shotoku Taishi) (thế kỷ thứ 7-8 sau TC) cũng đã cai trị dân Nhật Bản bằng tinh thần Tôn Giáo và Văn Hóa của Đạo Phật, và ngay nay trong hiến pháp của Nhật thời Thánh Đức Thái Tử trị vì đã có những Đạo Luật đó. Điều đó đủ chứng tỏ rằng Phật Giáo đã có một sức dung hóa hết sức nhiệm mầu, trên tư những bậc vua chúa, dưới đến nhân dân trăm họ.

Khi Phật Giáo được truyền sang Trung Hoa vào đầu thế kỷ thứ nhất sau Thiên Chúa giáng sinh, Phật Giáo đã tích cực đóng góp vai trò của mình trong công cuộc phổ biến văn - hóa Thiên của Bồ Đề Đạt Ma (thế kỷ thứ 6) một cách uyển chuyển và dung hòa được với nền văn - hóa của Khổng Mạnh vốn đã ăn sâu vào tim thức của nhân dân Trung Hoa hơn 10 thế kỷ trước đó. Vì Phật Giáo đi đến đâu chỉ mang một sứ mạng duy nhất. Đó là tình thương và trí tuệ. Về tình thương Phật Giáo chủ trương không hận thù. Vì Đức Phật vẫn luôn dạy cho các đệ tử của Ngài rằng: "Lấy oán báo oán, oán oán chắt chõng. Lấy ân báo oán, oán liền tiêu diệt". Vì lẽ giản dị đó nên Phật Giáo được nhiều người ưa chuộng. Về Trí tuệ Phật - Giáo luôn chủ trương rằng: cuộc đời này là bể khổ, con người mãi lần lượm trong sự khổ đau không bao giờ thoát khổ này, nên Đức Phật đã chỉ cho họ một con đường để đạt đến trí tuệ viên mãn. Đó là Bát Chánh Đạo, Tứ Diệu Đế v.v..

Phật Giáo biết được bốn phận và nhiệm vụ của mình, nên từ các bậc vua chúa đến triều thần và dân chúng đã tin theo và thực hành một cách triệt để song song với văn hóa của Khổng Mạnh. Từ những bộ kinh điển có giá trị được các vị Tu Sĩ người Ấn Độ mang sang TH, rồi chính tay những vị này dịch sang chữ Trung Hoa và ngày nay Phật Giáo Trung Hoa có được Tam tạng kinh điển bằng tiếng địa phương của họ là nhờ vào những vị Tu Sĩ này đã đóng góp không ít vào văn hóa của dân tộc Trung Hoa.

Lúc bấy giờ Trung Hoa là một nước hùng cường nhất Á Châu, nên văn hóa và tôn giáo của



Trung Hoa cũng để ảnh hưởng đến các nước lân cận như Việt Nam, Đại Hàn, Mông Cổ, Nhật Bản...

Chính vào thời kỳ này Phật Giáo được truyền sang Việt Nam bằng những nhà sư người Ấn - Độ và người Trung Hoa qua hai ngõ đường bộ và đường thủy. Đường bộ từ kinh đô Lạc Dương cũ của Trung Hoa và đường thủy từ biển Nam Ấn Độ đến. Có thuyết cho rằng trước khi Phật Giáo được du nhập vào Trung Hoa phải vào Việt Nam trước, vì ngày xưa những thương nhân Ấn Độ buôn bán với Trung Hoa chỉ dùng tàu bè để đi đường biển, và trên tàu buôn của họ có mang theo nhiều tu sĩ Phật Giáo để chỉ làm nhiệm vụ cầu đảo đất trời, mưa thuận gió hòa cho thuyền buôn đi đến nơi về đến chốn, và trên đường đi ấy, trước khi vào Kinh - Đô Lạc Dương trên đất liền của Trung Hoa, những thuyền buôn và những nhà Sư Ấn Độ này đã phải ghé sang Việt Nam để chờ mùa gió nồm, và đây là cơ hội để những nhà sư này truyền bá Đạo Phật tại nơi đây.

Xét ra hai thuyết trên, thuyết nào cũng có lý cả, nhưng cho đến nay lịch sử Phật Giáo VN vẫn chưa hẳn định được điều đó, vì trải qua biết bao nhiêu cuộc chiến loạn hải - hùng của dân tộc Việt Nam, đã mất đi những tài liệu lịch sử rất nhiều, nên không thể quyết - đoán được việc nào là đúng và việc nào là sai.

Đa số dân Việt Nam đều thờ cúng ông bà, theo Đạo Khổng Mạnh giống như người Trung - Hoa nên Đạo Phật được truyền vào đây một cách dễ dàng không khó khăn mấy, và cũng chính nhờ những Thái Thú coi đất Giao Châu như Sĩ Nhiếp sùng bái Đạo Phật nên Giáo lý của Đức Phật càng ngày càng phổ cập trong nhân gian Việt Nam nhiều hơn. Ban đầu chỉ là những nghi lễ có tính cách cúng dường Đức Phật, như tâu tụng, dâng hoa, quả, xây chùa cho có chỗ cho những vị truyền giáo ở, đúc chuông, tạc tượng để cho có nơi Phật Tử chiêm bái, lui tới thiến môn, và chính những vị tu sĩ này đã phiên dịch những kinh điển bằng tiếng Phạn ra tiếng Hán tiếp tục để truyền bá cho người Việt Nam. Thời bấy giờ người Việt Nam bị Bắc thuộc lần thứ nhất (-111 đến thế kỷ thứ 6) nên văn hóa của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng bởi Hán văn của Trung Hoa, nên đã không cần dịch ra chữ Việt Nam (lúc bấy giờ chỉ có tiếng mà chưa có chữ theo mẫu tự A, B, C). Người Việt Nam học hỏi giáo lý của Đạo Phật và thực hành theo những giáo lý ấy để dần dần biến thành một tôn giáo của dân tộc từ triều Lý đến triều Trần trong những thế kỷ 11, 12, 13 và 14 của Việt Nam.

Và ngày nay trong tất cả tôn giáo, Phật giáo cũng bị chung số phận là không được truyền bá rộng rãi trong dân gian, quần chúng Phật Tử nữa, mà chỉ thu hẹp lại trong phạm vi hạt sạn hẹp, chỉ có tính cách tín ngưỡng hơn là một tôn giáo lớn đem văn hóa của mình ra đóng góp cho quốc gia như trong những thế kỷ trước, nhưng không vì thế mà người dân Việt Nam mất đi niềm tin yêu với Phật Giáo. Vì lịch sử đã chứng minh rằng: Đạo Đức bao giờ cũng tồn tại với thời gian trên cõi thế này và chính thế hay chính quyền chỉ có tính - cách giai đoạn mà thôi. Và đó cũng là nguyên nhân chính để phải bao nhiêu người Việt Nam bỏ nước ra đi, mang đến khắp nơi trên hoàn cầu một nỗi đau thường của con người thiếu Tự Do và Tín ngưỡng.

Đạo Phật cũng đã hiện diện với dân tộc của Quý vị (Đức) cũng đã hơn một thế kỷ nay qua các nhà truyền giáo của người Nhật, người Tây Tạng, người Tích Lan, và Việt Nam chỉ mới trong thập niên 50 trở lại sau này. Chúng tôi thấy rằng mặc dầu đất nước của Quý vị đã có sẵn một tôn giáo lớn. Đó là Thiên Chúa giáo, và Tin Lành Giáo, nhưng Quý vị đã đón nhận và giúp đỡ chúng tôi thật tận tình và không/biết màu da hay tôn giáo, mà còn khuyến khích người Việt Nam nên bảo tồn những sản phẩm tinh thần đó song song với việc hội nhập vào đời sống hàng ngày đối với dân tộc Đức. Chúng tôi đoán chắc rằng: với tinh thần này Phật Giáo Việt Nam cũng sẽ cố gắng đóng góp với Văn Hóa của Quý vị, cho xứng đáng là những người con Phật học hỏi và thực hành giáo lý trí tuệ và tình thương của Đức Phật.

Chúng tôi, những người Việt Nam và những người Phật Tử Việt Nam hiện cư ngụ tại Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức luôn luôn nhớ ơn chính quyền và nhân dân Tây Đức đã giúp đỡ cho v' a n để bảo tồn và phát huy văn hóa Phật Giáo tại đây ngày càng phát triển vững mạnh và đảm bảo được giá trị tinh thần của những người theo Phật một cách sáng suốt, chân thật.

Qua sự khảo sát và nhận xét trên về Phật Giáo đối với một nền văn hóa dân tộc, ta có thể kết luận như sau:

"Khi một dân tộc, một quốc gia phú cường, thịnh vượng, là vì dân tộc đó chuồng những giá trị tinh thần như đạo đức, luân lý, văn hóa ngoài những sự phát minh về khoa học có tính cách vật chất. Ngược lại một dân tộc bị suy vi, một nền văn hóa thiếu đạo đức và thiếu sự đóng góp tinh hoa của nhiều tôn giáo khác nhau thì dân tộc ấy dễ sa vào hố độc tôn và sẽ bị biến đổi theo đã thoái hóa của luật tự nhiên."

## Tin giờ chót

Áp dụng Nghị quyết 297

### Cộng sản Hà nội đàn áp Phật Giáo

Chúng tôi vừa nhận được thư của một Tu sĩ cho biết Cộng Sản Hà Nội đang mưu toan áp dụng nghị quyết 297, nhằm đàn áp cao trào Phật Giáo tại miền Nam. Chúng tôi phổ biến tin tức này để Kiều Bào Phật Tử cũng như không Phật Tử, mỗi cá nhân hoặc đoàn thể tùy theo phương tiện của mình báo động cùng dư luận thế giới về chủ trương đàn áp quyền tự do tín ngưỡng của tập đoàn Cộng Sản Hà Nội.

"Tình hình Giáo Hội Trung ương sau hai năm CS chiếm, mọi cơ cấu đến Phật Tử đều bị ngưng trệ, những từ năm 78 trở lại đây tinh thần Phật Tử rất cao. Việc lễ bái, học Phật của Phật Tử đã trở thành cao trào, làm cho chính quyền lo ngại, nhưng trước hoàn cảnh quá ư đặc biệt, nhất là nạn kinh tế và chiến cuộc xảy ra quanh biên giới, nên đành làm lơ thôi.

Viện Học Đạo chỉ còn có Hòa Thượng Trí Thủ, Thượng Toạ Minh Châu, Trí Tịnh lại là người của chính phủ. Nhà nước đang vận động Hội Phật Giáo Thống Nhất Nam Bắc, Hòa Thượng làm trưởng ban vận động Phật Giáo thống nhất, TT Minh Châu làm tổng thư ký, Hòa Thượng Thiên Hào, Minh Nguyệt của tổ chức Phật Giáo yêu nước thì nằm im, nhưng không có nghĩa là mất vai trò quan trọng.

Sự tổ chức tu học cho Tăng Ni và Phật Tử là do khéo léo và tùy sự dễ dãi của mỗi địa phương chứ không liên hệ với Viện. Ngoài ra, những nơi khác các Giáo Hội muốn tổ chức lễ lược gì đều bị cấm chỉ, đa số là bị di học tập. Nhiều lá thư gởi về Viện, hoặc không tới hay bị dập tắt. Ngay cả Phật Học Việc Giác Sanh tổ chức an cư năm này cũng bị cấm chỉ, Phật Học Viện Giác Ngộ cũng không cho dạy; kể luận số anh em tăng đang tu học tại Già Lam, trước mùa an cư chính quyền đến cũng khai dưới không cho ở và không cho ở bất cứ chùa nào trong đó thành.

Các TT Huyền Quang, Quảng Độ v.v. đều không được làm việc cho Giáo Hội. Vừa rồi trong cái thế "mua bán", nhà nước im cho Ấn Quang tổ chức giới đàn, cả Tỳ Kheo, Sa Di (tôi có tham dự Giám khảo giới đàn này) khoảng 300 vị kể cả Thập Thiện và Bồ Tát. Nhà nước vẫn cấm Thượng Toạ Huyền Quang đọc diễn văn khai giới. Thượng Toạ Quảng Độ có mở lớp dạy kinh Kim Cang cho Phật Tử đầu mùa an cư này, nhưng cũng được nhà nước "trông tượng cho nghỉ dài hạn không lương".

Hiện nay ở nước ta Giáo Hội có chia ra làm hai khối, người ta gọi là Sư quốc doanh và sư thuần túy.

xem tiếp trang 44

# Phật Giáo Việt Nam thời Pháp thuộc (1862-1954)

Thượng Tọa Thích Hiến Chơn  
(tiếp theo)

## 7.-CỤ LÊ ĐÌNH THẨM VÀ CUỘC CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO TRUNG KỲ(1932)

Phong trào chấn hưng Phật Giáo do Tô Khánh Hòa khởi xướng tại Nam Kỳ ảnh hưởng đến Trung Kỳ. Ban đầu Ngài Giác Tiên và cụ Lê Đình Thẩm khai đạo tràng ở chùa Trúc Lâm mới Ngài Phước Huệ chùa Thập Tháp Bình-Định, làm chủ giảng. Sau đến đầu năm 1932 cụ Lê Đình Thẩm làm chủ xướng và thảo điều lệ xin phép chính thức thành lập hội An-Nam Phật Học, tiếng Pháp gọi là: Sociéte d'étude et d'exercice de la Religion Bouddhique de l'Annam viết tắt SEERBA. Chúng ta cũng nên biết qua tiểu sử của hai vị có công rất nhiều trong việc xây dựng Phật Giáo miền Trung.

Ngài Giác Tiên vào tu khi còn nhỏ theo học đạo với Ngài trụ trì Tâm Tịnh chùa Từ Hiếu. Sau chủ chùa Trúc Lâm rước Ngài Giác Tiên về làm trụ trì. Như trên vì ảnh hưởng phong trào Chấn Hưng Phật Học nên đến năm Bào Đại thứ 5 Canh Ngọ(1930), Ngài Giác Tiên rước Hòa Thượng Phước Huệ chùa Thập Tháp (Bình Định) ra dạy tại chùa Trúc Lâm (Huế), Bác Sĩ Lê Đình Thẩm cũng theo học Kinh Luận với Ngài Phước Huệ. Vì Bác Sĩ Thẩm thuộc nhỏ được ông cụ cho học Nho, sau vì Hán học bị bãi bỏ năm 1918, Bác Sĩ bỏ Nho theo Tây học. Vì đã thông hiểu Hán học nên việc học Phật trở nên dễ dàng và nhớ đó Bác Sĩ đã thông cả Đông lẫn Tây học. Lập Hội Phật Học tại chùa Trúc Lâm vì xa nên các Ngài mượn chùa Từ Quang làm trụ sở. Đến năm 1938 Hội này được Sơn Môn Huệ nhường chùa Từ Đàm để làm trụ sở vĩnh viễn cho tới ngày nay. Năm 1939 đức tướng Phật, cất chánh điện và nhà giảng. Ngày 15.8.38 Hội An-Nam Phật Học sửa điều lệ cho mỗi tỉnh ở Trung Kỳ lập Tỉnh Hội Phật Học. Tại

Huế bầu Hội Trưởng toàn kỳ và Ban Tổng Trị Sư điều hành các tỉnh hội Phật Học. Niên khóa đầu, cụ Nguyễn Đình Hòa làm hội trưởng Toàn Kỳ. Các niên khóa sau, Bác Sĩ Lê Đình Thẩm làm Hội Trưởng Toàn Kỳ và Bác Sĩ Thẩm kiểm soát giáo lý từ đầu tới cuối. Cụ Lê Đình Thẩm lại xin phép với nhà cầm quyền bảo hộ Pháp xuất bản tờ Viên Âm nguyệt san ngày 30-6-1933 được nghị định toàn quyền Đông Dương chuẩn phê. Tạp chí Viên Âm nguyệt san số ra đời đầu tiên (số 1) vào ngày 1-12-1933. Cụ Lê Đình Thẩm làm chánh Hội Trưởng và chủ nhiệm (Ngài trụ trì Giác Tiên và trụ trì Giác Nhiên chứng minh). Hội Phật Học năm 1933 mượn chùa Vạn Phước để thiết lập trường học mở lớp sơ đẳng cho học Tăng, do Thầy Giảng Sư Mật Khế làm chủ giảng. Thầy Mật Khế đảm trách dạy dỗ lớp sơ đẳng học Tăng, đến khi tịch ngày 8-4 âm lịch (10-5-1935) Cụ Trí Độ thay làm Đốc Giáo và trường sau đó dời về chùa Báo Quốc mượn liêu chùa cho học Tăng ở. Năm 1938 trường Báo Quốc có 45 học Tăng, Hội chi cấp học bổng 15 học Tăng mỗi tháng 3 đồng 50 cắc. Mỗi tháng hội tốn phí 72 đồng 50 cắc. Trường này do 4 Ngài đảm trách chăm sóc: Ngài Hải Đức, Ngài Vạn Phước, Ngài Từ Quang, Ngài Báo Quốc. Ngày 27-10-1938, lễ đặt viên đá đầu tiên xây trường Báo Quốc đủ các phái Tăng Già Cư Sĩ. Cụ Hội Trưởng Nguyễn Đình Hòa chủ tọa. Cụ Nguyễn Đăng Khoa phó Hội Trưởng đọc diễn văn nói về mục đích cất trường học. Tháng chạp năm Giáp - Thân trường lại dời về Kim Sơn xã Lưu Bảo, đổi tên lại là Đại Tông Lâm. Xuất thân trường này có Thượng Tọa Trí Quang, Thượng Tọa Thiên Minh, Thượng Tọa Trí Tịnh, Thượng Tọa Thiên Siêu v.v...

Bên Tăng Già Trung Kỳ có học viện Tây Thiên, ban đầu do các Ngài Đại Đức và một nhóm thanh niên trong sơn môn tổ chức. Sau giao lại cho toàn thể sơn môn quản cố. Ngài Hoà Thượng Phước Huệ giảng dạy tại trường Tây Thiên này từ nhiều năm qua. Đến cuối năm 1938 Ngài về Bình Định. Học Tăng trường này sau sang trường Phật Học Báo Quốc một số như Hoàng Thố, Trí Diệm v.v...

Sơ sánh trong hai trường Phật Học kể trên Trường Tây Thiên (của Sơn Môn) Huệ chỉ dạy Kinh luận theo lối xưa (từ Hán văn đọc cắt nghĩa ra tiếng Việt). Bên trường Báo Quốc, hội An-Nam Phật Học dạy nhiều môn theo hiện đại, chẳng những học Kinh, Luận mà còn



học những môn khác như Việt, Hán, điển - giảng v.v..

Vì Ngài Trí Độ dốc giáo nguyên là vị giáo sư trưởng tỉnh, năm 28 tuổi đỗ bằng tốt nghiệp làm giáo sư, 34 tuổi lại đỗ bằng trợ giáo. Về giáo lý nhà Phật trước đó Ngài thọ giáo với Ngài Bích Liên, năm 37 tuổi lại cầu pháp với Hòa Thượng Phước Huệ chùa Thập Tháp. Vì thế Ngài Trí Độ học và dạy đủ phương pháp sư phạm và giáo lý có căn bản lắm.

Những người chủ yếu của phong trào chấn hưng Phật Giáo Trung Kỳ phải kể là cụ Lê Đình Thám. Mỗi chiều thứ bảy là có mặt cụ tại Phật Học trường và các bạn đồng đạo với cụ cùng đến dự nghe bài giảng của học Tăng, để rồi phê bình, sửa chữa từng lời câu văn hình thức lẫn tinh thần. Mặc dù cụ là quán đốc bệnh viện hải lao ở Huế công việc cụ rất bề bộn. Dù vậy cụ không bỏ qua dịp nào, chẳng những bên tăng già, học đường, báo chí v.v.. mà còn bên cư sĩ (và hội viên) cụ kết hợp lại tổ chức như: đoàn thanh niên Phật Học Đức Dục, gia đình Phật Hoá Phổ (nay là Gia Đình Phật Tử), Đồng Ấu Phật Tử. Đoàn Phật Học Đức Dục trong số có Phạm Hữu Bình, Ngô Diên, Ngô Thừa, Bửu Côn v.v... được cụ Thám dạy qua các vụ hè. Cụ so sánh triết lý Đông Tây nhất là về yếu lý Đại Thừa Phật Giáo như là Kinh Lăng Nghiêm, Thành Duy Thức luận, Nhơn Minh, Quảng Bách luận v.v..

Những người xuất thân từ đoàn Phật Học Đức Dục còn có Đình Văn Nam gúi danh của Thượng Tọa Thích Minh Châu viện trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh hôm nay, và giáo sư Võ Đình Cường trưởng ban hướng dẫn Gia Đình Phật Tử Trung Ương Việt Nam. Nguyên thủy của Gia Đình Phật Tử là vào năm 1935 ngày 8-4 âm lịch Ất Hợi, Hội Phật Học Huế họp với Sơn Môn Huế tổ chức ngày Phật Đản đầu tiên rước tượng Đức Thích Ca sơ sinh từ chùa Báo Quốc về chùa Diệu Đế (Đông Ba). Tràng phan và đèn lồng, dàn lễ bộ. Nhạc trời bát âm đi hai hàng từ 7 giờ tối bắt đầu khởi hành từ chùa Báo Quốc rước về chùa Diệu Đế đến 10 giờ đêm. Kế đến rước Lương Tôn Cung (Tiên Cung và Thánh Cung) và Báo Đại có dàn kỳ mã đi trước. Khi rước lương tôn cung và Báo Đại, đoàn Đồng Ấu của hội Phật Học 52 em nam lẫn nữ (nam áo lam, nữ áo mủi) hát bài mừng Đức

Phật giảng sinh và các em đồng ấu múa hát có thổi nhạc bát âm đón rước. Lương Tôn Cung ban cho các em Đồng Ấu Phật Tử 50 đồng (hơn 200.000 ngày nay). Ngày 8-12-40 (Canh Thìn) Hội Phật Học nghị định lập một ban thanh niên để truyền bá Đạo Phật trong nước, làm lễ tuyên thế vào ngày nói trên. Hội Phật Học đã có sẵn 9 đoàn viên. Đoàn Thanh Niên truyền bá Đạo Phật mệnh danh là: Đoàn Phật Học Đức Dục, nay còn là Võ Đình Cường, Đình Văn Nam tức là Thượng Tọa Thích Minh Châu Viện trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh. Năm 1943, các thanh niên trong đoàn thành lập Gia Đình Phật Hoá Phổ, về sau trở thành Gia Đình Phật Tử.

Năm 1938 chùa Từ Đàm được Sơn Môn Huế nhường lại cho Hội An-Nam Phật Học (xưa có tên là Quán Tông) Hội dời từ chùa Từ Quang về đây làm trụ sở vĩnh viễn. Các thành viên hội Thừa Thiên cho đến ngày hôm nay (chùa này khởi điểm tranh đấu thời Pháp nạn 1963 dưới triều nhà Ngô). Đồng thời cụ Lê Đình Thám vẫn đồng lập thành 18 tỉnh hội Phật Học toàn xứ Trung Kỳ. Cụ được suy cử chức chánh hội trưởng toàn kỳ (trên tinh hội Phật học một cấp) để chỉ huy và lãnh đạo về mọi mặt. Đây là một gương sáng muôn đời, không sao quên được. Vậy công đức của cụ phải được tin đồ Phật Giáo luôn luôn ghi nhớ. Cụ là hiện thân Bồ Tát tại gia.

Nói tóm lại Tăng tín đồ ta, nên xem cái gương cụ Khánh Hòa đã chủ xướng lập Hội Phật Giáo Việt Nam, để đánh thức giác ngộ ngàn năm của Phật Giáo đồ Việt Nam ta. Tín đồ cư sĩ ta nên xem gương cụ Thám làm rạng rỡ Phật Giáo miền Trung ngày hôm nay vẫn còn dư âm của cụ. Cụ đầu gối váng, nhưng công đức của cụ đối với Phật Giáo Trung Việt ngàn năm bất diệt! Cụ hiện thân tuy là Cư Sĩ nhưng lo đào tạo Tăng tài để truyền bá Phật Pháp, việc làm của cụ đáng tán dương vô tận. Lãnh đạo công cuộc chấn hưng Phật Học Trung Kỳ năm 1932 ngoài cụ Thám ra chắc chắn có người nào làm được công hạnh vĩ đại như thế vào thời ấy.



8. - CỤ NGUYỄN NĂNG QUỐC VÀ VIỆC THÀNH LẬP HỘI PHẬT GIÁO BẮC KỲ (1934)

Ngày 17 tháng 11 âm lịch năm Giáp Tuất (1934) Bắc Kỳ Phật Giáo Hội ra đời. Chủ  
xem tiếp trang 20.

# Ảnh hưởng Phật Giáo trong Thi ca Việt Nam



Bài của Phan Xuân Sanh  
— Học - giả Nguyễn Doãn Can Lộc sưu lục —

(tiếp theo kỳ trước)

Xưa nay, lẽ phải thường không vị n g ư ờ i thân, và chân lý là chân lý chung cho tất cả. Khi trong số người quét lá đã đã có người thành Phật Quan Âm thì cũng không nên khổ chịu đ' đời chằm biếm: "Con n h ề thấy chùa lại nhật lá đã", đ' Thị Kính là hành động giải thoát để thành Phật, đ' một số thấy chùa bất chính là hành động nỗ lực mãi mãi, vui chơn cuộc đời yêu hèn đ' ư ờ i những lớp cảnh khổ lá úa:

Sư đang tụng niệm Nam-mô  
Thấy cô xách giỏ mò cua bên chùa,  
Lòng sư lưỡng lự ngần ngại,  
Bơ kinh bỏ kệ tìm cô hỏi chào,  
Ai ngờ cô đi đằng nào,  
Tay cầm tràng hạt ra vào bần khoản.

Những kẻ chân thành với sự nghiệp giải - thoát và giác ngộ phải nhận đây là những lời chằm biếm và chỉ trích có tính cách xây dựng để bảo tồn đức tướng của các Cao Tăng Đại Đức mà hình ảnh bất diệt có giá trị một tòa kim cương không hề vẩn - đục vì bụi trần, một tòa sen tinh khiết, m ợ c giữa bùn không hôi mùi bùn:

"Trong đầm gì đẹp bằng sen,  
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng  
Nhụy vàng bông trắng lá xanh,  
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

Đọc kinh A Di Đà tả cảnh sắc nước Cực Lạc, ngắm những bức tranh những tác phẩm điêu khắc Phật Giáo trình bày cõi Tịnh độ xuất hiện giữa trần gian, cái cảm giác t r ộ i nhất của chúng ta là cái cảm giác trắng và thơm của đóa sen, cái cảm giác lung linh của nghìn hào quang chiếu sáng trên bùn:

"Nàng chiếu lại láng trên thành,  
Hò sen khe động dạ lành lên lòng".

"Liên đài sánh với hào quang,  
Dẫn người quân tử đá vàng đừng quên.  
Hoa sen đối với Phật Giáo là hình - ảnh giải thoát và giác ngộ, là hình ảnh của

con người lý tưởng phải vươn mình dậy rất huy hoàng và oanh liệt giữa trần gian. Xa thế gian không thành Tịnh độ: Trong m ộ t viên tượng xa rộng của sự nghiệp vị tha Phật Giáo, chúng tôi không hiểu tại s a o người ta cho Đạo Phật là yếm thế. Đố i là khổ chăng? Hãy đồng ý với lớp người bình dân đã can đảm đập vỡ cái vỏ đạo đức, đ ể xác định nghĩa chữ tu:

"Thứ nhất là tu tại gia,  
Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.

"Tu đâu cho bằng tu nhà,  
Thờ cha kính mẹ mới là đi (chờ?) tu"  
Cái quan niệm tu hành rộng rãi này, chính Đức Phật đã nhấn mạnh trong kinh Đại Tập "Gặp đời không có Phật, khéo thờ cha mẹ tức là thờ Phật".

Đường trần xuôi ngược, bất cứ đ' đâu và lúc nào nếu mang theo những ý niệm lành, những khuyến hướng chơn và thiện đều trùng với ngộ Tú Bi và Trí Giác của Đạo Phật.

Ngay trong con người có cả muôn nghìn cõi lồi, ngay trong con người có cả hình ảnh vĩ đại của một Đức Phật: của thiên, ngôi chùa, nếu không phải là các ngôi m ộ l ờ n của tâm hồn, thì phải là nơi tâm hồn tạm ngừng nghỉ, phải là những phương tiện để cho con người đi đến một cuộc sống tinh thần trong sáng và thanh thoát hơn, quan niệm này vẫn có trong ca dao.

"Đất vua, chùa, làng, phong cảnh Phật,  
"Cửa đối người thế, nước non tiên.

hay:

"Ai ai mộ cảnh vui thiên,  
"Lòng trần rửa sạch nhân duyên ra về".

Tìm ảnh hưởng Phật Giáo trong ca dao, ch ứ ta nhận thấy rằng tinh thần Đạo Phật để thâm nhập trong ca dao chính như ca dao là đối trao hình thức, hình thức bình dị, và cõi m ỏ, những hình thức đó là hình thức

căn bản của Phật Giáo bắt nguồn từ quan-niệm vị tha, sắc thái cực lạc, nguyên lý nhân duyên, định luật nhân quả luân hồi, nghiệp báo v.v...

Từ địa hạt ca dao sang địa hạt thơ dĩa u hình thức có khác, phần tư tưởng Phật Giáo vừa nêu trên cũng là tư tưởng căn - bản giúp cho Đạo Phật có một chỗ đứng vững vàng trên thi đàn Việt Nam.

**ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG NỀN THƠ VIỆT TRƯỚC THẾ KỶ 20**

Những bài thơ Việt xuất hiện đầu tiên vào thế kỷ 13. Từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 19, những nhà thơ có tiếng đều thuộc hai thế kỷ cuối cùng và phần nhiều các thi phẩm có giá trị thuộc các thế kỷ 18, 19 này đều chịu ảnh hưởng Phật Giáo, như Cung Đơn - Ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều, truyện Họa Tiên của Nguyễn Huy Tự. Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, Sãi Vãi của Nguyễn Cư Trinh, Văn tế thập loại chúng sanh, Đạn trướng tân thanh của Nguyễn Du cùng những tác phẩm vô danh như Phan-Trần, Quan - Âm Thị Kính v.v...

**PHẬT GIÁO VÀ NỖI KHỔ CỦA CON NGƯỜI TRONG PHAN TRẦN VÀ CUNG ĐƠN NGÂM KHÚC**

Phan Trần

Phan, Trần là hai họ của đôi bạn: Phan Tất Chánh và Trần Kiều Liên. Cuộc tình duyên này chớm nở từ khi chưa sinh, qua bao nhiêu trắc trở đã kết thúc tại một ngôi chùa. Gặp loạn, Trần Kiều Liên khổ sở vì phải xa mẹ và xa bạn tình, lấy pháp danh là Diệu Thượng, xin nương thân ở một ngôi chùa tại đất Kim Lăng:

"Con người yếu đuối thanh tao

"Dáng sùi sụt tủi, chiều ngao ngán sầu!

Trong những ngày đầu tiên tại cửa Thiên Trần Kiều Liên đau buồn, buồn vì duyên - phận:

"Phận mình những tủi duyên mình,

"Nén hương biếng thấp, quyền kính ngại nhân.

Buồn vì nhớ nhà, nhớ quê hương:

"Biết ai giải tâm lòng quê?

"Có chàng đối đức từ bi chuyên vẫn".

Trần Kiều Liên một thời chân thành dưới bóng từ bi cũng có nghĩa là một tâm trạng nặng nề khổ đau đang chờ sự giải tỏa của Phật Giáo.

Phân tích tâm trạng phức tạp của một người đàn bà kết đọng thành một nỗi khổ lớn, sự phụ Kiều Liên đã có những nhận xét kỹ lưỡng và sâu sắc về nàng;

Từ nỗi khổ đau vì lạc cảnh sang giàu:

"Hay là nhớ chôn chướng dài,

"Xạ lan mùi cũ, Hán hải thời xưa".

qua nỗi khổ đau vì tình duyên trắc trở:

"Hay là nhớ nỗi mây mưa

"Ước ao nghĩa phượng đối chớ bạn loan,

"Hay là tiếc thú hồng nhan,

"Sợ phải thức phân e tân nhụy hoa.

Đền nỗi khổ đau vì cái cảnh tế nhị nơi cửa Thiên:

"Hay là khổ hạnh tương cà,

"Hư thân mâm ngọc, đĩa ngà bấy nay,

Tâm trạng này có trong Kiều Liên cũng như đã có trong bao nhiêu người thiếu - nữ xưa nay cùng cảnh ngộ bước đầu nương nhờ cửa Phật như nàng. Nhưng thường tình một trong những phương pháp hiệu nghiệm nhất để giải tỏa nỗi lòng nặng nề và phức tạp là "QUÊN", là biết quên. Tất cả ý nghĩa của Pháp Tứ Diệu Đế Phật Giáo: khổ, tập và diệt, đạo chính là sự biết quên ấy. Tất cả ý nghĩa của cuộc gặp gỡ giữa Kiều Liên và Sư phụ, giữa mỗi sự phức tạp với giáo điển Phật Đà trong Phan Trần chỉ là sự áp dụng phương pháp giải thoát khổ đau của Đạo Phật vào giai đoạn éo le nhất, nhưng có ý nghĩa nhất của một cuộc đời:

"Mỗi dĩa đắp đời ít nhiều,

"Sớm khuya mỡ cá, tối khuya chuông kèn.

"Vàng trắng bạc ngon đèn xanh,

"Dâng hương ngũ vị tụng kinh tam thừa.

Và khi mùi thiền cùng bao nhiêu nếp đời thanh đạm khác của nhà Phật đã đem lại cho người đau khổ một chút bình yên và gây cho họ một niềm sống mới thì đó là ý nghĩa cũng là kết quả của lòng quý - kính trong Đạo Phật.

"Nói viết kệ, chôn đề thơ,

"Mất trần càng nhận, lòng từ càng thanh.

"Rửa không thể tục thường tình,

"Một bình tịnh thủy, một cảnh đứng chi.

"Mới hay hai chữ sắc không,

"Chẳng tỏ mà đề rồi lòng trần duyên.

Hơn nữa, quý kính Phật Giáo không phải là chọn một con đường khác khổ chôn chặt tâm hồn và cuộc sống trong những khuôn khổ đạo đức chẳng bao giờ xả dịch. Vào đoạn kết truyện Phan Trần, Sư Phụ chùa Kim Lăng, sau một thời giúp cho Kiều Liên đi đứng tâm hồn, lại đứng trung gian và



khích lệ cuộc tái hợp giữa nàng và Phan  
tất Chánh. Ở đây người ta không thể phủ  
nhận chút tinh thần rộng rãi của vấn đề  
tu hành trong Đạo Phật. Trên đường giáo  
hóa, Đạo Phật chỉ có mục đích là lãnh -  
mạnh hóa con người, trả lại cho đời những  
con người tráng kiện hơn để có thể thực  
hiện có hiệu quả hoài bão sống báo  
la của họ.

Trên con đường tu đối bước vào ngưỡng-  
cửa Phật Giáo, tư cõi Phật Giáo trở lại  
với đời, chúng ta hãy lắng nghe dư vang  
cuộc đời của người thiếu nữ họ Trần:

"Còn trời, còn nước, còn non,  
"Còn trăng, còn gió, hãy còn đó đây.  
... "Gió bay lới thê xa xôi,  
"Thì ta hồ để dưng ngồi được đây.  
Nhưng khi quyết chí tu hành:  
"Kiếp tu đã nguyện Bồ Đề,  
"Lòng son bầy mối, tóc thê mới phụng.  
Và khi lòng thờ thờ, tư giá cõi Tứ Bì về  
với đời:

"Giã non, giã nước, giã chiến,  
"Giã mai, giã trúc, giã miền cỏ hoa.  
Theo dõi Kiều Liên trong Phan Trần, chúng  
ta nhận thấy rằng cuộc đời của nàng cũng  
như giới tuyến của tập thơ tứ thế' cách  
câu thơ đến tập truyện có đầy đủ những  
lời thoát. Tâm hồn nàng Kiều Liên đánh  
rằng phúc tạp và nặng nề nhưng không hề  
bê tác vì sau khi nhìn rõ tính trạ ng  
tham thường của tâm hồn, nàng can -  
đảm muốn được giải tỏa bằng cách tập  
sống một cuộc đời bình dị, chớ đời và hướng  
về một trong hai con đường: con đường duy  
nhất của tình duyên chân chính, và c o n  
đường giải thoát trong Đạo Phật. M ô t  
trong hai con đường ấy, đường nào cũng  
có sắc màu, ý vị riêng, nếu không gặp được  
hạnh phúc thế gian, ít nhất được c h ú t  
bình yên của tâm hồn. Còn thế thờ l ự c  
bát và giới tuyến của tập truyện Phan  
Trần độn đầy tinh thần rộng mở' trong  
ca dao.

Đọc lại những câu:

... "Gió bay lới thê xa xôi  
"Thì ta hồ để dưng ngồi được đây...  
... "Kiếp tu đã nguyện Bồ Đề'  
"Lòng son bầy mối, tóc thê mới phụng..  
Chúng ta có cảm tưởng rằng một tâm hồn  
khó đau được đi đứng trong một khung-  
cảnh diu hiên và rộng mở nhất định s ẽ  
tìm lại được cảnh yên vui đã mất. Ở đây  
chúng ta nghĩ đến một cuộc đời, một khung  
cảnh trái ngược, cuộc đời khổ đau c u a

người cung nữ trong khung cảnh bề tấc nơi  
cung cấm tại tập Cung Đan Ngâm khúc của  
Nguyễn Gia Thiều.



## CUNG ĐAN NGÂM KHÚC

"Nhân sanh là đau khổ", căn bản của h o c  
thuyết Phật Giáo lắng đọng trong Cung -  
Đan Ngâm Khúc đại khái theo tư tưởng trên.  
Nhìn đời người cung nữ nhìn qua tâm trạng  
một kẻ quý phái lơ' lửng, nàng muốn giải  
nghĩa cuộc đời đồ dang, tẻ lạnh của mình  
theo nhân sinh quan Phật Giáo:

"Bệnh trần đời đoạn tâm can  
"Lúa cỏ đốt ruột dao hàn cắt da!  
"Gót danh lợi bùn pha sắc xám,  
"Mặt phong trần nắng râm mài dẫu;  
"Nghĩ thân phù thế mà đau,  
"Bạc trong bể khổ bèo dẫu bên mề.  
Đạo Phật cho rằng nhân sinh là đau khổ,  
bởi vì con người không ai tránh được bốn  
nỗi khổ lớn: Khổ vì sanh, khổ vì già, khổ  
vì bệnh, khổ vì chết,  
Đầy sanh lão khổ:

"Đời những kẻ thiên ma bách chiết  
"Hình thì còn bung chết đời mau!  
"Thảo nào khi mới chôn đau  
"Đã mang tiếng, khóc ban đầu mà ra.  
Và đây bệnh tứ' khổ:  
"Tuồng huyễn hóa đã bày ra đây,  
"Kiếp phù sinh trông thấy mà đau!  
"Trăm năm còn có gì đâu,  
"Chẳng qua một năm cơ khêu xanh rì".  
Sống phải khổ như thế, muốn thoát khổ, cần  
phải tìm đến cửa Phật.

"Thà mòn thú tiêu dao của Phật,  
"Mỗi thất tình quyết dứt cho xong.  
Phải làm bạn với gió mát trăng thanh,  
phải kết duyên với hoa đàm được tuệ v a  
phải sống ngoài mọi cảm đồ vật chất:  
"Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,  
"Mượn hoa đàm được tuệ làm duyên,  
"Thoát trần một gót thiên nhiên,  
"Cái thân ngoại vật là tiên trong đời.

Một học thuyết, một tinh thần Phật - Giáo  
có giá trị chỉ khi nào nó sống động trong  
con người. Nếu trước kia chúng ta tin ở  
tâm đạo của Trần Kiều Liên trong Phan -  
Trần bao nhiêu, bấy giờ chúng ta càng bức  
bối trước cái vô đạo đức của người cung  
nữ bấy nhiêu. Chúng ta không phủ n h ậ n  
chờ hiểu biết đúng đắn về Phật Giáo của  
nàng cung nữ, nhưng hiểu mà không sống chỉ  
là việc làm thiếu tinh thần đạo đức. Nếu  
chúng ta chỉ nghĩ đến những hạng người  
dùng Đạo Phật như một thứ đồ nư' trang để

trang sức cuộc đời tinh thần, và cũng để che dấu bớt chỗ xấu xa của bộ mặt tinh thần ấy, thì trong số đó có nên kể đến người cung nữ trong Cung Ưan Ngâm Khúc không?

Người Cung nữ này biết Đạo nhưng thiếu sự chân thành tối thiểu đối với Đạo, xét về hạng người này, Tô Đông Pha có hai câu thơ:

"Cả sa vị trước hiềm đa sự  
"Trước đắc cả sa sự cánh đa".

(áo cả sa chưa mặc, lòng nặng sự đời, khi mặc áo cả sa rồi lòng lại còn phức tạp thêm)

Người cung nữ muốn mượn thú tiêu dao của Phật, muốn bạn cùng gió trăng, hoa, đước, nhưng gì có tương quan đến đạo Phật, chỉ cái lời nói bừa bãi và dễ dàng như thế cũng đủ cho chúng ta nghi ngờ ý muốn quy về với tôn giáo của nàng. Phải chăng nàng cung nữ này là hình ảnh nhạt nhạt của một hạng người thiếu can đảm, thiếu hẳn đức tin tuy đã nói đến tín ngưỡng rất nhiều. Một con người như thế nhất định h vấp phải bề tặc, có lẽ vậy Cung Ưan Ngâm Khúc chỉ có nghĩa là một cuộc xáo động tâm tư bị ràng rịt bởi bao nhiêu buồn khổ như người ta xáo động một khúc nước lầy ngưng đọng trong chại. Nếu truyện Cung Ưan Ngâm Khúc không giải quyết được một vấn đề gì, không mở ra được một con đường mới của tâm hồn, thì ảnh hưởng Phật Giáo trong truyện này chỉ nằm trong phạm vi ngôn từ chưa thể hiện ngay trong chính con người đau khổ của nhân vật chính, chưa ảnh hưởng một cách sâu sắc, và chưa đổi chiều nếp sống cùng cuộc đời phức tạp của con người đó. Tới một giai đoạn mà tác động và thể xác của bản thân như xé tan, nghiền nát để ngưng đọng thành dòng tâm tư, thành một ý thức hệ trên đường đời cũng nằm trong phạm vi tín ngưỡng, phải nghĩ đến đoạn đời của nàng Kiều trong mười lăm năm đầy sương gió.

(Còn tiếp)

Trích ở Bản Nguyệt San Văn Học số 37 ra ngày 1 tháng 5 năm 1965. Sài Gòn 1965 trang 46, 47, 48, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75 (kể cả Viên Giác bộ mới số 4 kỳ trước)

\*\*\*

## Trung Thu ca

Trung thu năm Tân Dậu  
Hôm nay ta hát ca  
Bài ca tình thương ấy  
Trăng tròn ôi hương hoa

Trăng thanh sao huyền diệu  
Trăng rằm ôi cao siêu  
Trăng lành trong sáng quá  
Chị Hằng đi ta ca  
Chị Hằng đi ta ca

Chúng em là mầm non  
Là trăng khuyết sẽ tròn  
Chúng em nguồn hy vọng  
Là hôn son nhân gian

Trung thu em lay Phật  
Lay Bồ Tát Quán Âm  
Xin nhân loại hoà bình  
Tình thương trải mông mênh

Như sen trong biển lửa  
Tươi mát hồn sanh linh  
Trăng huyền ôi sáng tỏ  
Ngập vạt ánh thanh bình

Thích Nữ Trí Tánh  
Paris



Thà làm cỏ cây

Xem hoài tai biến nơi nơi,  
Buồn sa nước mắt thương đời lắm than!  
Sinh mà chi kiếp nhân gian,  
Thà làm cây cỏ trên ngàn thành thời.

Đặng Trinh Wallenstätter  
München 10.81

# THIÊN HỌC



Đại Lão Hòa Thượng Thiên Sư YOSHIOKA TOICHI soạn - nguyên tác ZEN  
Thích Như Điển dịch từ Nhật sang Việt ngữ.

(Kỳ 7)

## HỌC TẬP Ở CHÍNH MÌNH:

Càng ngồi Thiền nhiều chừng nào thì những âm thanh của sự hoài nghi càng nhiều chừng ấy. Ví dụ như hành giả tự nghi vấn rằng: "Không biết là ngồi thiền như thế này có tạo thành sức mạnh của nội tâm hay không" hoặc tự hỏi "không biết phương pháp ngày xưa như thế bây giờ có hợp với thời đại này không?..."

Con người trong xã hội hiện tại hay lý luận bằng trí thức. Vì trí thức còn hoài nghi nên mới phát sanh như vậy. Nếu chúng ta muốn biết một điều gì thì trí thức lại thường hay đến trong đầu óc của chúng ta để phân định sự nghi ngờ đó. Vì bị huấn luyện theo tập quán như vậy, nên con người trong xã hội hiện tại đầu cho có nghi ngờ thì thiên bao nhiêu đi chăng nữa cũng không thể đạt được thiên phần nào cả. Nó sẽ bị trả về với thế giới trí thức một lần nữa, nó sẽ hoài nghi về việc ngồi thiền. Đây là kết quả của đời sống văn minh vật chất ngày nay.

Trong những chương trước cũng đã có nói về lời dạy của Ngài Đạo Nguyên như sau:

" Học Phật Đạo tức là học ở chính mình, học ở chính mình là học ở bản ngã tự thân. Học được bản ngã tự thân là chúng được vạn pháp ở trong cuộc đời này".

"Nếu chìm lạng trong bản ngã thì sự tu chứng vạn pháp là sai. Nếu giác ngộ được vạn pháp thì sự tu chứng của bản ngã là đúng".

Nếu sự nghi ngờ còn có, vậy việc ấy là gì? Điều này không phải vì ngồi Thiền mà có

sự nghi ngờ - ngồi thiền chỉ là một khái niệm, mà nghi ngờ là đối nghịch lại với khái niệm. Sự nghi ngờ này là một sự mê mờ vậy.

Trí thức có tỉnh cách khách quan, phổ thông, đại chúng và thông dụng cho mọi người, nhưng điều đó sẽ bị sa vào hố thẳm. Trí thức không phải là một cố gắng mà lại càng không phải là quyền bách khoa tự điển, không phải là quyền sách. Vì trí thức không phát sinh ra trí tuệ được.

Ngài Đạo Nguyên nói con đường Phật Đạo là sự chơn thật của việc tọa thiền. Tọa thiền được gọi là tìm thấy tự chính mình. Tự sự tìm thấy ấy sẽ sinh ra trí tuệ. Trí tuệ không bị biến đổi từ trí thức mà là sự bắt đầu nhận thấy được chính mình vậy.

Ngồi thiền nhiều bao nhiêu thì sự nghi ngờ đến bấy nhiêu. Sự nghi ngờ càng đến thì càng sinh ra cái nghi ngờ khác, và sự nghi ngờ đó không bao giờ có thể dập tắt được. Khi sự nghi ngờ càng gia tăng thì chính thể xác minh cũng bị quên đi. Nếu sống càng lớn thì sống càng to chứ không bao giờ nhỏ lại được.

Nếu người bị trí thức làm chủ thì học công nhận sự tồn tại về sự khái niệm trong việc ngồi thiền. Ngồi Thiền là một sự suy nghĩ chơn chánh (chánh tư duy), yên lặng và tịch tịnh. Ngồi thiền là tự tạo cho mình có một giếng suối mát là tu học ở chính mình, được thể nghiệm bởi chính mình, là nguyên nhân để tự chúng được vạn pháp vậy.

Nếu càng muốn giác ngộ thì càng bị lặn vào trong chôn mê mờ. Chỉ có vậy thôi.



Đệ Tử của Ngài Đạo Nguyên là Hoài Trang đã viết "Chánh pháp nhân tạng tùy thỉnh ký" còn sót lại cho đến ngày nay và trong ấy nói:

"Chúng đấng được là có thân thể đ o a n nghiêm, đứng đắn". Ngồi thiền trong đầu không phải là nghĩ như thế này hay thế kia mà là một sự thể nghiệm của t o a n thể thân thể mình vậy. Toàn thân ở đây không phải là nhục thể mà cả thân l i n tâm cộng chung là thân thể vậy. Ng o i thiền không thể nghĩ thân và tâm là hai sự cá biệt khác nhau mà cả tâm lẫn thân phải đem học đạo. Đó là con đường d u y nhất vậy.

Trong những chùa của Thiên tông thỉnh-thoảng có thực tập nghiên cứu sự vấn đáp của chính mình. Cung kính chấp hai t a y đứng trước người chỉ đạo và nói những điều nghi ngờ của chính mình. Ví dụ như câu:

"Phật là như thế nào?" hoặc là:

"Phật có phải là xa lìa tâm thân không?" v.v. nếu những hành giả của Thiên h o i được những câu hỏi như vậy thì hạnh giả đó được người chỉ đạo khen rằng tốt.

Một câu niệm, một câu nghi vấn và chính tự mình phải giải đáp lấy, đó là con đường có thể dẫn mình đến chân lý của Thiên vậy. Việc này cũng không thể giải thích bằng lời lý luận được để hiểu một c a u có hoặc một câu không. Không có, c ũ n g không không. Vì thân và tâm chỉ là một. Thân và tâm không thể rời khỏi nhau mà liê ra khỏi sự chấp trước của tri thức. Đó là sự cần thiết tự học hỏi ở chính mình vậy.

#### SỰ HÀNH TRÌ HÀNG NGÀY:

Người hay ngồi Thiền không có nghĩa là suốt ngày chỉ biết có việc ngồi thiền, nghĩa là hàng ngày chỉ có việc lên Thiền đường để ngồi thiền mà thôi mà p h á i theo những qui luật năm, tháng, ngày, giờ, và tùy theo từng chùa nữa. Đó là đ o i sống của Thiền môn vậy.

Tùy theo từng chùa của Thiên tông, cũng tùy theo từng phái, từng khu vực khác nhau và từng mùa, nên cũng có những s ự khác nhau đáng kể, những đại để thì cách hành trì hằng ngày như sau:

4:00	gió sáng	thức	dậy
4:15		ngồi	Thiền
5:00		tụng	kinh
7:00		ăn	sáng
8:00		làm	việc
10:00		giảng	kinh
11:30		thọ	trai
2:30		tụng	kinh
4:30		ăn	chiều
5:00		tắm	rửa
8:00		ngồi	Thiền
9:00		ngủ.	

Đây là nhật trình mùa hạ, còn mùa Đông thì thức dậy lúc 4 giờ 30 phút sáng và có một vài thay đổi.

Ngoài ra còn có những công việc Phật sự hằng năm trong những chùa Thiên tông như sau: Ví dụ như chùa Tô đình Tông Trí tự (Sooji ji) ở Yokohama của Tào Động tông:

- Ngày mồng một, hai, ba tháng giêng làngày lễ kỷ nguyên đầu năm.
- Ngày 26 tháng giêng là ngày hội đ a n-sanh của Đức Cao Tổ.
- Ngày mùng 3 tháng 2 là ngày hội t i ế t-phân.
- Ngày 15 tháng 2 kỷ niệm Đức Thích - Tôn nhập Niết Bàn.
- Từ 17 tháng 3 cho đến 23 tháng 3 làngày lễ Bi Ngạn (Higan) (lễ Thanh Minh c ũ a người Trung Hoa và Việt Nam).
- Ngày mùng 8 tháng 4 là lễ Phật Đản.
- Từ 10 tháng 4 đến 16 tháng 4 là lễ báo ân thọ giới hội.
- Từ 21 tháng 6 đến 25 tháng 6 là lễ truyền quang hội nhiếp tâm.
- Từ mùng một tháng 7 đến 15 tháng 7 là lễ Vu Lan bồn.
- Từ 21 tháng 7 đến 25 tháng 7 là tham - thiên hội về mùa Hạ.
- Từ 21 tháng 9 đến 26 tháng 9 là lễ Thanh Minh mùa Thu.
- Ngày mùng 5 tháng 10 là ngày kỵ của Tô Bồ Đề Đạt Ma.
- Từ 12 tháng 10 đến 15 tháng 10 là ngày kỵ tổ khai sơn.
- Ngày 21 tháng 11 là ngày kỵ giảng sanh của Tô khai sơn.
- Từ mồng 1 đến mồng 8 tháng 12 là lễ Lộ Bát tiếp tân hội.

Ngoài những công việc này ra còn có lễ an cư kiết hạ và an cư kiết đông. Nghĩa là 90 ngày cầm túc tu hành, và ngày chú

nhật trong mùa an cư là ngày của những người Phật Tử tại gia đến tham thiền. Vào mùa an cư kiết đông thì những tu sĩ đi khất thực trong sự giá rét. Đó là một phương pháp tu hành vậy.

Nếu đúng theo nghĩa tham thiền thì phải xa liã tình vợ con, nghĩa phụ mẫu, xuất gia tìm Thầy học đạo thì mới đúng, nhưng những người còn vợ, còn con, còn bận bịu với cuộc sống hằng ngày trong kẻ sinh nhai, còn công ăn chuyện làm, học hành chưa dứt thì những kẻ ấy không thể gọi là người xuất gia được.

Mặc dầu không xuất gia nhưng vẫn có thể tọa thiền và cũng có thể chứng đắc được, nếu sống đúng nghĩa với cách sống của một con người thực tập thiền định.

Những người tại gia ngồi thiền gọi là cư sĩ. Ở Ấn Độ có ông Trưởng giả Duy Ma Cật là người cư sĩ mà tu cũng chứng được đạo như thường. Bởi vì khắp nơi ông đều có những bậc thiện tri thức bên cạnh, nên sau khi Duy Ma Cật chứng đắc được đạo có tạo ra một loại kinh, gọi là Kinh Duy Ma Cật. Duy Ma Cật là một người tượng trưng trong cõi thế, ở đời những vấn đề thế tu thành đạo để cho người đời kim cổ soi chung.

Có nhiều người không xuất gia, là cư sĩ nhưng ngộ đạo cũng khá nhiều trong thời kỳ chánh pháp cũng như tượng pháp.

Những người đã giới thiệu Thiên cho các xã hội Âu Mỹ ngày nay đều là những cư sĩ như Suzuki Daietsu và Oouchi Seilan, của Tào Động Tông. Cũng có lắm người làm nghề nhà hàng, ở Tokyo cũng là những người thiên sinh nổi tiếng. Ở tại Pháp, có một người Nhật lúc 51 tuổi ông ta mới xuất gia học đạo, ông ta đã bỏ tất cả sự nghiệp của đời mình để chuyên môn lo việc Thiên định và ngày nay ông ta có rất nhiều đệ tử quy y theo để học đạo.

Thiền không phải là công việc riêng của người Tu sĩ. Thiền mở cửa tất cả cho những kẻ muốn tìm cầu. Trong quyển Vô Môn quan phân mở đầu có viết như sau:

Đại đạo vô môn - (con đường lớn không có cửa vào)  
Thiền sai biệt - (có nhiều sự khác nhau)

Môn tú đắc (Nếu vào được cửa này)  
Cần khốn độc bộ - (Đi thông thả một mình trong vũ trụ).

Đối với con người, chỗ nào có cửa ngõ vào bao ràng khô, những chỗ không có ngõ mà lại vào được mới là chuyện khó hơn. Nhưng vô môn ở đây không phải là chuyện có cửa hay không có cửa vào. Bởi thế cho nên Thiên không phân biệt là cư sĩ hay tu sĩ mà mỗi sinh hoạt trong đời sống hằng ngày phải làm như thế nào để hợp với Thiên, đó là một điều rất cần thiết.

### TÂM HỒN GIỒNG NHƯ BẦU TRỜI RỘNG:

Đối với những người bận rộn thì không bao giờ thấy mình được rảnh rỗi cả. Lúc nào thấy không có công việc gì nhiều nên đi ra ngoài đồng trống, nhìn lên bầu trời xanh, hít thở không khí trong lành của thiên nhiên trong sạch ấy thì mới hay rằng mình đang được sống trong một thế giới có ý nghĩa. Ở đây thiên nhiên hợp với tâm thiền. Trong kinh Bát Nhã có đoạn "tâm vô quái ngại" nghĩa là tâm và cảnh không có sự ràng buộc vậy.

Trong "Tín tâm lục" có viết như sau:  
"Trên dưới không biết là sự không mong muốn. Đây chính là một sự không vậy".

Nếu ngộ được thiên tức là ngộ được cái không. Ấy là nhập và trụ được vào tâm an định. Có nhiều người nghĩ không là không, và có nhiều người nghĩ không là có một cái gì đặc biệt của một thế giới khác v. v. Nhưng sự nhận xét đó, tất cả đều là những sự thấy sai. Có hoặc không, không là điều liên hệ đáng nói mà sự thật của có và không, không là gì cả.

Không đã là một sự khó hiểu, mà "cái không lớn" có người lại nghĩ có cái gì đây, nhưng thật tế "không lớn" ở đây là không có gì cả. Nếu đi tìm cái rộng không thì bao giờ cũng rộng không cả, chứ không có cái cuối cùng của sự rộng không.

Trong trí tâm lục có viết:

"Không là giống nhau và hợp thành của vũ trụ. Không vọng tưởng trong tâm là vắng - tưởng, không mê hoặc. Ấy là tự mình là ý kiến soi được tâm mình vậy".  
Trong quyển tiểu thuyết của Daibutsujiro

có viết rằng: Gặp thời gặp lúc thì hoa nở rộ. Hoa nở như không đợi chờ ai. Vì đã đến giờ và đến lúc. Không phải vì sự lưu tâm xem hoa của kẻ khác, hay vì sự tán thưởng của mọi người mà hoa kia mới nở. Nhưng hoa nở là vì sự vô tâm, dù cho khi nở cũng gượng như khi rơi.

Thiên là chống lại sự tạo tác, chèn ép và việc sửa sang và chủ trương không lập thành văn tự, mà phải sống cho đúng trạng thái của một con người trong cuộc sống hàng ngày, không để tóc dài, không trang điểm lòe loẹt. Vì những thứ đó là tự tạo đối với chính mình. Y phục nên mặc đơn sơ, màu trắng hoặc màu đen thôi. Vì mang nhiều màu sắc dễ làm cho con người bị mê hoặc. Ăn cũng không nên cho sót một hạt cơm, giọt nước cũng là công khó của kẻ khác. Dầu hạt cơm hay giọt nước cũng do công ơn của người khác tạo nên vậy.

Có một nhà báo muốn tường thuật về việc ngồi thiền nên đã đến chùa Vĩnh Bình để ngồi thiền và viết như sau:

"Một ngày ba bữa cơm chay đạm bạc, một thật, cơm, một khoai cũng không được để sót lại. Hàng ngày trong cuộc sống bình thường của người thế gian ai hiểu biết và ai đã thực hành được điều đó?"

Con người của xã hội Âu Mỹ trong hiện tại đang theo đà tiến triển của văn minh vật chất, nhưng có lần ông Thi. Trưởng của thị xã New York đã nói như sau:

"Địch của chúng ta chính là chúng ta vậy". Vì những thừa thãi trong đời sống sung túc hàng ngày của họ lại được chèn ép biến lại để họ dùng tiếp tục. Nên chính họ đã thức tỉnh được điều đó và đã đưa ra những sự cảnh tỉnh như vậy. Điều đó không phải vì chế độ hay vì chính sách mà chính vì mình không tự học ở chính mình, không tự học ở chính mình để làm nên ý thức ấy.

Thiền Sư Sogen Omori của Lâm Tế Tông cũng là một nhà kiếm đạo và một nhà thơ đạo, Thiền sư đã viết:

"Toạ thiền là sự tu hành để thân tâm thành một. Ngồi thiền mà cầm kiếm là kiếm đạo. Ngồi thiền mà cầm bút là thơ đạo vậy"

Nếu mà như vậy thì quả là đã nhất tâm bất

loạn và là nông nghiệp thiên chủ chứ không phải là công nghiệp thiên. Chúng ta cũng có thể nói: khi hướng đến bản học là học sinh thiên, và đó cũng là một trong những việc tọa thiền vậy. Tâm hồn mình tự nhiên vắng lặng như hư không, sống một cách tự nhiên thanh thản trong cuộc sống hàng ngày.

Trong bài ca của Ngài Đạo Nguyên có viết như sau:

"Trong thế gian này nếu con người không sống thật với cái chơn tâm của mình thì không thể nào thấy được cái thanh thản của tâm hồn".

Người sống thật với chơn tâm tìm cầu trong việc tọa thiền là người đang tìm một tâm hồn yên tĩnh vậy. Vượt lên trên cả không gian và thời gian, để trở thành một vị sự tự nhiên của vũ trụ đất trời. Tạo thành một thế giới mới cho sự giác ngộ giải thoát cho muôn loài.

(còn tiếp)

(Kỳ tới Thiên với Thơ Đạo và Trà Đạo)

## Xót xa

Tôi chưa lần nói phụ phàng  
Cũng chưa hề để ngó ngang trần ai  
Buồn vui theo tháng năm dài  
Tâm tự dưỡng thế cát xoay gió chiều  
Bụi mờ về chôn cỏ liêu  
Biết đâu trong đó có nhiều xót xa  
Ví chúng như phận đàn bà  
Má hồng thuyêt gặp trắng hoa bất bình?  
Nào ai muốn khổ cho mình  
Nào ai muốn để hận tình thiên thu?  
Đối buồn như bóng nguyệt lu  
Soi dòng sông đục âm u bể bàng  
Và chưa lần nói phụ phàng  
Cũng chưa hề để ngó ngang trần ai.

— Mai Thúy Ái —

m m



# PHẬT GIÁO THỰC HÀNH

## I. PHÁP MÔN TỌA THIÊN



Thượng Tọa Thích Hiện Chơn

### C.-TRỞ NGẠI KHI DUNG CÔNG THAM THIÊN

tiếp theo

#### 1.- MỐI THAM THIÊN

##### a.- Mối dung công tu thiện khó.

Sở tâm tham thiên có những thông bệnh như vọng tưởng tập khí (thói quen) buông bỏ chưa dứt; vô minh, công cao, ngã mạng, tham, sân, si, ái, biếng nhác, tham thực, thị phi, nhơn ngã, đây cả bụng, nó hay cùng với đạo trả trộn vô. Hoặc nếu là con em của hàng công tử xuất thân "đi tu" thói quen chưa quên (như tánh đài cát phong lưu chưa dứt) bị cái gì hơi gõ bô, chịu không nổi, có chút khổ cũng không kham chịu. Họ có dụng công tu hành, nhưng họ chẳng nhớ Bốn Sự Thích Ca Phật là hạng người thế nào mà đi xuất gia? (Phật sanh trong cung vua, sang tốt bậc, mà khi xuất gia hành đạo, không cái khổ gì Ngài chịu không nổi).

Nếu họ có chút ít học thức về văn tự, bèn tâm chường trích cú, đem lời nói của Cổ Nhân làm chỗ hiểu của mình, lại tự cho không ai hơn, sanh tâm đại ngã mạng.

Khi gặp trường hợp nguy biến (như đau nặng) sáng sớm kêu trời Phật liên miên. Khi mạnh - khỏe chẳng lo tu, đến lúc nguy nan ăn năn sao kịp!

Người có chút đạo tâm, lại không chịu hạ thủ công phu. Hoặc nếu có công phu lỡ gặp phải một vài trở ngại thì đâm lo sợ; vọng tưởng dứt trừ chẳng được, cả ngày bị phiền nhiễu nghiệp chướng nặng nề, nhơn đó làm thôi mất đạo tâm.

Hoặc có khi cùng vọng tưởng tranh mạng như: nổi cơn giận dơ tay lên lặc lưng, trợn mắt hình tướng dữ cùng với vọng tưởng quyết một phen tử chiến, đó là trừ vọng chưa rời, lại thêm bị phát cuồng. Hoặc có tự tưởng sợ lạc về "không" biết, sớm đã sanh ra "quỉ". Cái không cũng chẳng không; ngộ lại chẳng ngộ. Hoặc đem tâm tìm ngộ đạo, tưởng thành Phật. Nhưng cái ấy đều là vọng tưởng, ví như cát, bản chất chẳng phải là ngọc, cầu đến nhiều năm, quyết định chẳng được ngọc. Hoặc có khi ngồi một hai cây hương (ngồi tịnh được một hai hương) bèn sanh tâm hoan hỷ. Cảnh ấy giống như con rùa đuối bị mắc trong bọng cây (rùa đuối mắc trong bọng cây chưa ra được). Cảnh ấy do ta tự nhiên hiện ra như thế, chưa phải là hiện tại công phu, vì ma hoan hỷ đã sớm dựa theo tâm ta. Hoặc khi ngồi tịnh cảm - giác được thanh tịnh nhiều. Trong khi động cảm giác không thanh tịnh nên có ý muốn tránh cái động để đến cái vắng lặng. Như thế sớm đã làm bả con của hai loại ma vương "động tịnh".

Những loại như kể trên rất nhiều, kẻ mới dụng công tham thiên, thật hành chưa đến đâu đứng thật khó. Khi có giác không chiều thổi tán loạn không thể "vào nhà". Có chiều không giác như chết trong đày nước.

Đại khái đoạn này nói: do công phu nên vọng tâm vọng hiện ra, cảnh động và cảnh tịnh. Nếu ta chấp cho là thật thì bị hai thứ ấy vướng vào tâm nên nói hai thứ ma "động tịnh".

Tham thiên khi chưa đến đâu đứng thật khó (chưa đúng lối đi vào chỗ chơn) có giác không

chiều, có chiều không giác như kẻ bị chìm ở đáy nước, nên cần phải có đủ cả hai mới được (giác, chiều như chỉ và quán).

## b.- Mối dụng công tham thiền để.

Buông bỏ tất cả, chỉ riêng để nhất niệm. Dụng công tu tập. Tuy nói rằng khó; nhưng thực hành đến đâu đường rất dễ (như đi vô đầu đường về nhà). Ở đâu có cái gì kỳ xảo, chỉ buông bỏ tất cả là đúng. Buông bỏ cái gì? Buông bỏ tất cả vô minh phiền não. Làm cách nào mới có thể buông bỏ được? Chúng ta cũng có khi thấy người chết, hay thú' mạng tứ' thi vài câu tứ' thi đầu có nổi giận, đánh mấy nó cũng không đánh lại ta. Bình nhứt ta đã phá vô minh, khi trở' thành tứ' thi ta đâu còn đá phá. Bình nhứt háo danh, háo lợi, khi ấy danh lợi cũng không cần. Bình nhứt nhiều tạp nhiễm, khi ấy tạp nhiễm cũng không có. Cái gì ta cũng không phân biệt, cái gì ta cũng chẳng có ý để buông bỏ, khi ta đã là tứ' thi.

Quý vị đồng tham thiền, thấy thân xác của chúng ta, khi ba tác hởi thở ra không trở' vào lúc ấy, trở' thành tứ' thi rồi. Chúng ta sợ dĩ buông bỏ tất cả chưa được là vì chúng ta còn xem thân này là quý trọng, mới sanh ra nhơn ngã, thị phi, thường ghét, thú' xả. Nếu chúng ta nhận định thân xác này là một tứ' thi, chẳng còn quý trọng nó nữa, cần cỡi vì chúng ta chẳng đem nó ra quan sát như vậy, lại có cái gì mà bỏ chẳng được.

Trong mỗi ngày 12 giờ, bất luận là đi, đứng, nằm, ngồi, động, tịnh, gập, huôn v.v.. Suốt cả trong thân và ngoại cảnh chỉ' là một "nghĩ niệm". Bình bình, hòa hòa không gián đoạn. Cái "nghĩ niệm" chẳng xen lộn mấy may niệm khác. Một câu thoại đầu, như cây thiên trúc kiêu ma đến trăm ma, Phật đến trăm Phật (ma và Phật đây là vọng niệm chớ đâu phải là Phật thật, ta nào dám trăm Phật thật. Được vậy chẳng sợ vọng tưởng nào cả). Có cái gì bắt ta chia ra "động, tịnh, có, không" nữa đâu.

Chúng ta cả sợ vọng tưởng, thì càng sợ lại càng thêm một lớp vọng tưởng nữa. Biết thanh tịnh thì không phải là thanh tịnh nữa. Sợ sa lạc về "không" thì đã trải qua cái "có". Tưởng thành Phật, thì ta trước đã bị lạc vào đường ma. Sợ dĩ làm nhất đầu không phải là "diệu đạo". Mọi việc làm đâu chẳng phải là "thiên cơ". Chẳng đợi khi xếp chón ngồi tịnh mới cho là đúng công hành đạo (tham thiền).

## 2.- THAM THIỀN GIÀ DẶN

### a.- Dụng công tham thiền già dặn khó.

Giai đoạn này ta có thể ví như đi qua cây sào trăm thước, khó bước qua khỏi đầu sào. Thế nào là dụng tâm tham thiền già dặn khó?... Dụng công già dặn đến thời kỳ "chờn nghĩ hiện trước dù có "giác", có "chiều" vẫn còn thuộc vòng sanh tử; "vô giác, vô chiếu" thì bị đọa lạc về chỗ "không xong". Đến cảnh giới này thật là khó. Phần nhiều đến cảnh này chỉ mới như thế' đứng trong khoảng trăm thước nhưng chưa bước qua khỏi. Sẽ có những việc như sau xảy tới: trong "định phát mắt điểm huệ", lãnh hội được một ít của Bồ' Nhãn mây c á i công án bên bờ hết nghĩ tình (Công án có nhiều thứ như: ta tham thoại đầu bằng câu niệm Phật là ai? Nó là một thứ công án trong nhiều cái nghĩ tình tham thiền; nhớ có nghĩ tình mới tỏ ngộ được, nếu bỏ nghĩ tình làm sao mà tỏ ngộ).

Bỏ nghĩ tình tự cho là thấu triệt chón lý và đại ngộ, rồi ngâm vịnh làm thi, làm kệ, nhường mắt, trốn chón mây xung là thiện tri thức, đều chẳng biết mình là bả con quyền-thuộc của ma.

Lại có những cái hiểu lầm các lời dạy của Tổ sư, chẳng hạn "Ngoài dứt hết các duyên, trng tâm chẳng thở, tâm như, tâm vách, có thể cho là chúng nhập đạo lý" (Đạt Ma Tổ Sư). Hoặc câu "Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, chính khi đó là lúc rõ bõn lai diện mục của Thượng Tọa. (Lục Tổ Huệ Năng). Vì hiểu lầm nên lấy sự ngồi như cây khô, như đá, cho là "cực tấ" (pháp tốt bậc rồi). Những hạng người đó lấy chỗ tạm (hóa thành) cho là chỗ quý báu (bảo sở).

b.- Dụng tâm tham thiên giả dẫn đề  
(nhớ nhiệm, kín đáo thực hành)

Thế nào là dụng tâm tham thiên giả dẫn đề?...Đến thời kỳ này, chỉ cần không tự mãn (cho là đủ rồi), không thôi nữa chừng. Cần phải nhớ nhiệm kín đáo đề thực hành, càng nhớ nhiệm lại càng nhớ hơn, khi tỏ ngộ ví như cái thùng đập lủng đáy (đến đây là phá vô minh ngộ đạo rồi). Nếu chưa được thế, nên tìm Thiện Trí thức lấy đanh mã cạy cái thùng ra (ý nói nhớ Thiện Trí thức khai ngộ giùm ta).

Hàng Sơn Đại Sĩ có bài tụng:

"Cao vòi vòi trên không  
Bốn phía tốt vô biên  
Tịnh tọa không người biết  
Cổ nguyệt chiếu hàn tuyên  
Trong ao lại không trắng  
Trăng ấy, ở trời xanh

Đại ý nói: Các pháp môn phương tiện như dùng Công án thoại đầu để tham thiên. Chúng ta nương pháp phương tiện để thâm nhập diệu lý; cũng như nương

Ngâm đây một bài kệ  
Trong bài kệ không thiên

Câu đầu riêng nói: Bản tánh chơn thường (chơn tâm) chẳng thuộc vật gì, tất cả đại địa sáng tỏ chẳng có tí gì trở ngại.

Bốn câu tiếp ý nói: "chơn như diệu thể phạm phu vẫn không biết được. Chỉ có chư Phật mới biết được mà thôi, cho nên gọi là "vô nhân thức". Từ Cổ nguyệt chiếu hàn tuyên đến câu: "trăng ấy ở trên trời xanh", ý Hàng Sơn Đại Sĩ muốn nói: phương tiện cũng như cảnh ấy là giả không có thật cảnh. Hai câu sau chót ý nói: sợ người ta nhận ngón tay làm mặt trăng cho nên đặc biệt đề cảnh tịnh người tu thiên, phạm có ngôn thuyết (nói năng) đều không phải là thiên.

Đây là phương pháp tôi mới giảng một bài cũng như chia xé giấy cát đẳng, chia tiết mạch ra, phạm có ngôn thuyết đều vô thật nghĩa. Nên xưa kia, Cổ đức độ người "không bông, thì hát". Bông là cây bèo, cây gậy, xưa các Tổ Sư Thiên tiếp độ người đến chỗ ngộ đạo, chẳng biết làm sao mà nói được, vì là tuyệt đối, lý ngôn thuyết, nên dùng bèo để đánh vài bèo, hoặc quát to lên thì người đến hỏi Đạo liền ngộ. Trong ấy có những yếu chỉ, diệu chỉ. Ngày hôm nay, chẳng qua là không thể đem so sánh bằng đời xưa, bắt đặc đi như "cường lấy tay để chỉ trăng". Các vị đồng tham thiên; cứu cánh của tay là ai?... Trăng là ai?.

Tham thiên nên cứu xét chỗ ấy để biết theo ngón tay nhìn trăng; tay kia chưa phải là thật thể của trăng; chính như tay để nhận rõ mặt trăng vậy.

(Còn tiếp)

## Hộp thư Phật sự

- \* Đặc San Viên Giác phát hành 2 tháng một lần bằng tiếng Việt và một số tiếng Đức trong năm, nhằm mục đích bảo tồn và phát huy văn hóa Phật Giáo và văn hóa Dân Tộc tại nước Đức cũng như tại Hải Ngoại, không có tính cách thương mại, việc ủng hộ là tùy tâm của Quý vị độc giả, không có tánh cách bắt buộc. Quý vị nào muốn nhận được báo xin vui lòng biên thư về chùa, ghi tên họ người nhận và địa chỉ rõ ràng. Điều kiện chỉ cần có thể.
- \* Quý vị nào thay đổi địa chỉ cũng xin thông báo cho chùa biết trước địa chỉ mới để gửi báo đến quý vị đúng thời hạn và tránh khỏi việc gửi báo đi và bị gửi trả về. Kính mong Quý vị độc giả hợp tác chặt chẽ cho.
- \* Ngoài ra xin nhắc lại một lần nữa với những vị đã mượn sách của chùa, xin hoàn trả lại để tiện bề làm mục lục sách cho thư viện. Xin thành thật cảm ơn.
- \* Quý vị nào muốn tham khảo Tam Tạng Kinh Điển bằng Hán Văn xin ghé lại thư viện của chùa để nghiên cứu (Tam Tạng gồm 100 bộ, mỗi bộ dày khoảng 2.500 trang và sẽ về thư viện trong vòng cuối tháng 11.1981).



## Bậc Trung Thiện

### LÝ NHÂN DUYÊN SANH

#### I ĐỊNH NGHĨA



Nhân là những môn có năng lực phát sanh, duyên là những môn hỗ trợ giúp nhơn phát sanh. Nhân duyên là một định lý nêu rõ mọi sự vật ở đời đều do các nhơn duyên hội hợp mà hình thành phát sinh.

#### II VÍ DỤ

Như cái bàn do gỗ làm nhơn và công thợ đing đóng ghép làm duyên hội hợp thành cái bàn. Như cây lúa do hạt lúa làm nhơn và công cấy bừa gieo tưới làm duyên, hội hợp thành cây lúa.

#### III NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA LÝ NHƠN DUYÊN SANH

1) Lý nhơn duyên sanh là một lý định hiện thật nêu rõ sự hình thành phát sinh các pháp là do các nhơn duyên hội hợp. Định lý này Đức Phật căn cứ trên cảnh thực tại để thuyết minh trình bày.

2) Lý nhơn duyên sanh chi phối tất cả. Tất cả sự vật sai khác đều do các nhơn duyên hội hợp hình thành phát sanh: lý nhơn duyên sanh chi phối tất cả, không một sự vật gì có thể thoát khỏi sự chi phối của lý này.

#### IV SỰ ỨNG DỤNG LÝ NHƠN DUYÊN SANH

Nếu chúng ta đã hiểu lý nhơn duyên sanh chúng ta sẽ có được nhiều sự ứng dụng rất thiết thực.

1) Lý nhơn duyên sanh cho chúng ta rõ chỉ có các nhơn duyên, chứ không thấy thật có một sự vật nào, mà có nhơn duyên kia cũng chỉ là sự vật, cũng chỉ vì nhơn duyên hòa hợp mà thành, chứ cũng không thật.

2) Lý nhơn duyên sanh nêu rõ sự tương quan của các pháp, các pháp hình thành toàn nhờ sự tương quan tương duyên giữa

các pháp. Trong các nhơn duyên hội hợp hình thành một pháp, nếu có một nhơn hay một duyên thay đổi thì pháp ấy cũng thay đổi.

3) Lý nhơn duyên sanh cho chúng ta rõ mọi vật đều do nhân duyên giả dối hợp thành, chứ không phải tự nhiên mà có, và cũng không phải do một vị Thượng Đế sáng tạo ra.

4) Lý nhơn duyên sanh cho chúng ta rõ chúng ta tự chủ đời chúng ta, tương lai nằm trong tay chúng ta bởi vì đời chúng ta đẹp hay xấu, thiện hay ác, là toàn do những nhơn duyên chúng ta tự tạo tác.

#### V KẾT LUẬN

Lý nhơn duyên sanh cho chúng ta rõ mọi vật chỉ là sự hình thành của các nhơn duyên hội hợp và nhờ vậy chúng ta hiểu được sự vật là như huyền không chắc thật thì không bị đắm nhiễm theo các pháp; trái lại có thể xây dựng an lạc hạnh phúc cho mình, cho mọi loài được sống tự tại và giải thoát.

### NHÂN QUẢ

#### 1.- ĐỊNH NGHĨA CHỮ NHÂN QUẢ

Nhân là nguyên nhân, quả là kết quả, Nhân là năng lực phát động, quả là sự hình thành của năng lực phát động ấy. Nhân quả là một định luật tất nhiên, nêu rõ sự tương quan tương duyên giữa nhân và quả: phạm đã có nguyên nhân tác động, tất nhiên có kết quả hình thành, phản ứng nguyên nhân ấy. Ví dụ: Có học thì biết chữ, đánh trống thì có tiếng vang dội. Như vậy chúng ta biết rằng tất cả sự vật hiện tại đều là kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của nghiệp nhân, không phải có ai sanh, cũng không phải tự nhiên sanh.

#### II NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VỀ LÝ NHÂN QUẢ

Nhân quả là định luật hiện thật: Đức Phật không phải là người sáng chế đạo lý nhơn quả, ngài chỉ là một người đã giác ngộ sự tương quan tương duyên giữa nguyên nhân và kết quả của sự vật. Đức Phật căn cứ trên hiện cảnh thực tại để thuyết minh trình bày lý thuyết nhân quả cho chúng ta hiểu.

2) Nhận quả chi phối tất cả:  
Tất cả sự vật, tất cả các sự hướng thọ dù có sai khác chênh lệch nhau, nhưng cũng đều là sự hình thành sai biệt của nghiệp nhân bất động. Bởi thế định luật nhân quả chi phối tất cả sự vật, không ai có thể phủ nhận đạo lý nhân quả, nếu muốn hiểu biết đúng với sự thật.

3) Nhân quả là một định luật rất phức tạp:

Lý nhân quả không phải giản dị như chúng ta thường hiểu. Sự liên lạc, tương quan duyên, tương phản giữa nhân và quả, nhiều khi làm đạo lý nhân quả trở thành phức tạp khó nhận. Cũng bởi thế những người trí thức nông nổi tâm thường, khó nhận thức đúng với sự thật, với đạo lý nhân quả được.

### III SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA NHÂN VÀ QUẢ.-

Đức Phật dùng đạo lý nhân quả để giải thích trình bày sự tương quan tương duyên giữa nhân và quả. Sự tương quan ấy rất mật thiết, nhưng cũng rất phức tạp khó nhận.

1) Một nhân không thể sinh ra quả:

Sự vật giữa vũ trụ này đều là sự tổ hợp của nhiều nhân duyên. Cho nên không có một nhân nào có thể tự tác thành kết quả được, nếu không có sự giúp đỡ của nhiều nhân khác. Ví dụ cây lúa không những chỉ do hạt lúa tạo thành mà cần phải có các nhân khác giúp vào hạt lúa mới nảy mầm thành cây, và cây phát triển tồn tại.

2) Nhân nào quả ấy, mấy mún không sai:

Nhân thế nào thì kết quả cũng như vậy, chứ không bao giờ nhân quả tương phản, mâu thuẫn nhau. Người học đàn chỉ biết đàn, chứ không thể biết về người làm việc lợi ích thì bao giờ cũng được kết quả tốt chứ không thể có kết quả xấu.

3) Trong nhân có quả, trong quả có nhân:

Chính trong nhân hiện tại chúng ta thấy quả vị lai và chính trong quả hiện tại, chúng ta đã tìm được nhân của quả khứ. Ngay trong sự hướng thọ của kiếp người, chúng ta thấy rằng, sơ dĩ hiện tại chúng ta chịu mọi điều thống khổ là vì nghiệp nhân bất thiện của chúng ta đã tạo. Ngược lại, chúng ta có thấy: nếu hành động hiện tại là tốt đẹp, tất nhiên kết quả tương lai sẽ sáng tươi. Trong người Phật Tử chơn chính hiện tại, chúng ta có thể thấy rõ rằng nguyên nhân tốt đẹp của người ấy đã gieo ở thời quả khứ và cũng thấy rõ quả

báo tốt đẹp của người ấy sẽ được hưởng thọ ở đời vị lai.

4) Nhân có năng lực tạo thành hình tướng  
Cổ với, gạch, đất, đá và nhân công hợp lại thì thành cái nhà, nếu những dụng cụ ấy rã rời, lỵ gián hay biến hoại thì hình tướng của cái nhà không còn.

### IV.- SỰ LIÊN LẠC GIỮA NHÂN QUẢ QUA THỜI GIAN:

a) Nhân quả một thời:

Nhân quả nối liền nhau, vừa tạo nhân, quả liền phát khởi. Như đánh chuông liền nghe tiếng: Quả theo liền với nhân, chứ không cần chờ đợi một thời gian quả mới thuận thực.

b) Nhân quả trong hiện tại:

Tạo nhân đời này thì kết quả cũng trong đời này, như trồng lúa thì chừng 6 tháng đã có lúa, không cần phải đợi một thời gian lâu xa.

c) Nhân quả trong hai đời:

Nhân tạo đời trước, đời này mới kết quả; nhân tạo đời này đến đời sau mới kết quả nghĩa là cần đợi một thời gian khá lâu, quả mới thuận thực.

d) Nhân quả trong nhiều đời:

Nhân tạo từ các đời trước, đến đời này mới kết quả. Nhân tạo trong đời này, đến các đời sau mới kết quả.

### V.- NHỮNG VÍ DỤ VỀ LÝ NHÂN QUẢ.-

Nhân quả là một sự thật, một định luật tất nhiên của sự vật, vì thế không có sự vật nào thoát ngoài sự chi phối của định lý nhân quả.

1) Nhân quả nơi hiện ảnh:

Núi rừng là kết quả của nhiều cây hợp lại, cây được sinh tồn phát triển là nhờ sự nuôi dưỡng của các thứ hóa chất, thân khí sinh tố v.v... Nắng lâu ngày thì đại hạn, mưa nhiều thì cây cối tàn hại, nạn nước dâng trào.

2) Nhân quả nơi tự thân:

Thân thể là nơi kết hợp của các tế bào, bốn đại và năm uẩn; người béo tốt là bởi sinh lực dồi dào, huyết quản lưu thông và sống hợp vệ sinh điều độ.

3) Nhân quả nơi tự tâm:

Tâm tình tư tưởng và trí thức con người cũng chịu sự điều khiển chi phối của định lý nhân quả. Làm điều độc ác thì trí tuệ thấp hèn, nghĩ điều lành thì tâm tình thuận thực, học nhiều nhớ rộng thì kiến

thức mớ mang, thông thái uyên bác.

## VI.- SỰ ỨNG DỤNG LÝ NHÂN QUẢ:

.- Nếu chúng ta đã hiểu định lý nhân quả và cố gắng thực hành thì có rất nhiều sự lợi ích:

1) Lý nhân quả làm chúng ta thấy sự thật. Trong lý nhân quả, đức Phật đã giải thích rõ ràng sự tương quan giữa nhân và quả, nghĩa là sự liên lạc mật thiết giữa vũ trụ vạn hữu. Như vậy chúng ta có thể hiểu thấu được thực trạng của sự vật, như sự thật mà hiểu biết, chứ không vọng tưởng sai lầm.

2) Không tin theo thuyết Thượng Đế thần quyền:

Căn cứ định lý nhân quả, đạo Phật phủ nhận thuyết vũ trụ do một đấng Thượng đế sinh ra, và cố uy quyền thưởng phạt muôn loài. Vì thế nên Phật Tứ hiệu nhân quả, không mê tín dị đoan, không y lại thần quyền.

3) Người hiểu nhân quả đặt lòng tin tưởng ở chính mình:

Đã biết cuộc đời của mình do nghiệp nhân của chính mình tác thành, như thế thì tự mình là chúa tể và có đặc quyền cải tạo đời sống của mình hiện tại, trở thành trong đẹp thanh cao.

4) Người tin lý nhân quả không chán nản không trách móc:

Đã rõ tất cả hoàn cảnh hưởng thọ đều do chính mình tác động, người hiểu nhân quả, dù gặp thất bại, nghịch cảnh cũng không chán nản trách móc ai. Chỉ lo tự mình cải tạo lấy nghiệp nhân bất thiện, để được hưởng kết quả chân chính thanh tịnh mà thôi.

5) Người hiểu biết nhân quả chỉ lo tạo nhân lành và bất cứ làm một việc gì cũng nghĩ đến kết quả trước:

Đã hiểu những sự hưởng thọ hiện tại đều do nghiệp nhân quá khứ tác động, nên muốn được kết quả tốt đẹp, cần phải siêng tạo những nghiệp nhân thuần lương, và trong lúc tạo nhân, lại cần nghĩ những kết quả sẽ thành tựu có tốt đẹp không, mới chịu làm.

## VII Kết Luận:

Lý nhân quả là một định lý tất nhiên: Chi phối tất cả sự vật và lý ấy cho chúng ta thấy rõ ràng: mọi sự hưởng thọ dù tốt đẹp hay xấu xa của kiếp người hiện tại cũng là sự trình bày khách quan của nghiệp nhân ở quá khứ. Cho nên con người

là đấng chúa tể, con người tự định đoạt, tự tác thành đời sống của mình, chứ không ai có quyền can thiệp, thưởng phạt. Định lý nhân quả của Đạo Phật đem lại cho chúng ta một đức tin mạnh mẽ, sáng suốt, và mở rộng chân trời giải thoát giác ngộ cho mọi loài chúng sanh.

*tiếp theo trang 6*

xướng là cụ Nguyễn Năng Quốc sanh năm 1870 tại Nha Trang, học Nho đỗ đạt làm quan ngạch Nam triều đến chức Tổng Đốc. Bên Tăng già có sư cụ Trí Hải. Ban sáng lập gồm 32 vị cư sĩ. Đứng đầu trong số 32 vị Hội viên Bắc Kỳ Phật Học Hội là cụ Nguyễn Năng Quốc, là vị chủ xướng với cụ Trần Văn Giáp, cụ Bùi Kỳ, cụ Nguyễn Văn Ngọc, cụ Nguyễn Văn Ánh, Văn Quang, Thùy Bùi Thiện Có, Bùi Thiện Cầu, Lê Dư, Lê Toại Nguyễn Cang Mông, Dương Bá Trạc, Thiệu - Châu v.v... thỉnh Tổ Vinh Nghiêm làm vị Tông Lâm Pháp Chủ. Hội Quán đặt tại chùa Quán Sứ phố Riscoud Hà Nội. Xuất bản tuần báo Đuốc Tuệ ngày 10 tháng 12 năm 1935 ra số đầu tiên; chủ nhiệm là cụ Nguyễn Năng Quốc, quản lý Cung Đình Bích, chủ bút gồm có các sư cụ Phan Trung Thứ, Dương Văn Hiến.

Tóm lại công cốt lập "Phật Giáo Bắc Việt là cụ Nguyễn Năng Quốc đáng ca tụng nhất đối với đất Bắc".

Ngoài ra còn có tạp chí Tiếng Chuông sớm của Cổ Sơn Môn xuất bản ở Hà Nội do Tăng Cang Đỗ Văn Hy chùa Bà Đá làm chủ nhiệm. Báo quán đặt tại chùa Bà Đá và Bồ Đề Tân Thanh. Những cơ quan truyền bá giáo lý bằng báo chí hướng ứng Phật - Giáo Nam Kỳ và Trung Kỳ.

Trong lịch sử Phật Giáo nước nhà lần đầu tiên ba kỳ đều có báo chí để truyền bá Phật Giáo và học dưỡng.

Hội Phật Giáo Bắc Kỳ thời này cũng mở lớp dạy các khóa hạ cho chư Tăng tại chùa Quán Sứ. Trưởng Ni tại chùa Bồ Đề và Bút Tháp. Hội tự hoạt động đến năm 39 40 đệ nhị thế chiến bùng nổ toàn cõi Đông Dương năm 1940. Hải Phòng bị Anh, Mỹ dội bom và Sài-Gòn vì quân Nhật chiếm đóng từ Bắc đến Nam, mãi đến năm 1945 Hội Phật Giáo Bắc Kỳ trong mấy năm ấy chỉ cố thủ và di tản chằng còn hoạt động gì được nữa.

(còn tiếp)





## Đức tin trong Đạo Phật

Tác giả Đại Đức Kassapa Thera

Nguyên tác The simpler side of the Buddhist doctrine

Phạm Kim Khánh trích dịch.

Chữ "Đức Tin" thường được dùng để dịch danh từ "saddha" trong tiếng Phạn. Saddha là một Phạn ngữ rất khó phiên dịch qua một từ ngữ khác. Danh từ "Đức Tin" mà ta thường dùng không bộc lộ hết ý nghĩa của chữ "Saddha". Vậy nơi đây chúng ta hãy giữ nguyên vắn danh từ "saddha".

Saddha là gì?

Một em bé đang thành kính dâng lễ Đức Phật xuyên qua những thánh tích như Xá Lợi Phất như cây Bồ Đề mà xưa kia đã đỡ nắng che mưa cho Ngài, như những tượng đá, tượng đất, tượng giấy, mà người nghệ sĩ tận lực đem hết tâm trí hình dung Đức Phật theo sự tưởng tượng của mình. Đó là hình thức gián tiếp nhất của Saddha.

Niềm tin tưởng mà em bé trọn vẹn đặt nơi Tam Bảo là tất cả sự tín nhiệm mà cha mẹ em đã tạo nên trong tâm em. Sự tín nhiệm ấy sẽ dẫn dắt em trải qua quãng đường dài của đời sống một cách châu toàn. Sự tín nhiệm ấy cũng tương tự như "Đức Tin" mà người đời đặt vào những việc như sao Bắc Đẩu, như thuyết điện tử, hay thuyết quantum. (Chắc chắn người ấy không có cơ hội để chứng nghiệm thuyết quantum, hay những thuyết về điện tử v.v....)

Saddha của người Phật Tử đứng tuổi có phần lễ nhị và cao thượng hơn. Saddha là đặc tính chính yếu của người Phật Tử trong sự thờ phượng cúng dường Đức Phật. Trong những xứ Phật Giáo, đến ngày lễ Phật Đản người Phật Tử hết lòng thành kính đi từ chùa này đến chùa khác để chiêm bái Đức Thế Tôn. Khách phương xa đến viếng chùa Lanka trong dịp lễ Phật Đản chắc không khỏi ngạc nhiên tự hỏi, "Phật Giáo đã phủ nhận một thần linh Tạo Hóa đứng lên muôn loài vạn vật; Đức Phật đã dạy phải luôn luôn bình tĩnh dùng lý trí suy đoán và quan sát tận tường mọi việc, tại sao người Phật Tử cũng đến chùa tôn sùng kính bái những pho tượng như người thờ Thần Linh?"

Vậy, lòng tôn kính sùng bái kim thân Đức Phật có ý nghĩa gì? Sự tôn sùng ấy chắc chắn phát sanh do Saddha. Chúng ta có thể phân tách Saddha của người Phật Tử không? Có. Và cái động lực hùng mạnh nhất trong Saddha là sự kính mến thiết tha, lân lộn với lòng tri ân vô hạn. Chính sự kính mến và lòng tri ân ấy làm cho Saddha cao thượng, thanh khiết, không chút vụ lợi, không máy may vị kỷ. Khi quý lay kính bái Đức Thế Tôn người Phật Tử không cầu mong gì ở Ngài vì họ biết chắc chắn rằng Đức Phật đã siêu thế thì không còn trực tiếp giúp đỡ ai trong vũ trụ này nữa.

Người Phật Tử cũng không lễ bái cúng dường Đức Thế Tôn vì sợ sệt như người ta sợ một thần linh, cũng không khẩn vái cầu xin điều chi. Chỉ có sự kính mến, kính mến tri ân, kính mến nhiệt thành, không vụ lợi, không vị kỷ.

Kính mến là yếu tố quan trọng của Saddha. Một đặc tính chính yếu khác của Saddha là tín nhiệm. Sự tín tưởng mỗi ngày mỗi tăng trưởng thêm lên khi người Phật Tử mỗi ngày mỗi tiến bộ thêm trong Pháp học, Pháp hành, và trong sự thành tựu đạo quả. Trong mỗi bước tiến thì Saddha tăng trưởng, mãi cho đến khi đắc quả A La Hán.

Sự kính mến và niềm tin tưởng nơi Tam Bảo là hai yếu tố cấu thành Saddha. Cả hai đều cao quý và đáng được trau dồi.

Saddha trong Phật Giáo, hay niềm tin tưởng nơi Phật, nơi Pháp, nơi Tăng là một năng lực hùng mạnh. Saddha là một tia lửa nhỏ mà nếu ta biết thận trọng giữ gìn, một ngày kia sẽ trở thành một thứ lửa có thể thiêu đốt tất cả những gì nhỏ bản trong tâm, tất cả phiền não. Saddha là tín nhiệm ta đặt nơi một con người, và nói giáo pháp của người ấy, không phải nói một thân linh. Ta tín nhiệm một người, bằng thịt bằng xương như chúng ta, nhưng là một người có tâm tử vô lượng, tâm bi bao la, bao trùm tất cả những chúng sanh đau khổ. Lòng tử bi ấy thúc đẩy Ngài luôn luôn tiến bước trên đường phục vụ, hy sinh tất cả những gì mà chúng ta cố giữ, cố bám, hy sinh tất cả thân mạng. Từ kiếp này đến kiếp khác, trong vô số châu kỳ (eons) mỗi ngày mỗi hoàn toàn hơn, cho đến một ngày kia, dưới cội Bồ Đề tại Uruvela, với một ý chí sắt đá, Ngài cương quyết chiến đấu tới cùng.

"Dầu máu có cạn, thịt có mòn dần và tan rã, dầu chỉ còn xương bọc da, ta sẽ không rời bỏ chỗ ngồi này trước khi thành công".

Ngài đã chiến thắng. Anh sánh chân lý đã bậc soi cho Ngài những bí ẩn của đời sống. Cuộc chiến thắng về vang này đã biến Thái Tử Tất Đạt Đa (Siddhattha) ra một vị Phật, Đức Phật Cô Đàm (Gotama), Đức Chánh Biến Tri, Đức Thế Tôn, toàn năng, vô thượng.

Đức Phật dạy, "Này các Thầy Tỳ Khưu, chính Như Lai cũng đã chịu cảnh sanh, lão, bệnh, tử, phiền não, và bốn nhớ. Nhưng Như Lai đã sớm nhận thấy đặc tính vô thường của vạn pháp, tất cả đều phải chung chịu cảnh sanh, lão, bệnh, tử, phiền não, và bốn nhớ. Vì nhận thấy như vậy Như Lai đi tìm cảnh tuyệt đối an toàn của Niết Bàn, trạng thái vô sanh bất diệt không bệnh, không lão, không phiền não, không bốn nhớ. Và Như Lai đã thành tựu đạo quả Niết Bàn, không sanh, không tử, không lão, không bệnh, không phiền não, không bốn nhớ. Như lai đã thấy và đã chứng nghiệm, Như Lai đã hoàn toàn giải thoát. Đây là kiếp sống cuối cùng của Như Lai, và khi nhập diệt rồi Như Lai không còn trở lại nữa".

Trong bốn mươi lăm năm trước sau khi thành đạo, với lòng tử bi vô hạn, không hề biết mệt mỏi luôn luôn nhẫn nại, Ngài châu du truyền bá đạo mẫu cho những ai có tai muốn nghe, những ai đặt niềm tin tưởng nơi Ngài và nói Giáo Pháp của Ngài.

Lời di huấn tối hậu của Ngài là "Hỡi này các Tỳ Khưu! Như Lai thiết tha nhắc nhở các con rằng vạn pháp là vô thường. Các con hãy cố gắng tu tập, cố gắng tinh tấn mãi mãi, cho đến ngày thành công".

Đức Phật là tinh hoa của nhân loại. Chúng ta là những người tình nguyện bước theo dấu chân Ngài. Trước kim thân Ngài, chúng ta kính cẩn khấu đầu đánh lễ. Đó là hình thức tôn sùng của người Phật Tử. Đó chắc chắn không phải là Đức Tin, như đức tin mù quáng mà người đời thường hiểu, cũng không phải là một đức tin không căn cứ trên sự suy luận, trên thực tế của đời sống. Saddha trái lại là tình thương, là tín nhiệm, là sự tôn sùng thành kính, phát sanh từ thâm tâm xuyên qua trí thức, khi ta hiểu biết được phần nào giá trị của sự tự chế ngự, tự kiểm soát, của sự hy sinh cao cả, khi ta thoáng thấy được phần nào tâm tử mà Đức Phật rải đến cho tất cả chúng sanh, và khi ta nhận thức được chân giá trị của phần di sản quý báu mà Đức Phật để lại cho ta, một bảo vật vô giá, Giáo Pháp của Ngài. Do đó, chúng ta góp nhặt bông hoa đủ màu sắc, đủ hương vị, nên hương đủ loại, rồi đến quỳ dưới chân Ngài, và cố để hết tâm trí vào câu kinh ta đọc.

"Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddassa" (Tôi hướng tâm, tassa, đánh lễ, Namo : Đức Bhagava, Đấng siêu xuất khỏi tam giới, Đức Arahama, Đấng Trọn Lành, Đức Samma Sambuddho Đấng Tự Giác Viên Minh) hay: (Tôi hướng tâm đánh lễ Đức Thế Tôn, Đức Ứng Cúng, Đức Chánh Biến Tri).

Ngày nào còn bị cái "ta" ngự trị trong tâm ta khó nổi kính bái một người nào, dầu người ấy là một nhân vật vĩ đại nhất trên thế gian này và trong các cõi trời. Ngày nào c ò n

thấy cái "Ta" lớn lao, quan trọng, thì đâu có ai kia đã hy sinh trọn đời sống mình, tất cả bao nhiêu kiếp sống của mình, để giúp ta tìm ra cánh giới, tuyệt đối an toàn, chúng ta vẫn coi thường. Nhưng chúng ta là những người đã được hiểu biết rằng tham dục, nguôngốc của phiền não, phát sanh từ ý niệm "Ta" và "Của Ta", chúng ta cũng được hiểu biết rằng từ khước tất cả là khó dưỡng nào, thì chúng ta đã bắt đầu ý niệm được phân nào giá trị của Đức Phật. Khi đã nhận thấy được bao nhiêu công phu sâu tâm tu tập để tìm ra một giáo pháp vĩnh viễn trường tồn của một bậc vĩ nhân để nhất hoàn toàn trên thế gian, ta sẽ lấy làm hồ thẹn nhìn lại bao nhiêu cố gắng của ta, mà ta tưởng là quan trọng.

Ta đã đứng trong vị trí thực tế của ta đối với tám gương đức hạnh cao cả, lòng vị tha, và đạo qua mà Đức Phật đã thành đạt. Lòng kính mộ và cảm mến bắt đầu tràn ngập tâm ta. Và một cách hồn nhiên, từ đáy lòng, phát sanh ra những ý tưởng sùng kính tất cả chư Phật trong tam thế, rồi vui thích bái niệm:

"Con hết lòng sùng kính chư Phật trong quá khứ. Con hết lòng sùng kính chư Phật trong vị lai. Con hết lòng sùng kính Đức Phật hiện tại". (Ye ca buddha atita ca, ye ca buddha anagata, paccuppanna ca ye buddha, aham vandami sabbada) hay, "Chư Phật đã thành Chánh Giác trong kiếp quá khứ, chư Phật sẽ thành Chánh Giác trong kiếp vị lai, chư Phật đang thành Chánh Giác trong kiếp hiện tại này, con đem hết lòng thành kính mà làm lễ chư Phật trong tam thế ấy".

Đó là Saddha. Một sự tôn kính, một tình thương, và một niềm tin tưởng. Không có Saddha ta không thể có nhiệt tâm, nhiệt lực, và tinh thần, ba yếu tố cần thiết để thành tựu mục tiêu. Cái "Ta" dần dần rời bỏ ta và Ánh Sáng Chân Lý dần dần đến với ta. "Khi một vị Bồ Tát đặc qua Phật ánh sáng rực rỡ và vẻ vang của Ngài phá tan sự tối tăm mù mịt đang tràn ngập biển trầm luân của đời sống, và vạch ra "con đường" cho mỗi người mạnh tiến đến trạng thái an vui hạnh phúc".

Khi đã thấu triệt Giáo Pháp của Đức Phật tức nhiên ta có thể lái con thuyền của ta ngay đường thẳng lối sang bên kia bờ. Những nguyên động lực thúc đẩy chiếc thuyền phát sanh từ Saddha. Như vậy, không phải chỉ trẻ con mới cần phải quỳ lạy trước kim thân Đức Thế Tôn để dâng lên Ngài những bó hoa hay những nén hương, mà tất cả chúng ta, đều phải cúng dường Đức Phật, bởi vì chỉ năng lực tinh thần mới có thể giúp ta, bởi vì chúng ta chưa diệt được ngã chấp, và Saddha là món tiền được để tiêu trừ những chất độc của cái "Ta". Chúng ta cũng cần phải tỏ lòng thành kính - mặc dầu chúng ta không thành kính tôn sùng một nhân vật, vì đứng ra, nhân vật nào cũng chỉ là sự kết hợp của những hiện tượng luôn luôn biến đổi - chúng ta chỉ hướng lòng thành kính đến một lý tưởng. Khi thành kính chiêm bái ta tìm thấy nơi kim thân Đức Phật một nguồn sinh lực dồi dào, ta xây dựng trong tâm một nơi tôn thờ trang nghiêm, ta cố dọn lòng trong sạch để xứng đáng đón rước hình ảnh của Ngài và tôn trí hình ảnh ấy vào đến chỗ nội tâm, đây sự kính mến thâm tàng trong lòng ta.

Trước bàn thờ ấy, hằng ngày chúng ta cần phải dâng lên Đức Thế Tôn những lễ vật - không phải những ngon nên phải tiêu mòn, hay những đóa hoa phải tàn héo lúc nào - chúng ta dâng lên Ngài những hành động từ ái, những thái độ hy sinh cao cả, những công trình phục vụ hoàn toàn vị tha. Đó là lễ vật mà người Phật tử hằng ngày phải dâng lên Đức Thế Tôn.

Chúng ta hãy cố gắng để xứng đáng là người đi theo dấu chân Đức Phật không phải vì danh nghĩa suông. Chúng ta phải chứng minh bằng tâm lòng và bằng nếp sống hằng ngày rằng lý tưởng của chúng ta vẫn còn hiệu lực để kêu gọi và dẫn dắt ta.

Năng lực của một niềm tin tưởng (Saddha) tinh khiết nơi Tam Bảo chắc chắn sẽ đem ta đến Mục Tiêu. Đức Phật đã chứng tỏ điều ấy. Trong một thời Pháp thuyết giảng tại Kỳ V i ê n Tinh Xá (Jetavana) xú Savatthi, trước các vị Tỷ Khưu, Đức Phật dạy: "Này chư Tỷ Khưu, Giáo Pháp mà Như Lai đã truyền dạy, dân giải và chỉ rõ, các con đã am hiểu tận tường, không còn điều chi mập mờ. Này chư Tỷ Khưu, trong Giáo Pháp mà Như Lai đã truyền dạy, dân giải và chỉ rõ, các con đã am hiểu tận tường, không còn điều chi mập mờ, vị Tỷ Khưu nào thực hành đúng theo Giáo Pháp ấy với một niềm tin (Saddha) vững chắc, vị ấy sẽ trở thành Bậc Toàn Giác..." Và Đức Phật dạy tiếp theo: "Này chư Tỷ Khưu, trong Giáo Pháp mà Như Lai đã truyền dạy, dân giải và chỉ rõ, các con đã am hiểu tận tường, không còn điều chi mập mờ, vị Tỷ Khưu nào chỉ tưởng nhớ đến Như Lai với niềm tin tưởng và lòng thành kính, vị ấy sẽ tái sanh vào cõi Trời."



# QUỐC SỬ TẬP LỤC

Một bài sử Việt quan trọng

## 2. Vua Hùng và nước Văn Lang



MẶC KHÁCH sưu lục



Theo truyền thuyết, họ Hồng Bàng là triều đại khai sáng nước Nam ta. Họ đó gồm có Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân và 18 đời vua đều gọi là Hùng Vương cả, trị vì từ 2879 tới 258 trước công nguyên. Sử thần nhà Lê, Ngô Sĩ Liên là người đầu tiên đã chép về lai lịch họ Hồng Bàng trong cuốn Đại Việt Sử ký Toàn Thư, phần Ngoại ký như sau:

"Xưa cháu ba đời Viêm đế họ Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, sang tuần phương Nam đến dãy Ngũ Lĩnh tiếp được Vụ Tiên Nữ sinh ra Vương (Lộc Tục). Vương là bậc thánh trí thông minh. Đế Minh yêu quý lạ, muốn cho nối ngôi. Vương cố nhường cho anh mình không dám vâng mệnh. Đế Minh vì thế lập Đế Nghi làm con nối dòng, trị phương Bắc. Lai phong Vương làm Kinh Dương Vương trị phương Nam, đặt tên đất nước là Xích Quỷ (Quỷ đỏ). Vương lấy con gái chúa Động Đình tên là Thần Long, sinh ra Lạc Long Quân... Lạc Long Quân, húy là Sùng Lãm, con Kinh Dương Vương. Nhà vua lấy con gái Đế Lai là nàng Âu Cơ, sinh ra trăm trai. Tục truyền là sinh ra trăm trứng. Ấy là tổ của Bách Việt (trăm giống Việt). Một hôm vua bà Âu Cơ rằng: "Ta là giống Rồng; Nàng là giống Tiên. Thủy, hỏa khác nhau, sum họp thực khó!". Bèn cùng nàng ly biệt nhau. Chia năm chục con theo mẹ về núi, năm chục con theo cha ở miền Nam; có sách chép là biên Nam, phong người con cả là Hùng Vương nối ngôi vua.

Con Lạc Long Quân không rõ tên húy, đóng đô ở Phong châu (tức nay là huyện Bạch Hạc). Khi Hùng Vương lên ngôi, dựng nước gọi là nước Văn Lang. Nước ấy phía Đông giáp biên Nam, phía Tây tới Ba Thục, phía

Bắc đến hồ Động Đình, phía Nam tiếp với nước Hồ Tôn (tức nước Chiêm Thành mà là tỉnh Quảng Nam ngày nay). Chia nước làm mười lăm bộ rằng Giao Chi, rằng Châu Diên, rằng Vũ Ninh, rằng Phúc Lộc, rằng Việt Thường, rằng Ninh Hải, rằng Dương Tuyền, rằng Lục Hải, rằng Vũ Định, rằng Hoài Hoan, rằng Cửu Chân, rằng Bình Văn, rằng Tân Hưng, rằng Cửu Đức; cho các bề tôi cai trị. Còn bộ Văn Lang tức là nơi nhà vua đóng đô. Đặt ra tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng. Lạc tướng sau làm là Hùng tướng. Con vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mẹ nàng. Các quan coi việc gọi là bộ chánh. Đời đời cha truyền cho con gọi là phụ đạo. Vua đời ấy đều gọi là Hùng Vương. (Ngô Sĩ Liên, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, bản dịch của Mạc Bảo Thân, Tân Việt, Hà Nội 1945, trang 33-36)

Bên trên là những điều do Ngô Sĩ Liên đã ghi chép về đời Hồng Bàng trong phần ngoại ký cuốn Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (1479) của ông.

Những điều đó có đáng tin không hay chỉ là những điều hoang đường vô căn cứ? Như đã có dịp chứng dẫn, năm 1773, Lê Quý Đôn lên tiếng nghi ngờ về danh xưng của 15 bộ theo truyền thuyết đã được đặt ra dưới đời Hùng Vương. Dưới đây xin trích dẫn lại lần nữa một đoạn trong Văn Đài Loại Ngữ:

"Tôi nhận xét đời Hùng Vương trên đời theo đời Hồng Bàng, vẫn tự không có truyền lại 15 bộ đặt ra thấy lẫn lộn với những danh hiệu quận huyện mới lập ra vào thời nhà Hán nhà Ngô đáng nghi là do các nhà nho đời sau đã lên lấy mượn, thật không phải

chép đúng sự thật". (Lê Quý Đôn, Văn Đai-Loại Ngữ 1773 tập I, quyển 3, bản dịch của Tạ Quang Phát, Sài Gòn 1972, trang 254 - 255). Kể đến, vua Tự Đức cũng tỏ rất dè dặt về triều đại của vua Kinh Dương và Lạc Long mặc dầu cho phép các soạn giả Việt Sử Thông Giám Cương Mục được đặc biệt khởi đầu với thời Hùng Vương. Dưới đây là lời lẽ của nhà vua về thái độ đó "sử cũ (tức Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên) của nước Việt ta có chép lại những sự kiện thời Kinh Dương Vương và Lạc Long, những sự kiện đó hoặc còn lại hoặc đã mất đi, những dấu còn lại, thì cũng không nên bàn luận tới là hơn cả. Thế mà sử cũ lại cứ nhất thiết chép bằng chữ lớn, và trong những việc được chép đó phần nhiều lại liên quan đến những chuyện "ma trâu thần rắn", những thuyết hoang đường quái lạ, trái với đạo thường. Thế thì theo lẽ nhà làm sử "bỏ điều quái dị, giữ việc bình thường", làm như vậy có được hay không?

Về bộ Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Trẫm cho phép đặc biệt khởi đầu với thời Hùng Vương để nêu rõ nguồn gốc nền chính thống của nước Việt ta. Còn về hai triều đại của vua Kinh Dương và Lạc Long, thì Trẫm cho phép chép bằng hai hàng chữ nhỏ ở phần dưới đời Hùng Vương để hợp với nghĩa "ngờ để truyền ngờ". (đi nghi truyền nghi). (cf Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Quyển đầu, bản dịch của Viện Khảo Cổ Sài Gòn 1960, Dự Chí II trang 35-36).

Về kiến giải các nhà khảo cứu quốc sử ngày nay đối với đời Hồng Bàng, thiết tưởng cũng nên trích dẫn ra đây mấy đoạn như sau:

"Xét từ đời Kinh Dương Vương đến đời Hùng Vương thứ 18 cả thảy 20 ông vua, mà tính từ năm Nhâm Tuất (2879) đến năm Quý Mão (258) trước Tây lịch thì vừa được 2622 năm. Dầu là người đời thượng cổ nửa thì cũng khó lòng mà có nhiều người sống lâu được như vậy. Xem thế, thì dù biết chuyện đời Hồng Bàng không chắc là chuyện xác thực". (Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, in lần thứ năm, Tân Việt, Sài Gòn 1954, trang 25)

"Phàm sử sách về đời khai tịch, nước nào cũng không tương, thực, không cứ riêng gì nước ta. Sử nước ta về triều Hùng Vương, biết là 18 đời mà không còn tin hẳn là 18; biết là 2622 năm mà không

cần tin hẳn là 2622; biết chia nước làm 15 bộ mà không cần tin hẳn là 15 bộ. Nay chúng ta chỉ cứ trông dấu lên ngọn núi Hùng Sơn, tức đủ là một bốn quốc sứtrog lúc khai tịch vậy. (Nguyễn Khắc Hiếu, Quốc Sử Huân Mông, Hà Nội, 1924, trang 13)

Nhân trích dẫn đoạn trên trong cuốn Quốc Sử Huân Mông của cố thi sĩ Tân Đà kẻ cầm bút này muốn ghi thêm ở đây xuất xứ đôi câu đối khác ở đền Hùng, huyện Lâm Thao tỉnh Phú Thọ xưa. Đôi câu đối ấy chính là của cố thi sĩ soạn tác, nguyên văn như sau:

"Có tổ có tôn, có tôn có tổ, tổ tổ tôn tôn, tôn tôn tổ tổ,  
Còn non còn nước, còn nước còn non, non non nước nước, nước non nhà."

Riêng kẻ viết bài này hoàn toàn đồng ý với cụ Phạm Xuân Độ, soạn giả cuốn Việt Sử Dân Giải, (Sài Gòn 1957) mà tin rằng "đời Hồng Bàng là một đời có thực", mặc dầu "chi tiết truyền tụng có thể sai lầm". Một bằng chứng là quốc sử có chép thật rõ ràng là năm 257 trước công nguyên Thục vương đã chiếm lấy nước Văn Lang của vua Hùng để lập nên nước Âu Lạc. Chính bộ Sử Ký của Tư Mã Thiên, (quyển 113, Nam Việt Uy Đà truyện) cũng đã chép rõ về cuộc xung đột đẫm máu đó giữa dân Âu và dân Lạc (Âu Lạc tương công 秦 辟 郢 攻) có một điểm đáng lưu ý ở đây là sử ta từ trước tới nay chỉ nói đến vua Hùng mà những cuốn sử Tàu xưa nhất, trong đó có bộ Sử Ký của Tư Mã Thiên, chỉ biết có dân Lạc và vua Lạc. Căn cứ vào sự sai biệt đó giữa sử ta và sử Tàu, năm 1918, học giả người Pháp, Henri Maspero đã chủ trương Hùng Vương làm nhân, Lạc Vương mới là đúng. Từ đó các nhà khảo cứu Việt Sử đã chia ra làm hai phe đối lập nhau; phe Lạc Vương và phe Hùng Vương. Tiếp theo bài này sẽ xin trích dẫn vài bài khảo luận của mỗi phe về vấn đề "Lạc Vương hay Hùng Vương?".



# VIỆT NAM PHONG SỬ



(kỳ 5)

Nguyễn Văn Mai bản dịch của Tạ Quang Phát  
- Học giả Mặc Khách trích lục -

## CHƯƠNG 18

*Ban mai xuống tắm bể Đông,  
Đạp lấy con rồng nổi lên chín khúc.Ta hổ  
hối.*

Thơ phong sử này thuộc phú.

## CHƯƠNG 19

*Loạn chuẩn chuẩn là loạn kim thoa,  
Bên bay mớ cửa, bên qua sang luôn.Ta hổ  
hối.*

Thơ phong sử này thuộc phú.

*Kim thoa, chưa rõ nghĩa là gì.Theo sách Vũ  
kính, xưa có trận Kim Thoa.*

## CHƯƠNG 20

*Chào răn đi đi đâu ?  
Vuốt râu ông hùm.Ta hổ hối.*

Thơ phong sử này thuộc phú.

Chương này và hai chương trên đều là lời  
hát cột đũa của lũ trẻ chăn trâu, mà ý  
nghĩa không rõ là nói gì.

Theo sách sử ký, Đinh Tiên Hoàng, lúc bé cha  
là Công Trứ mất sớm, mẹ họ Đàm oắt Ngài về  
ở nơi sơn động. Ngài chăn trâu ngoài đồng,  
cùng lũ trẻ chơi đùa. Lũ trẻ tôn Ngài lên  
năm tay giao nhau cho Ngài ngồi lên như  
đàng xe kiệu của vua, lại lấy bông lau kéo  
đi ở hai bên tả hữu như đàng nghi vệ của  
thiên tử. Ngài đem chúng bọn đi đánh dẹp  
tré ở xóm khác. Ngài đi đến đâu, lũ trẻ hàng  
phục đến đấy.

Đến khi lớn lên, Ngài ở sách Đào úc. Lúc ấy  
người chú là Đinh Dự chiêm cứ sách Bồng  
chống lại Ngài. Ngài vì quân ít hơn không

thể chống nổi bèn chạy đến cây cầu - Đàm  
gia. Cầu gãy, có con rồng vàng nổi lên che  
chở Ngài. Đinh Dự kinh hãi thoái lui.

Về sau Ngài đánh đầu thắng đây, cho nên  
người ta gọi Ngài là Vạn thắng vương.

Ba chương này ý nói Đinh Tiên Hoàng lúc  
còn là mục đồng cùng lũ trẻ chơi đùa, chế  
làm trận đồ đánh giặc và khiến lũ trẻ hát  
lên.

Chương 18 giống như Long trận (trận rồng)  
chương 19 giống như Hồ điệp trận (trận  
bướm), chương 20 giống như Xà trận (trận  
rắn), vì lâu ngày từ xưa mà nay thế chế  
không còn.

Nay mục đồng mỗi lần chăn trâu ngoài đồng  
tụ tập lại hát mấy khúc này, cho nên chép  
lại để xin hỏi các bậc quân tử.

## CHƯƠNG 21

*Con cóc năm nếp bỏ ao  
Làm le lại muôn hấp sao trên trời.*

Thơ phong sử này thuộc tỷ.

Đỗ Thích lúc đầu làm chức lại ở Đông Quan  
ban đêm nằm trên cầu, chợt chiêm bao thấy  
sao băng rơi vào miệng, tự cho là điềm  
lành, mới âm thầm mưu toan chí khác.

Niên hiệu Thái bình thứ 10 (979) đời vua  
Đinh Tiên Hoàng, Đỗ Thích làm chức Chihầu  
nội nhân ở trong cung, thừa lúc Vua sau  
buổi dạ yến say rượu nằm ở trong sân, bèn  
giết vua và Nam Việt vương Liễn.

Tin thì vua phát ra, quân binh vây bắt  
nghịch tặc rất gấp. Đỗ Thích lên năm trốn  
ở máng sổi trong cung, qua ba ngày quá  
khát nước, lại gặp lúc trời mưa, bèn đùa



tay ra bùm nước uống. Cung nữ trông thấy, cáo với Đinh Quốc công Nguyễn Bặc. Đổ Thích bị bắt và bị chém đầu, thân thể bị xắt nhỏ tống miêng, người trong nướ c tranh nhau ăn.

Lúc ấy có lời sấm rằng:

*Đổ Thích thi Đinh Đinh.  
Lê gia xuất Thánh minh.  
Cạnh đầu da hoạnh nhi.  
Đạo lộ tuyệt nhân hành.*

Nghĩa là:

*Đổ Thích giết Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn.*

Nhà họ Lê (Lê Hoàn) làm Thánh chúa. Nhiều đứa phản nghịch tranh nhau (ý nói các đại thần là Đinh Điền Nguyễn B ặ c chống nhau với Lê Hoàn).

Đường lộ không có người đi, (ý nói nghe tin quân nhà Tống sắp tràn sang xâm chiếm nước ta, nhân dân tản cư, đường xá vắng lặng).

Người ta tin đó là số trời đã định. Câu phong dao này trách hăng, bậy tôi ôm lòng phản nghịch. Con cóc chỉ Đổ Thích. Bơ ao chỉ cái máng xối trong cung. Sao sa vào miệng là việc ngẫu nhiên. Đổ Thích lại nhân đó không đoái đến danh phân minh, dám làm việc thì nghịch để cuối cùng phải bị bắt.

Chi hầu Đổ Thích cũng là con ếch ở đây giếng nhìn trời băng vung đây thôi.

## CHƯƠNG 22

*Nước trong khe suối chảy ra,  
Mình chế ta đục, mình dả trong chừa?*

Thơ phong sử này thuộc tỳ.

Thời nhà Đinh, Thiệu đế lên ngôi mới sáu tuổi. Lê Hoàn (tục Lê Đại Hành) người ở Ái Châu (Thanh Hóa) làm chức Thập đạo Tướng quân giữ việc nhiếp chính, làm công việc của Chu công giúpấu chúa, tự xưng là Phó vương.

Bọn Nguyễn Bặc và Đinh Điền nghi Lê Hoàn sẽ không có lợi cho Thiệu đế, bèn dấy binh đánh Lê Hoàn mà không thắng được.

Về sau hai người lại đem chiến thuyền ra đánh. Lê Hoàn nhân thuận gió phóng hoa

đốt chiến thuyền của hai người, chém Đinh Điền giữa trận, bắt Nguyễn Bặc đóng cũi đưa về kinh đô và trách mắng rằng: "Tiên đế bị nạn, thánh thần còn phân nô. Người là kẻ bề tôi lại thừa lúc rối loạn tang biên bội nghĩa dấy binh. Chúc phậncủa kẻ bề tôi hẳn là như thế hay sao?" Nói rồi liền cho chém Nguyễn Bặc.

Đúng lúc ấy nhà Tống sai bọn Hầu - Nhân Bảo sang xâm lăng nước ta. Đường Thái hậu sai Lê Hoàn tuyên dứng sĩ để chống cự.

Đại tướng Phạm Cự Lượng, xuống mướm đem Lê Hoàn lên làm Thiên tử, rồi sau mới xuất quân. Binh sĩ đều hưởng ứng tung hô vạn tuế.

Thái hậu thấy lòng dân đã mến phục, liền sai lấy áo long còn khoác lên mình Lê Hoàn. Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế.

Câu phong dao này châm biếm Lê Hoàn được nước làm vua một cách không chính đáng. *Mình chỉ Lê Hoàn. Ta chỉ Nguyễn Bặc* Lê Đại Hành mới đầu lấy phậnlàm tôi trách Nguyễn Bặc rồi cuối cùng dùng quân sĩ mướm lên ngôi thay thế nhà Đinh. Nói mọi người đều đục, riêng một mình ta trg há rằng như thế sao?

Kính đọc sách Ngũ chế Việt sử tổng vịnh tập có câu:

*Nhất triều long cốn gia thân thượng,  
Đục thảo Đinh Điền hạp tự quan.*

Nghĩa là:

Một mai áo long còn mặc vào mình,  
Muốn đánh Đinh Điền hãy xét mình.

Một chủ chế trách thật nặng nề hơn búa rìu!

Từ Đinh Tiên Hoàng đến Đinh Thiệu - đế công được 6 chương.

(còn tiếp)





# truyện

## HÙNG ĐẠO VƯƠNG



(Kỳ bốn)

Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn. In lần thứ nhất tại Đông Kinh ấn quán Hà - Nội năm 1914

Học Giả Mặc Khách sưu lục

### HỒI THỨ TƯ

Bên Bình-than hội đồng đại nghi,  
Bãi Đông-bộ điểm tướng duyệt binh.

Vua Nhân Tôn được tin Lương Uất về báo, Ngai ngự thuyền rồng ra sông Bình - than (thuộc về huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương) để hội các vương hầu lại kế nghị. Bấy giờ Tể tướng quốc Thái-Úy là Trần-quang-Khải, Khâm-thiên đại vương là Trần Nhật Hiệu, Chiêu văn Vương là Trần Nhật Duật, Hùng Đạo vương là Trần Quốc Tuấn, cùng là các quan văn võ ra hội tại cả đây.

Chiêu văn vương Nhật Duật tức là con thứ sáu vua Thái-tôn, vào hàng chú vua bây giờ. Khi mới sanh ra, có hai chữ "Chiêu văn" in trên bàn tay, bởi thế phong làm Chiêu văn vương. Đến khi lớn có gan có trí, đủ cả văn võ tài lược. Trong năm Thiệu-bảo thứ hai, có giặc ở Đà Giang (tức là sông Bô) khởi loạn, tướng giặc tên là Trịnh-giốc-Mật, kiết hiệp một góc sơn lâm. Triều đình sai Nhật Duật đi dẹp đám ấy. Nhật Duật cho người vào dụ giặc ra hàng. Trịnh-giốc-Mật nói rằng: "Chiêu văn vương dám xuất thân đến dụ ta, thì ta mới hàng". Nhật Duật thấy nó nói vậy đi ngay. Các tướng sĩ can lại nói rằng: "Bụng giặc bất trắc, đại vương biết thế nào mà đã dám mạng thân vào hàng hổ". Nhật Duật cười nói rằng: "Giặc có ý thù ta, nếu ta không đi, thì tất nó cười ta là nhát. Vậy lại ta đi, đem bụng thực thà xử với nó, chắc là nó cũng không bụng nạo hại ta; mà cho nó có giết ta nữa, thì triều đình chẳng thiếu gì người, can gì cả người phải lo sự ấy." Nói đoạn chỉ đem 5, 6 đứa tiểu đồng, điều tráp thung - dung đến thẳng trại giặc. Quân Mán thấy Nhật -

Duật đến, dàn ra hai bên, góm tuốt trần, cung giường, sàn, trồng cá vào Nhật Duật. Nhật Duật cứ diu dàng đi vào, coi nhứ không vậy. Trịnh-giốc-Mật thấy người cả gan, mà đi chân tay không cả, mới ra mời vào ngồi chơi, làm rượu khoản đãi. Nhật Duật vốn thuộc tiếng Mán, mới lấy lời từ tế đồ dành và có ý dọa để dụ ra hàng. Hai bên trò chuyện một hồi, ăn uống vui đùa. Quân Mán thấy vậy lấy làm há dạ, mới cùng rủ nhau ra hàng. Từ đó vua yêu mến trọng dụng, có việc gì to thường hỏi đến.

Trong khi vua đi thuyền xuống bến Bình - than lại gặp thuyền Nhân-huê-vương Trần Khánh Dư khi trước vì cố tư thông với Thiên-thủy công-chúa, phải tội cách hết chức tước, tịch ký cả gia sản, đuổi ra ở huyện Chí Linh. Khánh Dư ra đó nghèo lắm, làm nghề bán than kiếm ăn. Khi nay gặp thuyền của vua, Khánh Dư đang lúc chớ than đi bán, đầu đội nón mè rách rưới, mình mặc áo ngắn lòi thối. Khánh Dư nghĩ mình bê-rạc, tránh thuyền vào ven bờ, vua nhác trông thấy cho đòi đến. Khánh Dư cứ ăn mặc như thế đi lại. Vua đồng lòng thương nói rằng: - Không ngờ tài trai, mà khổ khổ như thế nay trăm tha tội và phục chức cho. Khánh Dư lay tạ ơn vua. Vua liền ban cho cái áo ngự, rồi cho theo ngồi hàng dưới các vương hầu. Các vương hầu văn võ dần dần đến hội cả đây, vua phán rằng: - Nguyên chúa cất 50 vạn đại quân, muốn mượn đường nước ta sang đánh nước Chiêm Thành, chưa biết hủ thực thế nào, các người nghĩ làm sao? Khâm thiên đại vương là Trần Nhật Hiệu tâu rằng: - Nguyên triều nước lớn, binh cường, đánh đâu phá đấy, nay mượn đường sang đánh Chiêm, nếu ta không cho mượn thì tất sinh sự khích bác, quân ta cứ sao cho nổi, chi bằng ta cho mượn đường là hơn. Thượng tướng là Trần Quang Khải tâu rằng

- Nguyên chúa chỉ vì một nỗi bề hạ không vào châu muốn gây chuyện sinh sự, mới muốn dùng sang đánh Chiêm Thành. Nếu ta cho muốn thì có cò, ngụy, mà cứ lại thì không nổi, thiết tưởng lại sai sứ sang cầu hòa, chịu nộp thêm đồ cống hiến, để cho Nguyên chúa đi đường khác mà sang Chiêm- thì tiện hơn.

Trần Khánh Dư tâu rằng:

- Tâu bề hạ, bề hạ đã thứ tội cho tôi, để tôi được theo hầu hội nghị, vậy tôi nghĩ được thế nào, xin tâu lên bề hạ nghe. Quan Nguyên thì hùng kinh ta đời lâu, mấy năm nay, thường thường muốn sinh sự tranh lẫn chuyện này chắc là giả tiếng sang đánh Chiêm Thành, kỳ thực là đến úp ta đó, xin bề hạ liệu kế mà phòng giữ mới được.

Vua thấy lời ấy làm phải, hỏi Hưng Đạo - vương rằng:

- Hưng Đạo vương nghĩ làm sao?

- Tâu bề hạ, Nhân huê vương nói chỉ phải xin bề hạ cho chia quân ra đóng giữ các nơi hiểm yếu, sai đại tướng thống - lĩnh đại quân, giữ chặn cửa ải, nhất định không cho muốn dùng, nếu có sinh sự đánh nhau, thì ta liệu thế tùy cơ mà đánh, bằng cho nó muốn dùng, thì không khác nào mở cửa cho hùm vào trong nhà.

- Đã đành người nói thế là rất phải, nhưng trăm chi e rằng thế lực của Nguyên triều gấp mười gấp trăm của nước ta, không biết đánh có nổi được không?

Hưng Đạo vương lại tâu rằng:

- Quan Nguyên tuy mạnh hơn ta, nhưng tởm bên ấy sang bên này, đường xá xa xôi, muôn non nghìn nước, trái bao nhiêu vất vả mới đến được đây. Nếu ta vẫn võ đồng lòng, trên dưới hiệp sức, biết dùng mưu đặt mẹo mà đánh, thì chắc là phá được.

Vua lấy làm hợp ý lắm.

Chiều vẫn vương Nhật Duật bước ra tâu rằng:

- Quan Nguyên chỉ chăm sự tranh bó lẩn cổi, tham lam vô cùng, không khác nào giống lợn lòi, rắn độc, nếu vua tôi chuyện này, không hết sức đồng lòng mà đánh, thì dẽ vạ về sau còn nhiều.

Vua thấy nhiều người chủ về mặt đánh, cũng hợp với ý mình, mới hỏi rằng:

- Các người nói sự đánh, thì trăm cớ thuận lăm, nhưng trong các vương hầu coi làm được Nguyên sực, thông lĩnh đại quân ra đánh giặc cho trăm không?

Chiều vẫn vương tâu rằng:

- Chúng tôi tài nhỏ trí mỏng, không ai làm nổi được đại tướng. Duy có Hưng Đạo vương

vẫn võ toàn tài, trí mưu xuất sắc, bề hạ nên cất làm đại đô đốc, thì mới có thể phá được giặc.

- Phải lắm! Hưng Đạo vương nên giúp cho trăm việc này.

Hưng Đạo vương tự nói rằng:

- Tâu bề hạ, tôi học còn thiếu, không, khâm nổi được đại tướng, xin bề hạ cử người khác cho.

-Thôi! trăm đã biết tài sức của vương, vậy chớ từ nữa. Hưng Đạo vương bấy giờ mới chịu nhận.

Bản định một hồi rồi bãi hội. Bấy giờ có Hoài văn hầu là Trần Quốc Toản, mới 15, 16 tuổi cũng theo ra hội, vì còn ít tuổi không được dự bàn, chỉ đứng ngoài nghe lóng, Quốc Toản lấy làm xấu hổ, căm tức vô cùng trong tay cầm quả cam bóp vỡ nát ra lúc nào không biết.

Khi tan hội, các vương hầu ai nấy về dinh sắm sửa khí giới, thuyền bè, chiêu mộ quân sĩ, dự phòng đi đánh giặc. Quốc Toản về nhà, cũng tu họp được hơn một nghìn thân thuộc, sửa đồ khí giới, may cờ đề sáu chữ: "Phá cường địch, báo hoàng ân" lăm lăm chờ đi đánh giặc.

Trần Khánh Dư vì chuyện này nghi luậnhợp ý vua, vua phục chức cho làm Phó đô đốc quân, cho theo Hưng Đạo vương đi đánh giặc. Tháng mười năm ấy, tức là năm Quý mùi (giêng hiều Thiệu bảo thứ năm, (năm Chí Nguyên - thứ 20 nhà Nguyên, lịch tây 1283) vua Nhân tôn cất Hưng Đạo vương làm quốc công, tiết chế thống lĩnh hết quân mã các đạo, đốc binh ra phòng giữ quân Nguyên.

Hưng Đạo Vương phụng mệnh về nhà, thu dùng hào kiệt, chiêu mộ quân sĩ, sửa sang chiến thuyền, khí giới, dự phòng việc đi đánh giặc.

Nói về con gái Hưng Đạo vương là Trinh công chúa và một con nuôi là Nguyên công chúa, bấy giờ đã 15, 16 tuổi, hai nàng cùng nhan sắc, mắt phượng, mày ngài, tóc mây, da tuyết, miệng cười tươi hờn hoa nở, mắt nhìn sáng tựa sóng thu, có dáng nghiêng nước đổ thành, nhan sắc cá lặn. Từ khi nhỏ, hai - chị em vẫn ở riêng một lầu, học hành, thêu dệt. Một bữa nhân lúc mùa xuân, trăm hoa đua nở, hôm ấy vào giữa hôm rằm tháng ba, bóng trăng rời rọi, vẻ hoa chập chùng. Hai chị em nhận lúc cảnh vui thú, rủ nhau xuống lầu, ra vườn hoa sau nhà thưng trắng, gột sen lưng thưng, dạo quanh trong vườn, mùi lan thơm nức góc tường hoa, bóng tỏ sáng choang trong giếng nước. Hai chị em ngắm



ngiã nhìn lên trên không, lấy làm thích chí; một lát đi đến gốc cây mai, hai chị em sai thị tỳ bày bàn ghế, dọn mâm rượu, hái mấy quả mơ, đốt lò hương ngũ vị hai chị em uống rượu ngâm thơ. Đang khi vui vẻ, bỗng nhiên trông lên thấy có một đám mây ngũ sắc, tỏa ra bốn bề, rồi kết lại thành một đám, tứ tử bay xuống vườn hòa; vắng vắng trên mây có tiếng đàn sáo lại thoang thoang mùi hương. Hai chị em lấy làm lạ, đứng dậy nhìn xem, thì đả m mây ấy tà tà gần đến đất, rồi thấy một vị tiên mầu, tay cầm một cái đuôi chũ, ngồi trên đám mây, hai bên có hai nàng tiên nữ đứng hầu. Hai chị em kinh hãi i thụp xuống đất lạy.

Tiên mầu ngồi trên mây nói rằng:

- Hai con chớ ngại, ta là Tây vương mầu, xuống trần có việc đây.

Hai nàng đình thần, vái và tâu rằng:

- Chẳng hay tiên mầu xuống đây có việc gì, chúng con mắt trần, xin tiên mầu thứ tội cho. Tiên mầu nói:

- Các con đi! Mẹ phụng mệnh Ngọc hoàng, đem thanh gươm này xuống cho cha con. Thanh gươm này gọi là Phi Thiên thần kiếm mai sau gặp tướng giặc có yêu thuật, phi gươm này không chém nổi, vậy Ngọc hoàng ban cho cha con để cha con giúp nước cho vua đđộc ven toàn.

Nói đoạn, sai một tiên nữ đưa ra một thanh gươm vàng, trao cho hai công chúa. Hai công chúa nhận lĩnh thanh gươm, ngồi quỳ xuống đất lạy tạ và nói rằng:

- Lạy mẹ! Hai chúng con người trần, không ngờ được hầu hạ mẹ, xin mẹ thứ chãn, dạy bảo cho chúng con một vài điều.

- Con đi! Hai con khi xưa cũng là đồ đệ của mẹ, cho nên mẹ mới xuống thăm hai con nhân thế. Cha con cũng là thanh tiên giố thế, mới được ban gươm này.

- Lạy mẹ, các con đã là đồ đệ của mẹ, xin mẹ dạy cho các con ít phép, để con có thể giúp được cha con chăng?

Tiên mầu túm túm cuối nói rằng:

- Cha con có tài có trí, không cần gì phải phép, duy có khi nào giặc dùng yêu thuật, thì chỉ dùng thanh gươm thần này, là phá được. Hai con mai sau: Một con có duyên với đđông triều hoàng đế, làm đến hoàng hậu; một con lấy được chồng a n h hùng xứng đáng, không phải học đến phép thuật gì.

Nói đoạn, bỗng nhiên nổi cơn gió mát, mây bốc lên trên không. Hai công chúa trông theo lạy, rồi một phút thì thấy đám mây

biến mất.

Trinh công chúa cầm lấy thanh gươm, hai chị em rủ nhau về lầu nghỉ ngơi. Đêm năm ngãm lđi tiên dạy, lại nghĩ đến nhân duyên mình, thốn thức nam canh, mới tỉnh t r ả n troc; mới biết lỗi thần tiên là thế, nhưng chưa chắc hư thức làm sao. Một nằng t h i thấy dạy lấy được chồng anh hùng, nhưng chưa biết anh hùng là ai, mặt mũi thế nào mà đã chắc gì có thực thế hay không. Hai nằng nghỉ ngơi thâu đêm không sao n g ử được.

Sáng hôm sau Trinh công chúa cầm thanh kiếm lên nhà trên, thuật lại chuyện v ở i mẹ là Thụy ngọc phu nhân. Phu nhân không tin, gọi Nguyễn công chúa đến hỏi chuyện, thì quả nhiên có việc ấy. Phu nhân m ó i thuật chuyện với Hưng Đạo vương, nói hết đầu đuôi như thế. Hưng Đạo vương vốn cũng không tin việc thần tiên, nhưng trông thấy thanh gươm vàng, có khảm ngọc bốn chũ: "Phi thiên thần kiếm", quả nhiên là gươm quý, ngài mới cầm lấy bỏ túi cất đi m ộ t chỗ, để nghiệm về sau xem ra làm sao.

Chuyện ấy dần dần bay lên đến tai vua. Vua nghe tin làm vậy, cho đòi Trinh công chúa vào cung, mắt rồng trông ra, quả nhiên một vị hãng nga giãng thế, mới lập lên l ả m quý phi. Quý phi đã nhan sắc, lại có đức hiền, vua sủng ái muộן phần, rồi lập l ả m hoàng hậu. Từ bấy giờ Hưng Đạo vương thấy lđi tiên nghiệm, mới có ý tìm kén anh hùng để gả chồng tốt cho con nuôi.

Hưng Đạo vương tự khi phụng mệnh đ ờ n g nhưng, thu xếp thuyền bè, khí giới, dần dần đã đủ. Qua sang tháng tám năm Giáp thân, truyền hích cho các vương hầu, hội h ết quân sĩ tại bến Đông hồ đầu để điêm duyệt. Các vương hầu ai nấy dẫn quân bán bộ đến hội, kể năm ba nghìn, người một vài vạn, quân thủy, quân bộ lục tục kéo đến bờ sông. Canh bờ sông lập một chđi cao hai tầng. Trước chđi dựng một lá cờ thêu chũ Sủy. Trên chđi dãn cắm cờ tiết mao, lưới phủ viêt. Ở giữa đặt một hòn ấn, và một thanh thần kiếm, một lá cờ linh. Túng dưới d ậ n, cắm qua, mầu, thướng, kích, cờ ngũ hành, cờ tứ phướng, cờ bát quái.

Sáng hôm sau, các vương hầu hội tại trên chđi. Hưng Đạo vương ngồi giữa, hai bên hơn 100 tay đao phủ đứng lưỡng dục; vương hầu theo ngồi thứ ngồi ra hai hãng. Các tướng sĩ dãn ra hai bên vệ đđông, người nào người nấy, đai nit chỉnh tề, khí giới sáng quắc. Dưới sông dãn một rãy chiến thuyền, mỗi chiếc thuyền cắm một lá cờ đđo trên

mũi.

Trên bộ thi quân mã ở trước, quân bộ ở sau cuối cùng đến các xe lương thảo, cả thấy quân thủy, bờ hơn 20 vạn quân.

Trên chòi nổi ba hồi trống, Hùng Đạo vương xuống chòi, cưỡi ngựa điếu quanh một lượt xem xét các cơ các đội, cho đến thuyền bè dưới sông đầu đây, rồi nổi ba hiệu súng, cơ nào đội ấy, kéo đi nhiều vòng quanh một hồi, chiêng trống vang trời tinh kỳ rợp đất. Ở dưới sông thì chiến thuyền chèo đi một lượt, lượn đi lượn lại, cờ bay phấp phới, thuyền tựa lá tre.

Trong vài giờ đồng hồ, hồi chiêng trống quân, lại đầu về đây như cũ.

Hùng Đạo vương truyền lệnh cho các vương hầu và các tướng sĩ rằng:

- Bản chức phụng mệnh thống đốc quân sĩ ra phá giặc. Các vương hầu và các tướng sĩ, ai nấy phải cần giữ phép tắc, đi đến đâu không được nhiều dân, và phải động lộ hết sức đánh giặc, chớ thấy thua mà núng ách, chớ thấy được mà sinh hóm, việc quân có luật, phép nước vô thân, các người phải giữ.

Các vương hầu cùng xin vâng lệnh.

Hùng Đạo vương trước hết sai Trần Bình Trọng làm tiên phong đại tướng, cho cả tể tướng đi trước đóng đồn một rẫy trên sông Bình Than phòng giữ. Sai Trần Khánh Dư đem quân ra giữ mặt Vân Đồn (thuộc Quảng Yên). Còn các vương hầu thì chia đóng ra các nơi hiểm yếu. Ngài thì đóng đại quân tại Vạn Kiếp (bây giờ thuộc về Hải Dương) để tiếp cho các nơi.

Đó là:

Bản hồ nên phòng cung nổ tốt,

Câu ngao phải sẵn lưới chài tằm.

Chưa biết việc sau thế nào, sẽ xem hồi sau phân giải.

—(còn tiếp)—

### Giới thiệu

Thơ Tình của Nguyễn Chí Trung in bản chép tay của Tác Giả gồm toàn những bản giấy quý và có ghi số, in xong vào đầu mùa Thu 1981. Giá bán ở Đức: 20DM, Pháp 20Fr., Mỹ: 10US, Canada 10 Can. Tác giả dành ra một số rất ít bản đặc biệt cho những bạn nào yêu Thơ và quý sách đẹp với một giá cao hơn.  
NGUYỄN CHÍ TRUNG: WAECHTERSTR. 8, 7000 STUTTGART 1.

## Chùa và Tu sĩ Việt nam

— trên Thế giới —

Tổng số chùa và Niệm Phật Đường của người Việt Nam hiện có khắp nơi trên thế giới khoảng 70 ngôi được phân chia như sau:

Mỹ khoảng 40 ngôi,

riêng tiểu bang California có khoảng 17 ngôi. Miền Trung Mỹ khoảng 10 ngôi. Miền Nam và Bắc Mỹ khoảng 13 ngôi. Số Tu Sĩ hiện đang ở tại Mỹ khoảng từ 40 đến 50 vị. Riêng tiểu bang California đã chiếm hết 30 vị.

Tại Úc châu có 6 ngôi chùa và Niệm Phật Đường, nằm tại Sydney 2 ngôi, Adelaide một ngôi, Brisbane một ngôi, Melbourne một ngôi và ở Perth một ngôi. Hiện đang có 3 vị Tu Sĩ đang lãnh đạo tinh thần cho đồng bào Phật Tử nơi đó.

Ở Âu châu có 13 ngôi chùa và Niệm Phật Đường gồm có: Pháp 10 ngôi; ở Paris 6 ngôi chùa Quốc gia và một ngôi chùa thuộc CS, ở Marseille một ngôi, Nice một ngôi và ở Prejus một ngôi. Đức có một ngôi chùa tại Hannover. Thụy Sĩ có ngôi NIỆM tại Lausanne và Bỉ có chùa tại Bruxelles. Tổng số Tu Sĩ Việt Nam hiện có tại Âu Châu là 45 vị. Tại Pháp có 30 vị. Đức có 10 vị, Bỉ có 2 vị, Thụy Sĩ có 2 vị và Hòa Lan 1 vị.

Ở tại Canada có tất cả bảy ngôi chùa và Niệm Phật Đường nằm tại các vùng Montréal, Ottawa, Toronto, Calgary, Vancouver và Edmonton. Hiện Canada chỉ có bốn vị Tu Sĩ đang trụ trì và lãnh đạo quần chúng Phật Tử tại đó.

Tại Nhật Bản có 3 vị Tu Sĩ nhưng không có chùa Việt Nam.

Tại Đài Loan có 2 vị Tu Sĩ và một Trung tâm nghiên cứu Phật Giáo.

Tại Thái Lan và Tích Lan không rõ có bao nhiêu Tu Sĩ và bao nhiêu chùa.

Ở Ấn Độ có 2 Tu Sĩ và một chùa Việt Nam. Ngoài ra tại Philippines và những đảo tại các nước Mã Lai, Nam Dương, Tân Gia Ba v.v. nơi mà đồng bào ở đó để chớ đi định cư tại các nước đệ tam, cũng đã lập được nhiều chùa và cũng có nhiều vị Tu Sĩ hiện đang ở tại đó để chớ đi định cư.

Trên đà phát triển này chúng tôi tin rằng càng ngày chùa chiền Việt Nam sẽ mọc lên như nấm tại ngoại quốc, nhưng tre sắp tàn mà măng không còn mọc nữa. Quả thật đáng lấy làm lo....

\*\*\*

# viết một thời gió bụi

PHÙ VÂN

được một tiếng anh hùng  
ngàn năm cùng sông núi  
nào khác đám phù vân  
khi về nơi cát bụi

vầng trăng soi bia mộ  
ghi một thời liệt oanh,  
nào khác vầng trăng cổ  
chiều sa trường máu tanh

thời gian làm vân vũ  
hồn một cuộc phong trần  
còn khôn còn rung chuyển  
sá gì mở rêu xanh

sá gì đường gươm linh  
múa trăm đầu giặc rụng  
ngàn sau trong gió lộng  
chỉ còn lạnh tiếng trang

CHIẾN ĐỊA

tiếng sắt đã chìm theo tiếng ngựa  
chiều tàn dựa lạnh nổi thu phong  
cỏ cây hiu hắt màu hoang tịch  
vết nắng lòa lên ánh cuối cùng

một vài bóm ngựa còn phơ phất  
trong gió cỏ hồ như uất ức  
một thời ngang dọc bốn phương trời  
nay vó câu im về lại đất

nường dánh sương mù dêm nhẹ bước  
sợ làm kinh động giấc ngàn thu  
mở hồ tiếng trống mang mang hận  
câu hịch ngày đi đã mịt mờ

bóng nguyệt dêm nay trời lạng lẽ  
trên muôn gươm giáo ngồn ngang sâu  
tay người cũng lạnh như gươm giáo  
những hồn tử sĩ lạnh về đầu

hồn có về qua doanh trại cũ  
để nghe phò phất ngọn cờ xưa  
ngủi thường những kẻ chò gươm báu  
bóng ngựa vèo qua mây nường đầu

hay sẽ về theo hướng thúy lâu  
khê trung chinh phụ mắt ưu sầu  
thường ai say mộng công hầu ấy  
nào biết xương tàn nằm cỏ khấu

TRONG CƠ ĐỒ MÁU XƯƠNG

đốc nghiêng trời đất lại  
tu vài hộp núi sông,  
tráng sĩ lòng ưu uất  
đôi mắt nhìn dăm dăm  
chân trời xa gió cát  
cát giọng ngâm u trầm  
ta đi trong trời đất  
sừng gió làm bạn đường  
dời bao nhiêu tuế nguyệt  
trôi qua trên dăm trường  
ta còn hay ta mất  
trong cơ đồ máu xương  
lòng ta thổi hiu hắt  
trăm ngàn nổi hủ không  
tay ta gió biêng nhấc  
thanh gươm ử thanh gươm  
roi ta gió biêng thét  
muôn vó ngựa cuồng phong  
mỏi ta gió biêng nhấc  
rượu nhúng chung khai hoàn  
thần ta gió đã mỏi  
còn say ta chỉ thêm  
đốc nghiêng trời đất lại  
tu vài hộp núi sông  
cổng danh ở mây nổi  
dời người có như không.

MAI VI PHÚC





Ký sự

# ĐƯỜNG QUA XỨ TUYẾT



— Thích Như Điển — (tiếp theo kỳ trước)

(Kỳ 4)

Ở lại Seattle trong vòng một tuần lễ, tôi đã được đi thăm khá nhiều nơi trong thành phố cũng như những nơi lân cận dưới sự hướng dẫn của Thầy Nguyễn Đạt và một số anh em Phật Tử khác.

Sau đó rời Seattle đi Vancouver thay vì đi New York như chương trình đã dự định. Khi đến biên giới Canada và Mỹ chúng tôi lại phải làm một số thủ tục nữa như lúc mới vào nước Mỹ. Người gác cổng biên phòng hỏi tôi:

- Ông có trở lại Mỹ nữa không?
- Tôi sẽ không trở lại.
- Ông đến Canada có việc gì?
- Để thăm những cộng đồng Phật-Giáo Việt Nam nơi đây và thăm một vài người quen như lần trước tôi đã đến.

Nhớ lại lần đầu tiên khi mới vào Mỹ, một nhân viên biên phòng đã hỏi tôi rằng:

- Ông vào Mỹ để làm gì?
- Đến để thăm những người đồng hương Việt Nam và những cơ sở Phật Giáo tại đây.

Người nhân viên đưa mắt nhìn tôi hỏi lâu rồi hỏi:

- Ông có biết rằng đã có rất nhiều tu sĩ Việt Nam đi du lịch vào đây và ở lại luôn đây không?
- Tôi có nghe điều đó, nhưng tôi thì khác, vì đã có cơ sở tại Tây Đức.

Tôi đắn đo suy nghĩ cho những việc làm của họ và trả lời một cách rành mạch từ từ để đi qua cho khỏi một ai địa đầu, nên cũng không muốn dây dưa dài dòng vẩn vơ.

Vancouver là một thành phố lớn thứ 3 của Canada sau Montréal và Toronto nằm về phía cực nam, có nhiều người Trung - Hoa

cư ngụ và cũng là một thành phố buôn bán nhộn nhịp nhất nhì miền Đông Nam Canada.

Rời Vancouver để đi Ottawa bằng phi cơ, vì ở đó Hội Phật Giáo đã được thành lập xong và Quý vị trong Ban Trị Sự Hội muốn ngày ra mắt có sự hiện diện của tôi, ít ra cũng để chúng tôi một thiện chí vượt bậc, vì chỉ trong vòng một tháng mà mọi cơ cấu của Ban Hội Phật Giáo nơi đây đã tổ chức xong.

Bước ra khỏi hành lang của phi trường tôi đón nhận ngay cái lạnh giá buốt của Canada thay vì nắng ghệt của Houston bên Texas.

Sau buổi lễ ra mắt Hội, tôi được một vài vị Phật Tử hướng dẫn đi thăm rừng Thu của Canada.

Đi trong rừng Gattineau của Ottawa mà cảm thấy như mình bị lạc vào trong một cảnh thần tiên, dị ảo nào đó mà trong những truyện cổ tích thường hay nhắc đến. Những chiếc lá thiên nhiên treo lủng lẳng trên cành cây ngọn cỏ trông đẹp vô ngần, cây thì màu vàng, màu đỏ sậm, màu nâu, chen lẫn với màu xanh tươi của cây tùng cây bách tạo nên một khung cảnh muôn màu muôn vẻ. Nếu nhìn kỹ một cây ta thấy sáu bảy màu, chứ không phải một hai màu như tư cái nhìn thoáng bên ngoài. Đã biết bao nhiêu mùa Thu đến và đi trong lòng người tu sĩ, tại quê hương, tại Nhật Bản hay Âu châu, nhưng có lẽ mùa Thu Canada là mùa Thu đẹp nhất try đời tôi.

Ngày xưa các thi sĩ đã diễn tả mùa Thu của Việt Nam dịu hiền, thể thắm và đẹp đẽ bao nhiêu trong thơ văn, hoạt họa, thì ngày nay ở nơi đây và chôn này là những hình

ảnh linh hoạt nhất, nếu những thi sĩ tiền chiến ấy còn sống sót trong hậu bán thế kỷ thứ 20 này, nếu có lần họ đi Canada để xem mùa Thu thì họ sẽ vui chứ không buồn và còn sáng tác được nhiều bài thơ tuyệt mỹ khác, hay họa nên được những bức họa có hồn thơ mà trong đời họ chưa bao giờ có lần được miên tường đến. Tôi nghe nói rằng cứ mỗi lần Thu đến, lá vàng rơi thì từng đoàn người từ Á sang Âu, từ Âu đến Nam Mỹ đã đổ xô về Canada để xem hình ảnh nên thơ ấy. Điều đó đã chứng tỏ rằng mùa Thu Canada đẹp đến ngần nào..... Đã biết bao nhiêu vấn nhân thi sĩ ca tụng mùa Thu Paris trên sông Seine hữu tình, thơ mộng, hay những chiếc lá vàng rơi lá tạ trái dài trên những đại lộ rộng thênh thang, dệt nên những gam hoa và trang - trái cho cái đẹp của thiên nhiên thêm phần kỳ diệu. Những cánh chèo bằng mù a Thu ở đây. Dầu mùa Thu Paris có nên thơ, Thu Đông Kinh có nhiều nỗi nhớ, niềm nhớ, thì Thu Canada là tất cả, không thể thiếu một trong những điều trên, ở dưới bất cứ một hình thức nào. Có lẽ tạo hóa đã dành sẵn cái đẹp này và chỉ ưu đãi cho một xứ hay bằng giá vào đông, nên những khách lang du cũng không ngạc nhiên gì mấy. Cho nên, nếu ai có cơ hội đến Canada thì hãy chọn mùa Thu, đến đó để nghe lời nói của mình thốt thức, và cũng nên đến mùa Xuân để xem hoa Tulip muôn màu.

Tôi ngẩn ngơ đi trong rừng lá Thu Gatineau mà như mình đang đi trong niềm mộng tưởng thoảng chúng tôi lại đứng chần chừ để chụp một vài tấm hình làm kỷ niệm. Đi mà như lòng mình không muốn rời khỏi rừng Thu này, những gió cóm trúa đã đến nên chúng tôi đành vội vã giả tư, mang theo trong lòng biết bao nhiêu là nỗi tiếc.

Ngày hôm sau rời Ottawa để về lại Montréal bằng xe Bus. Trên đường đi rất tiếc đã không được xem lá vàng như điều mình dự tưởng, mà tuyệt đã bay phát phới khắp bầu trời, đã phủ lên những tầm thẳm của thiên nhiên dệt bằng nhiều màu sắc ấy một màu trắng toát như sợi buồn trải dài trên một xứ núi đồi cỏ quanh.

Đón tôi tại bến xe Bus lần này cũng vài người Phật Tử quen như lần trước, tại bến xe trong khi tôi ngồi chăm chú đọc quyển kinh Di Đà bằng tiếng Anh do một

người Đức tên là F. Max Müller dịch từ tiếng Sanscrit (Bắc Ấn Độ). Kể cũng lạ lùng, khi đọc Kinh Di Đà bằng tiếng Trung Hoa tôi thấy mình gần như hòa hợp vào với bản thể của kinh điển được, nhưng khi đọc một câu văn kinh tiếng Đức hay tiếng Anh nghe nó trở giọng làm sao. Dù cho tiếng Nhật có sao đi chăng nữa vẫn còn dễ nghe hơn là một loại ngoại ngữ Âu - châu nào khác. Bởi thế cho nên người Âu châu hay Mỹ Châu theo Đạo Phật ít có tụng kinh như người Á Châu mà hay nghiên cứu giáo lý nhà Phật nhiều hơn. Nếu có tụng họ chỉ tụng tiếng Pali (Nam Phạn) chứ không tụng tiếng địa phương. Ví dụ như mở đầu bằng bất cứ loại kinh nào Ngài A Nan cũng bắt đầu bằng câu "Như thị ngã văn" - tiếng Việt nghĩa là "Tôi nghe như vậy", trong khi đó tiếng Đức phải dịch một cách dài dòng như thế này mới đúng "Aus des Heiligen eigenem Munde habe ich dieses gehört und aufgenommen" hoặc tiếng Nhật "Nyo ze ga mon" hoặc tiếng Anh "I've heard so from the Buddha".

Nếu chúng ta tụng những tiếng kinh ấy bằng ngoại ngữ chắc rằng chữ Thiên hoặc Long thần hộ Pháp cũng khó hiểu nốt. Do đó tôi vẫn yêu tiếng Việt Nam hơn, vì tiếng Việt Nam có nhiều thanh hơn, nên người tụng hoặc đọc khỏi cần phải uốn lưỡi nhiều lần như tiếng Anh, Pháp hay Đức. Âm nhạc của Việt Nam cũng thế, mà kinh kệ bằng tiếng Việt cũng thế, không phải là vào chùa ai muốn tụng sao là có thể tụng được đâu. Người tụng phải biết bắt đầu chỗ nào, và chấm dứt chỗ nào, khi nào lên giọng, khi nào xuống giọng, chữ tư đâu chỉ cuối chỉ tụng có một giọng thì hỏng mất cả thời kinh, mà người tụng kinh không thấy tâm hồn mình yên tĩnh thoải mái một tí nào cả, ngược lại những phiền não của nội tâm lại dâng lên nổi tâm thức. Người tụng kinh bắt trúng giọng với nhịp mõ, nhịp chuông cũng giống như người ca sĩ ca trúng điệu đờn, nốt nhạc. Nếu đánh mõ một nơi mà tụng một chỗ thì chả khác nào những nghệ sĩ bắt đờn đi "phải lên khán đài để trình bày một nhạc phẩm lấy lệ cho xong bổn phận. Tụng kinh quyết không phải thế, mà đem hết tâm tư mình chú ý vào lời kinh và tụng thật đều, đúng giọng theo vị chủ lễ...

Tôi mãi miên man suy nghĩ không để ý gì đến những biến chuyển ở chung quanh, với

và đứng lên để vào xe đi về gian phòng trong thảng trước.

Gian phòng nơi đây vẫn yên lặng đợi chờ và một không khí dãn cõi lại phủ kín đó đây như thắm trách rằng "sao lâu quá mà người đi như không thấy lại". Chỉ có khác là trong biệt thự lộng lẫy hôm nay có thêm một vài người khách quý đến từ xa như Mỹ và một vài địa phương khác. Họ đến đây để làm lễ tiểu tường (giáp năm) cho một người đã quá cố tại Paris. Mặc dầu tiếng nói tiếng cười rộn rã khắp nơi, nhưng khung cảnh buồn thảm vẫn còn.

Ở lại đây trong những ngày cuối cùng của chuyến công du này, cứ mỗi sáng tụng Lăng Nghiêm, mỗi tối ngồi Thiền và chờ chờ đến ngày cúng tiểu tường để rồi sau đó về lại Tây Đức.

Những câu xướng tụng trong lúc làm lễ đã làm cho nhiều người cảm động đến rơi lệ như:

"Hữu sanh hữu tử hữu luân hồi  
Vô sanh vô tử vô khứ lai  
Sanh tử khứ lai đạo thị mộng  
Bất lao đốn chỉ đạo Tây Phương"  
Nghĩa là:

"Có sống có chết có luân hồi  
Không sanh không tử không đến không đi  
Sống chết đến đi như một giấc mộng  
Cần khảy móng tay là đến thẳng Tây Phương".

Hoặc những câu này cũng đã làm chonhiều người hiểu được thuyết vô thường của nhà Phật.

"Phụ mẫu tình thâm chung hữu biệt  
Ân tình nghĩa trọng giả phân ly  
Sanh hà tử thị tông qui không  
Phật dư chúng sanh như lý đồng  
Sự đại vô thường na tần tức  
Địa Tạng tư tôn tiếp độ hướng hôn"  
Nghĩa là:

"Cha mẹ tình thâm đã cách biệt  
Ân sâu nghĩa nặng phải chia ly  
Việc sanh việc chết lại hoàn không  
Phật và chúng sanh đều đồng một thể  
Vì cuộc đời vô thường, nên hãy mau lên  
Niệm danh hiệu của Ngài Địa Tạng để tiếp  
dẫn hướng hôn".

Nếu ai có tâm sự buồn thì những câu xướng tụng như trên nghe mới thấm sâu vào gan dạ, còn đối với những kẻ bàng quang thì không nên nói làm gì.

Thâm thoát mà chuyển di Canada và Mỹ của tôi đã gần một tháng rồi, nên vội thược hành trang để về chôn xửa chôn vùi. Mọi người Phật Tử nói đây trông có vẻ buồn rầu, nhưng tôi hiểu đó là tất cả những sự thường tình của nhân thế.

Rời Canada và Mỹ quốc trong bao ngàn ánh mắt đợi trông và hy vọng ở sự tái n g ở trong tương lai đầu cho sớm hay muộn. Tôi đã gởi trọn niềm tin yêu nơi đời trong niềm tin làm việc Đạo của mình và nguyện cầu chư Thiên, chư Phật gia hộ cho tất cả mọi người và mọi loài được gặp nhiều hạnh duyên trong việc đời cũng như việc Đạo.

Kể từ đó đến nay không những chỉ đi một chuyến này, mà cá nhân tôi đã hân - hạnh đi thêm ba lần nữa để làm việc Đạo cũng như để thăm viếng một số có sở Phật Giáo của người Việt Nam chúng ta khắp nơi trên xứ Mỹ.

Chuyến đi Mỹ đầu tiên vừa qua của tôi đã đánh dấu được một sự quan hệ cần phải có của Phật Tử của Châu này đối với Châu kia, và cũng là một sự ngoại giao tối thiểu, cần thiết trong lúc này.

"Một con én không làm nổi một mùa xuân" nhưng nên cố gắng để một mùa xuân được có nhiều con én hơn là không có một con én nào cả. Cũng như "Chiếc áo không làm nên được tu sĩ" (L'habit ne fait pas le moine), nhưng nếu không có chiếc áo thì cũng chưa gọi là một tu sĩ được. Chúng ta không quá khoe/những cũng đừng nên để dài lâu. Vì quá gay gắt sẽ tạo ra một sự cực đoan và quá để dài sẽ làm cho người ta dễ rơi vào hố vọng tưởng. Do đó nên đi theo con đường "Trung Đạo" của Đạo Phật là hay nhất.

Trên đây là những điểm chính, tôi vội ghi lại vài giòng để sau này nếu quý vị trong chúng ta có cơ hội đi sang thăm Bắc Mỹ thì đây là một hành trang nhỏ gọn cho những ai muốn làm quen với xứ văn minh này trong lúc còn bơ vơ bước đầu.

Kỳ đến chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu đến với quý vị độc giả khắp nơi về những kỷ sự dài Châu Âu và Châu Á để quý độc giả cùng tôi được thưởng ngoạn vườn xuân.

(Viết xong tối ngày 14 tháng 10 năm 79)



## Trời mây và Tu sĩ (tiếp theo và hết)

4 nam nữ thanh niên này đều xuống, khi tới lãnh thổ của họ. Ngôi lâu, tôi không biết phải làm gì cho hết giờ, bên mượn tờ Japan times để đọc. Thật tình tôi đâu có chú tâm tới những gì có ở trên trang báo. Tôi đang để tâm tới ở đâu đâu ... Nhìn ra bên ngoài tôi thấy toàn một màu mây trắng. Trước khi đi, một vài t h ân hữu cũng có cản dận tôi, khi gần đến thủ đô của Phi, chịu khó nhìn ra phía ngoài để thấy bầu trời VIỆT thân yêu, để mà thương cho thân phận lưu lạc, chia li. Tôi cố ý nhìn nhưng trời sắp nhá nhem tối. Lúc phi cơ hạ cánh tại phi cơ ở quốc tế Manila đã sượt soát 7 giờ. Máy bay sắp xuống độ thấp dần và hành khách được lưu ý nên dùng dây nịt an toàn phòng khi bất trắc xảy ra để kịp chống đỡ với tư thân. Theo mọi người, tôi cũng nịt lại cho nó được bảo đảm, an toàn. Trời ơi, phố thị như tười hẳn ra với ánh đèn màu xanh đỏ giống hệt như thủ đô Saigon của thuở nào...

Bầu trời xứ Phi vào đêm quang đảng quá! Nóng đi là nóng, nhưng cục nợ áo ấm mang từ Nhật sang làm tôi cố bỏ ra không kịp. Lúc đó mới thấy mình như thừa đồ ra, không biết nên bỏ vào đâu cho tiện. Tôi tìm lại mây quây hàng nơi phòng đợi để mua một cái bao giấy (túi xách tay) mới có thể giải quyết được tận gốc của việc luộm t thuộm này. Nghe tôi hỏi mua, cô bán hàng mặc dù không chuyên nghiệp môn này, vẫn nhờ người tìm cho tôi một bao Nylon, hình như đã dùng thì phải và trao cho tôi với một cái nhìn xoi mói. Tôi hỏi giá bao nhiêu, cô ta bảo xin biểu ông, có ở giá cả gì. Tôi liền cảm ơn trong niềm vui khó tả, vì sao họ tốt như thế này đối với một du khách xa lạ mà tôi thấy khó tìm ở xứ Nhật trong suốt thời gian du học vừa qua, vì đối với người Nhật cái gì cũng tiền ca.

Tại phòng đợi ngoài tôi ra, còn có một thanh niên người Nhật, anh đi Úc theo chương trình du học lữ hành (vừa tìm hiểu các sinh hoạt vừa đi quan sát để xem cho rõ) tự túc ngắn hạn một năm, không bắt cứ một người mũi tẹt da vàng nào khác. Đợi một tiếng đồng hồ sau tôi càng thấy xa lạ hơn, khi có chuyến bay khác vừa trực hành khách đủ cả các sắc dân mà tôi không thể nào phân biệt nổi là người của nước nào cả. Tôi vỗ vai anh ấy và nói: anh nhìn xem, ở đây chúng ta không

thấy bóng dáng của một người như mình đi cùng chuyến nữa mà họ đều là người của năm châu bốn biển. Anh ấy chùn mình liếc quanh và bảo, câu nói của anh là tôi nhớ nhà quá và muốn trở về ngay, chứ tôi không muốn đi tiếp nữa. Trước khi đi Úc, tôi đã gặp sự chống đối của gia đình, vì tôi là con cả. Câu nói chân tình của anh làm tôi đâm lo ngại, mặc dù tôi cũng đang mang một tâm trạng đa diện, xố b ở lúc này. Lúc 8 giờ 30 tối, nhân viên hàng phi cơ cho hay sắp tới giờ cơm. Họ đưa tất cả đồ trên dưới 300 hành khách tới một nhà hàng sang trọng cách độ 500 mét bằng xe bus. Thay vì chuyến bay 211 khởi hành đi Sydney lúc 19 giờ 15' như trong vé có ghi. Bây giờ đợi lại là 10' 40' tức là 23' 40' giờ Nhật Bản, nên bữa cơm được kéo dài hơn một tiếng để hành khách khỏi có cái cảm tưởng dư thừa thì giờ quá nhiều mà không biết phải làm việc gì. Sau khi cơm nước xong, họ cho chúng tôi trở lại phòng đợi. Đồng hồ chỉ 10 giờ rồi 10' 30' rồi 10' 40' cũng chẳng thấy ai nhúc nhích ra khỏi chỗ ngồi. Không khí nhộn nhạo của hành khách trong phòng khách lên cho nhân viên hàng không tỏ ra khó chịu hay là khó chịu cho ngay chính họ đáng ra sự chậm trễ này. Mọi người ở đây chỉ mong họ thông báo là máy bay bị trễ vì lý do gì cũng đủ để an tâm, thế mà họ vẫn cứ an nhiên bất động. Tôi hơi lo và hỏi anh bạn Nhật hay là chúng ta nghe lắm chuyện bay. Nếu chẳng may mà mọi người đi hết, còn lại chúng ta ngồi đây thì anh nghĩ sao? Anh ta lúc đó t rống gương mặt thâm nảo làm sao! Tôi biết anh không còn để ý tới chuyến bay nữa. Anh trả lời tôi rằng: ở đây còn có cả mọi người chờ kia chứ riêng gì chúng ta đâu mà phải bận tâm. Dù vậy, tôi vẫn chưa an lòng, vì họ toàn là những người xa lạ với đủ các thứ ngôn ngữ: Anh, Pháp, Đức, Ý, Bồ, Bỉ, Ả Rập... thì làm sao ai mà hiểu cho nổi. Đúng 11' 30' mọi người mới được gọi lên xe bus bằng công số 2 để ra chiếc phi cơ số 211 đậu sẵn gần đó chờ đợi từ lúc nào. Con tàu lớn đủ để chứa được trên dưới 300 hành khách, nhưng mọi chỗ đều có người ngồi choán hết cả. Phi cơ bắt đầu cất cánh lúc 12' 10' ngày 16. Tất cả chúng tôi đều quá mệt mỏi, vì buồn ngủ nên hình như chẳng ai cần để ý tới tàu ra khỏi phi đạo từ lúc nào. Ai này đều cố ngủ hay chớp mắt một chút

cũng đủ sức chịu đựng qua đêm. Lúc này đây là lúc tối đang nghĩ rất nhiều về xứ VIỆT thân yêu, vì ở đó có biết bao nhiêu kỷ niệm đậm đà. Tôi ước gì con tàu chuyên hướng để cho tôi đi về đất mẹ tôi mở. Khi đó, tôi cảm nghe tâm trạng mình cũng khác gì anh bạn người Nhật đã bộc lộ lúc này. Tôi đắm ra cảm nín lạ thường đến nhìn ra bên ngoài những tầng mây to tướng trắng đục đang lửng lơ trôi dạt trong bầu trời xa lạ, xanh lơ. Sao tôi lại có thể đi được như thế này! Thế thì ngày về xứ VIỆT của tôi hay còn xa lạ, vì tôi đang nghĩ là tôi có mang sẵn tâm về chiều khấn định trú vĩnh viễn tại Úc, và chỉ trong vòng 3 năm sau tôi lại có quyền thay đổi quốc tịch. Tôi đang nghĩ tới lúc đó tôi không còn là Vietnamese nữa mà sẽ là Australian chính hiệu. Ý nghĩ của tôi lúc đó đã tới hồi nặng ký và đầu óc đâm ra căng thẳng thậm tệ. Tôi cố dờ dãnh giấc ngủ để tìm lấy một chút bình an cho tâm trí, nhưng tôi nào có chớp mắt được. Tôi còn đang lo lắng là tại phi trường Sydney đã có nhiều người đứng đợi tôi qua nhiều giờ mòn mỏi. Như dự định thì máy bay sẽ tới nơi lúc 7 giờ 45 sáng nay. Tôi nhìn vào đồng hồ đã thấy kim chỉ số 1'30 mà con tàu hay còn dật dờ luyên tiết xứ hoa lệ trời Phi, nên chưa chịu bay bổng, nhanh hơn như ý muốn. Phó mặc cho dòng ý thức đi qua, tôi không còn muốn nghĩ gì khác hơn là chuyến ba y sớm tới đích để may ra có tìm lại được cho mình một chút thanh thần an bình nào không, chứ nếu theo cái đà này đầu óc tôi chắc phải vỡ tung khi đặt chân tới Úc. Tôi cố nhắm mắt lại để cho quên, nhưng hình ảnh quen thuộc cứ hiện về mồn mồn. Còn con đường tương lai nữa! Rồi đây tôi phải làm gì? Phương pháp áp dụng ra sao? Những gì tôi phải đứng đầu khi tới Úc? Bao nhiêu ý nghĩ hỗn độn xô bồ làm tôi khó chịu. Thật đúng với mấy câu thơ:  
Đi là chết ở trong lòng một ít,  
Vì chẳng mấy khi muốn mà lại được đi.  
Xin rất nhiều, nhưng chấp nhận chẳng bao nhiêu.

Trời sáng dần, tôi nhìn ra bên ngoài nhiều đám mây trắng mỏng manh dạt dờ như muốn làm quen với con tàu mang nhiều hành khách sang xứ Úc xa xôi, những làm sao mây dưới theo cho kịp vận tốc quá nhanh của con tàu nặng trĩu hai cánh sẽ đang lướt gió ngàn theo một lối mòn quen thuộc qua những chuyến đi về cô hủ lâu nay.

Thật đẹp, phương đông một màu hồng đốm ửng. Tôi không còn phân biệt rõ đâu là bên bờ, ranh giới, quốc gia. Trời cao, đất thăm, mây bay... Mây trắng mang con người đang lơ lửng giữa độ cao 4000 mét như đi không muốn nổi, vì vận tốc quá nhanh của phi cơ, khiến cho ta không còn có cái cảm giác quân bình được nữa. Vừa đúng 9 giờ sáng, mọi người như ước đoán mơ hồ là con tàu đang lướt nhanh vào phía ranh giới Úc, khiến ai này thò đầu nhìn ra phía ngoài. Mây bay thấp dần, núi đồi trùng điệp với những cánh đồng cỏ bay thẳng cánh khiến ta mới mất nhìn. ..Hàng gì xứ Úc rộng có khác, tôi nghĩ thầm trong bụng. 9 giờ 40 phi cơ hạ cánh. Tôi cứ nghĩ đó là phi trường Sydney. Phi cơ vừa tắt máy, hành khách được thông báo đến là hành lý ở đâu để đồ và tất cả mọi người phải xuống phi cơ để qua một thủ tục thông quan. Thật ra, họ vừa thông báo lúc này là vì lý do định công nhận chuyến bay không thể đến trực tiếp Sydney được. Tại đây họ dẫn hành khách đi trại dài như đàn gà con theo gà mẹ, vì ai này tỏ ra đại khổ đến độ quê mùa, cho dù to lớn xác như dân Đức, dân Anh. ..cũng muốn được có kẻ dắt dẫn, chỉ đường, vì xứ này đâu phải là quê hương của chính họ. Sau khi mọi người trình giấy tờ, họ đóng dấu Melbourne airport vào tâm về nhớ cầm tay, rồi chớ xe bus cho tất cả trở rachiếc phi cơ lúc này còn đang nằm ý như thợ dài chờ đợi, vì đã trải qua một tuyến đường quá xa, mỏi mệt và hình như đã tiêu thụ gần hết năng lượng đi rồi. Tại đây hành khách phải chờ hơn một tiếng đồng hồ rồi mới được hướng dẫn trở ra một lối đi khác để trở lại phi cơ. Cho tới lúc này tôi vẫn cứ nghĩ rằng sao họ không cho hành khách ra khỏi phi trường mà lại vẫn đi cả quãng mất thì giờ vô ích. Khi nhìn lại tấm giấy có đồng dấu, tôi mới hay là mình đã có dịp đáp tàu xuống một phi cảng khác định trước, Melbourne. Mọi người vào lại phi cơ để tiếp tục chuyến bay, độ 1 giờ nữa. Tàu hạ cánh, mọi người nhẹ nhõm, t tho' phào, vì biết rằng một chuyến đi như vậy được xem như đã an toàn. Mọi người sắp hàng ra cửa để trình thủ tục nhập cảnh vào Úc. Tới lượt tôi, mặc dù tôi đã làm đầy đủ tâm phiếu đã được phát trên máy bay từ hơn 3 giờ trước. Viên chức sự vẫn nâng nấc chẳng thêm câu: How long



do you stay in Australia? Tôi đã mệt, phần nóng lòng không biết bên ngoài của còn có ai đợi can đảm chờ chuyến bay trễ mất 5 giờ của tôi không. Tôi không trả lời mà chỉ đưa ngón tay chỉ vào góc bên phải trên tờ giấy chiếu khán có ghi chữ "INDEFINITE". Ông ta trở về hải cảng, đóng dấu cái cốp rồi khoác cho tôi đi qua để chờ người sau kế tục. Lại chờ để hành lý, tôi chờ cho môn đồ của mình đi qua để nhận lại cho đủ số thùng. Khi nhận được xong đồ, tôi nhìn lại thiên hạ đã chớp mắt hết trội mây cái xe đầy. Tôi phải khò khẩn lắm mới chạy lại được đường góc xa đây một cái xe ý ạch lại để khuôn đồ lên đồ rồi đưa ra ngoài. Thay vì bị mở va li soát xét từng món như mấy người ra trước, tôi lại đẩy thẳng xe ra ngoài theo cánh cửa tự động mà chả thấy có ai để ý tới mình. Thôi thì nhẹ nhõm, hơi phối. Nhìn về phía bên tay phải ở đằng xa, tôi đã thấy quý bác, các anh chịch cầm cờ Phật giáo vẫy chào, mừng thầy đến. Tôi đưa tay cao đáp lễ mọi người rồi tiếp tục đẩy xe đồ đi cho nốt vùng cấm địa. Mọi người tỏ ra vui vẻ, hài lòng, phụ giúp tôi đưa đồ ra khỏi xe. Thấy quý bác vui vẻ, tôi cũng vui lây, thật tình tôi không được khỏe lắm. Được mọi người thăm hỏi chúc mừng tôi cũng nói chuyện huyền thuyên, giờ nghỉ lại không biết lúc đó mình đã nói gì. Có điều mắt mà y tôi coi bộ hộc hác đến độ khó coi. Có ký giả nhà báo "The Sydney Morning Herald" xin chụp bộ hình theo lối xã giao thượng đẳng, đôi với một người có lối ăn mặc khác thường như tôi, để họ trình với dân bản xứ là có một ông s ú người An nam vừa đặt chân tới bản địa và định đặt bản doanh tại vùng đất Sydney, văn vật lâu đời này. Do cái sự kỳ độ mà nhà báo muốn tỏ mò qua đường dây mờ mờ muốn biết rõ sự nghiệp gia phong. Tôi buộc lòng phải nói huých toét ra chơ đời cái học nghiệp không mấy khả ở một xưa đưa lại và dự định tương lai. Thật tình tôi không muốn hình được đưa lên báo, vì mặt mày xấu xí qua nhiều đêm mất ngủ. Và lại cũng muốn hoạt động âm thầm mà không cần ai biết đến.

Ra khỏi phi trường Sydney tôi mới thấy mình thật sự có mặt tại Úc châu mà từ lâu tôi chưa bao giờ nghĩ đến. Thay vì sang Hoa Kỳ, Canada, tôi lại chịu hưởng để đến đây với một ý niệm c hân

thành là muốn gần gũi để sản sóc tình thân cho đồng bào Phật tử từ mọi lứa tuổi, nếu thấy hợp cảnh, thuận duyên. Tôi cũng đi với quý bác, mấy anh trên xe hơi thẳng về ngôi chùa không tên số 1. Nói ra điều này, nếu ai chưa biết rõ sẽ cảm thấy khôi hài, nhưng đó là sự thật, Tôi không muốn viết thêm dài hơn nữa nhưng gì sau đó mà chỉ muốn đúc kết một chuyến đi. Có người chắc sẽ hỏi tôi, sao lại dùng để tài kỳ cục, khó hiểu, không được bóng bẩy. Tôi xin được phép trả lời rằng riêng cái đầu tóc và chiếc áo nhà tu cũng đã khác đời rồi, thì mong quý vị cũng niệm tình hoan hỉ.

AUSTRALIA, mùa thu 1981

THÍCH BẢO LẠC

## Đêm Trung Thu

Đêm khuya ngồi ngắm ông trăng,  
Nhớ về quê mẹ mà tăng nỗi sầu.  
"Trung Thu" hai chữ in sâu,  
Ở trong ký ức dài lâu bao thói.  
Biết bao thi phẩm ra đời,  
Cho người hậu thế dùng lối tán dương.  
Hỏi dân Việt, bao đâu thưởng!  
Đẹp lòng tự ái, lên đường đấu tranh.  
Ta nên tổ trí hùng anh,  
Làm cho nước Việt trở thành Tự Do

Trung Thu 81

Khánh Vân



# Mẹ và Quê hương



Chín tháng mẹ cưu mang  
 Hai năm trời mớm sữa  
 Dâu quần ngại gian nan  
 Con lớn lên từng đái..

Cha đưa con đến trường  
 Giữa năm Thìn lụt lội  
 Chiếu đồ ngang sông Mông  
 Con thoát đời tăm tối!

Ơi quê hương, quê hương  
 Lià cha xanh năm mớ  
 Giã mẹ khúc đoạn trường  
 Giữa muôn chiều lá đổ!

Ngày con mới lên ba  
 Mẹ gánh con dâu gánh  
 Chạy giặc vào rừng xa  
 Ôm con từng đêm lạnh

Bài học nào năm xưa  
 Tiếng mẹ sao yêu dấu  
 Sách Quốc ngữ cha đưa  
 Con thuộc lòng bài mẫu!

Mây đen phủ bầu trời  
 Khi tiếng súng im, hơi  
 Có, đồ tuôn sụp đổ  
 Uất nghẹn có nên lời!

Tiếng mẹ ru ngọt ngào  
 Cho con tròn giấc, ngủ  
 Nào biết được khổ đau?  
 Nước nhà mây đen phủ!

"Nghĩa mẹ tựa nước nguồn  
 Công cha như núi Thái  
 Thổ mẹ kính cha luôn  
 Đạo con chỉ hiếu phôi!"

Năm tháng dài dàu hiu  
 Cuộc sống càng tiêu điều  
 Mớ rông "trường cái tao"  
 Lạnh lẽo "đường một chiều"!

Mẹ thức suốt đêm hôm  
 Mẹ may từng tấm áo  
 Mẹ mớm từng miếng cơm  
 Chiếc bánh phồng tân tạo

Còn đi rông chuyen cần  
 Học nên người đức hạnh  
 Nước non còn chia phần  
 Cha anh còn phải gánh!

Đêm liên đêm bi thương  
 Nhà máy với nông trường  
 Cùm chân kinh tế mới  
 Được gì cho quê hương ?!

Quê hương con đã nghèo  
 Giặc đêm ngày đốt phá  
 Mẹ vất từng cánh bèo  
 Ôm đau, nẻ vất vả !

Cha răn con từng lời  
 Mẹ dựng con từng bước  
 Giữa tuổi đôi đôi mươi  
 Biết bao là mơ ước !

Còn đâu quê hương tôi?  
 Còn đâu lối chia phôi?  
 Còn đâu ngày độc lập?  
 Còn đâu Tự Do ôi?!

Mẹ mở ngày thanh bình  
 Cha con về dạy dỗ  
 Làng quê sẽ đẹp xinh  
 Con mẹ thôi hết khổ !

Nay, con đã lớn khôn  
 Biết đâu là nguồn cội  
 Mớ rông của tâm hồn  
 Dựng con đi đã tới!

Sớm khuya một con đò  
 Lặn lội với cơ ro  
 Dòng sông nay hoang vắng  
 Vì đã mất Tự Do!

Năm con gần lên mười  
 Tam yên thời bình lữa  
 Sao mẹ vẫn không cười  
 Mái nhà đâu còn nữa !

Công dưỡng dục chưa đến  
 Công sanh thành chưa đáp  
 Phần con còn lênh đênh  
 Non sông cơn bão táp!

Thống nhất một con tàu  
 Sao nhiều làm thương đau  
 Vì độc tài trị nước  
 Xây hận thù lên cao!

Cha anh con đã về  
 Gãy dựng nên mái lá  
 Dạy con lại "a-bê"  
 Tiếng con quen nào lạ !

Đi! Con đi! Con đi  
 Khi tin cha vừa mất  
 Lệ hoen tràn bờ mệ  
 Ngày nước non thống nhất

Ôan cứu đêm tối hù  
 Máu lệ rừng thâm u!  
 "ba mươi" ngày đói mồi  
 Hàng vạn cánh cửa tù!

— xem tiếp trang 40 —

Xua từng đoàn ra đi  
Gia đình thêm phân ly  
Cuối chân tướng áp bức  
Lệ hôn cảm hoen mí!

Gia đình nay nát tan  
Quê hương ngày kính hồng  
Đêm đen trùm đất Mẹ  
Đất khách da cứu mang!

Chiến công này cho ai?  
Chiến thắng một con bài?  
Chiến tích này ghê tởm!  
Trong lịch sử nhân loài!

Xua từng đoàn ra khơi  
Bảo tồ đập tới bồi  
Đào hoang chờ thoát kiếp  
Hải tặc đùa tá tới!

Anh mắt buồn rười rượi  
Nhìn nước lạ non người  
Lòng rưng rưng tiếc tuổi  
Còn đâu những nụ cười?!

Hãy ngừng tay tàn bạo!  
Hãy thôi đừng nổi lão  
Hãy rút đi cho mau!  
Đề bớt đi giọt máu!

Chi đã mất con thơ  
Anh lạc vợ bỏ phò  
Người ăn người để sống  
Cổ nhĩ dành bỏ vợ!

Còn đâu người thân quyến?  
Còn đâu mái nhà yêu?  
Còn tình nồng lúu luyến?  
Còn bông dăng diễm kiều?!

Tây Bá Linh mùa Vu Lan 81  
—— Hồng Giang Sơn ——



## Đất khô

Ôi Việt Nam! Ôi Việt Nam  
Cỏ xanh chưa thấm đã tan đất màu  
Phủ sa máu nhuộm đỏ màu  
Núi sông thế kỷ động sâu gió mây  
Một trăm năm lệ giặc Tây  
Ngàn năm đổ hồ còn cây trụ đồng  
Chia hai túi xót giòng sông  
Ba mươi năm đổ máu hồng giang sơn  
Trẻ thơ gục chết oan hồn  
Mẹ già diên loạn từng cơn đêm dài  
Ruộng đồng người ngựa phơi thây  
Cành hoa trinh nữ dạn cây tá tới  
Hầm chông nhọn, vát xác người  
Em tôi chấp chúng bật cười ngân ngổ  
Ruồi bu giòng máu vữa khô  
Thằng anh bị dạn bên bờ ruộng khoai  
Ngủ đi em, dờ hình hải  
Như em đã tránh dẫu thai kiếp này  
Bom cây, đất nát, kềm gai  
Việt Nam chông chắt thảng ngày buồn đau  
Cây trỏ nghiêng ngã nghẹn sâu  
Trăng sao rớt rụng tím màu Việt Nam

Trần Đình  
Noisy France



## Thơ cho một người ở lại

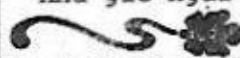
nắng đứng lại sáng nay phố buồn thật vắng  
như lòng anh tình ấy thật êm đêm  
rộng một nổi trời xanh mây về diễm trắng  
gió ngại ngần không thổi lá cây im

sau khung kính cửa mỏng như hơi thở nén  
những tâm màn buông riêng giữ hạnh phúc  
người  
những hạnh phúc đời anh không thể nếm  
của riêng người anh chỉ muốn cửa em thôi

tựa cánh chim vừa vút ngang cửa sổ  
mùa xuân đời không ở lại hồn anh  
và tình em cũng sớm thành nổi nhớ  
tình qua nhanh nổi nhớ vẫn bên mình

vọng lại anh từ nhà ga thành phố  
tiếng người xướng ngôn dọc những chuyến  
tàu đi  
giọng trầm buồn như thể những toa kiachí  
chờ  
niềm biệt ly không hẹn buổi mai về

nắng đứng lại sáng nay phố buồn thật vắng  
như lòng anh tình ấy của riêng em  
những vãn thơ gieo giữa bốn tường hiu  
quạnh  
như gió ngại ngần không thổi lá cây im



—— LÊ HỨC NHẬT ——

# Trong cơn lốc đỏ



## PHẦN I: Tàn binh lửa

### Chương 3: Khúc quanh lịch sử

Ngày thứ tư 30 tháng tư.

Giờ phút này người Mỹ cuối cùng đã rút khỏi Việt Nam. Động cơ nào đã thúc đẩy ý "chánh quân giới chót" của VNCH yêu cầu Mỹ rút khỏi Việt Nam nằm trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ? Tình hình biến chuyển từng giờ. Miền Nam sẽ về đâu?

Ngay sau khi nhậm chức tổng thống, ông Minh dùng tức khắc lá bài Huỳnh Tấn Mẫm, là cựu chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn, hoạt động cho cộng sản, bị tù đày ở thời Nguyễn văn Thiệu. Theo hiến pháp VNCH cộng sản bị "loại ra khỏi vòng pháp luật". Ông Minh ra lệnh trả tự do cho Mẫm. Mẫm được đưa lên đài truyền hình. Anh ta đồng ý tuyên bố về sự chiến thắng của nền độc lập, để quốc đã rút chạy, và người Việt cùng sống chung trong giờ phút hòa giải dân tộc. Trong lúc đó thì tân bộ - trưởng thông tin loãn bộ là chánh phủ mong muốn mở cuộc thương nghị với các đại diện phía mặt trận để thành lập một chánh phủ hòa-giải ở miền Nam. Ra lệnh cho quân đội ngừng mọi cuộc xung đột. Người ta cũng được nghe lời kêu gọi tướng tư của tướng Nguyễn Hữu Hạnh thay mặt tướng Vĩnh Lộc "vắng mặt".

Mặc dầu theo lời ông Minh tuyên bố khi nhậm chức là sẽ có một giải pháp hòa giải dân tộc, nhưng cho đến nay không nghe thấy lời đáp ứng của phía cộng sản, chỉ có lời kêu gọi đầu hàng của họ đối với cái mà họ gọi là "sào huyệt cuối cùng của bọn Mỹ - Ngụy".

Tiếng đồn đãi từ người này sang người nọ rất mau chóng rằng bộ đội cộng sản sắp về tới Sài Gòn. Người ta cũng nghe có tiếng

súng. Trong những ngày qua Sài Gòn có hình mỗi nēm mũi sơ sớ những hỏa tiễn 122 ly của họ phóng từ xa vào, có thể đó chỉ là màn khùng bô tình thần. Theo dự luận thì sẽ có một cuộc đụng độ kinh hoàng và Sài Gòn sẽ trở nên máu lửa. Tình hình bây giờ khác hẳn cuộc tổng tấn công năm Mậu - Thân 1968. Hồi ấy nếu không phải hoàn - toàn thất bại về quân sự và chánh - trị thì ít ra cộng sản cũng đã phải trả một giá rất đắt trong cuộc tổng tấn công ấy

Hơn lúc nào hết, hôm nay thủ đô ở trong một tình trạng vô chánh phủ và hỗn loạn Bộ máy hành chánh tê liệt. Ngoài đường phố thì xảy ra cướp giết, người ta thừa cơ hội đi hời của nhà vắng người, nó đi đúng hơn là nhà những người đã bỏ ra đi dù ra khỏi nước hay chưa.

Chỉ mới mấy ngày qua, tin tức báo chí Sài Gòn đăng tải hồ hạo tình thần chống - cộng cuối cùng.

"Không thương thuyết đầu hàng"  
"VNCH không bao, giờ đầu hàng cộng - sản khi còn hậu thuẫn của nhân dân và quân đội".

Trong một cuộc mít-tinh trước hàng ngàn đồng bào, tướng Nguyễn Cao Kỳ tuyên bố rằng QLVNCH còn đủ sức mạnh và sẽ đem lại hòa bình trong danh dự cho quốc gia

Thời trước, ông Thiệu áp dụng chánh sách "bôn không" đối với cộng sản: không thương thuyết với CS, không cắt đất cho CS, không hợp tác với CS, không thừa nhận CS. Thật vậy, vì theo hiến pháp VNCH, cộng sản bị loại ra ngoài vòng pháp luật.

Người Sài Gòn hôm nay có cảm tưởng như mình đang ở trong Leningrad sắp bị tấn công bằng trọng pháo, mắt tất cả niềm tin về một miền Nam hòa bình.



Cái gì phải đến sẽ đến.

Vào khoảng 10 giờ người ta nghe trên đài phát thanh lời của tướng Dương Văn Minh tuyên bố rằng chính sách của VNCH nhằm hòa giải giữa người Việt Nam với nhau để tránh đổ máu vô ích. Ông kêu gọi quân đội chấm dứt chiến đấu và ở tại chỗ. Ông cũng kêu gọi quân cộng sản như thế, và ông đang chờ đợi để tiếp xúc với "chánh phủ lâm thời công hòa miền Nam VN" để cùng thảo luận về bàn giao quyền - hành trong trật tự hầu tránh đổ máu vô ích cho nhân dân.

Người ta cũng nghe lời kêu gọi của tướng Nguyễn Hữu Hạnh đối với quân đội VNCH để thi hành lệnh ngưng chiến của tổng thống và các vị chỉ huy trưởng quân sự sẵn sàng liên lạc với các chỉ huy trưởng QS của quân đội chánh phủ cách mạng lâm thời Nam VN để thực hiện ngưng bắn không đổ máu.

Thế là một cuộc đấu hàng vô điều kiện.

Trong xóm, nhà nhà đều mở máy thu thanh theo dõi diễn tiến sự sụp đổ của VNCH. Và kể từ giờ phút này thủ đô miền Nam thật sự như rắn không đầu!

Không may may ngạc nhiên nào trong nhân dân khi xảy ra khúc quanh lịch sử này. Miền Nam Việt Nam đang chuyển mình như một cơn bệnh hấp hối, đối với người có lập trường không thiên công. Dù muốn dù không, người miền Nam sẽ phải gánh chịu tất cả những hậu quả trong những ngày trời dưới một chế độ mà họ đã từng phải nhận lấy ra cũng từ 30 năm qua.

Bây giờ đài phát thanh Sài Gòn chỉ còn nghe có âm nhạc diễn hành như mọi khi có lễ hội. Giờ phút nặng nề trôi qua. Thính thòang lời tuyên bố của ông Minh được lặp đi lặp lại với giọng đầy xúc cảm, âm thanh khó nghe, dường như thấu vào vầng để phát đi.

Ở dưới nhà xe chú vợ Ngô đang lay quay lo tìm những chiếc bao đựng cát để ngăn pháo kích, từ này giờ, biết rằng trái đạn 122 ly cũng đủ làm vỡ tung ngôi nhà này rồi chứ đừng nói gì đến những chiếc bao cát bê tông này. Nhưng làm như vậy cũng yên lòng phần nào về mặt tâm lý. Sau khi nghe được lời của ông Minh và

tướng Hạnh, vợ Ngô chạy xuống nhà xe cho chú hay:

- Chú ơi! Cộng sản vô rồi, tân cát làm gì nữa.

- Con nói gì?

- Ông Minh chờ bàn giao chánh phủ. Ngưng bắn... Ông Hạnh cũng có kêu gọi ngưng bắn. Chú lên nghe máy thu thanh...

Chú bâng hoàng đứng lên, buông chiếc bao cát trông nhẹ nhàng rồi xuống nền gạch.

- Tiếng xe tăng, chú nghe không? Vợ Ngô nói, nó khác thường, không giống của mình. Chú nghe ngóng một vài giây rồi gặt đầu.

- Con nói có lý...

Hơn 11 giờ.

Từng loạt súng tiểu liên M.16 nổ c h á t tại không ngớt bên ngoài những khu phố miết trên chợ Trường Minh Giảng...

Ngoài đường nhôn nhao xe cộ nhân kèn inh ỏi, người đi bộ, cô kể mình trần, quần cũ, chân không, hớt hải xuôi về miết Chợ Lớn. Một chiếc xe Jeep dân sự mũi trần, cằm cơ nên núa đỏ nửa xanh và ngôi sao vàng ở giữa, đó là cờ của Mặt Trận GPVN, năm bảy thanh niên trẻ, băng đó trên cánh tay áo, chạy trên đường. Họ là những người "nằm vùng" đang hướng dẫn quân đội cộng - sản tiến vào thành phố.

Không bao lâu, vào giữa trưa, một cảnh quân của cộng sản, đi hàng dọc, mang "dép râu", nón vải đi rừng, quần phục màu xanh ô-lieu rộng phồng phính, trang bị AK.47, B.41, v.v từ phía Tân Sơn Nhứt theo đường Trường Minh Giảng tiến về trung tâm thủ đô. Tiếng xích sắt nghiền kèn của chiến xa nghe gần đầu đó.

Thế là trong hiện tại người ta đã tránh được một cuộc đổ máu vô ích như ông Minh mong muốn.

Việc Sài Gòn sụp đổ không có gì lạ, nhưng điều ngạc nhiên đó là sự có mặt thân tộc của quân Bắc Việt hôm nay trong thủ - đô miền Nam, ngay sau khi Mỹ vừa rút khỏi VN. Mới hai ngày trước đây nhân dịp ghé thăm một người bạn, anh cho hay có tin mật là cộng sản sẽ chiếm Sài Gòn vào ngày 15-5-1975 để sẽ làm lễ sinh nhật của Hồ - Chí Minh bốn ngày sau đó. Việt Nam trong chiến tranh, người ta đã từng sống bằng những tin đồn như thế, có khi là "tin vịt", cũng

có khi rất chính xác, nhưng thường lã sai lạc.

Những tràng tiêu liên M.16 nổ từng chập không ngắt, tưởng chừng như có đưng d ò đầu đò trên đường phố. Mỗi lần như thế cả nhà đều nấp mọp xuống, sợ lạc đạn. Mặc dầu quân Bắc Việt đã vào thành phố sau khi cô, lời kêu gọi ngừng bắn của vị nguyên-thủ quốc gia, nhưng vẫn còn lẻ tẻ những ò khàng cứ vài nơi vào giờ phút tuyệt-vọng.

Chiến xa đã vào tân dinh Độc Lập, q ù ã giữa trưa. Và người ta còn nghe lời kêu gọi cuối cùng của ông Minh chấm dứt cuộc chiến đấu.

Nhân dân có lẽ đã bắt đầu lấy lại sự bình tĩnh khi thấy quân đội công sản đã vào Sài Gòn mà không gây thiệt hại gì. Họ tò mò, nghe ngóng. Một bà bạn của gia đình khoảng trên năm mươi tuổi, ở Cầu Ông Lãnh hết hai vừa tối, vào nhà với vẻ hân hoan lên tiếng ngay:

- Thầy Sáu, Cô Hai với mấy cháu đứng sợ. Tiếng súng nổ đó là do tại trẻ con chúng nó lúom ngoài đường, còn đạn, bần nghịch-chơi, làm hết hồn chớ không có gì đâu. Còn bộ đội thì không động chạm gì đến mình. Bây giờ người ta đây đường, vui lắm, yên rồi. Đừng sợ, họ không có làm gì mình đâu. Thôi Thầy Sáu với mấy cháu ra chợ Sài Gòn coi, vui lắm!...

Cả nhà xúm lại nghe bà ta kể chuyện, vừa trấn an vừa khuyến khích, khiến dân cũng an dạ phần nào.

Ngoài hẻm, sát dọc theo thành tường và hệ rào rào rai rác những quân trang và vũ khí như quần áo trận, nón sắt, dây thắt lưng, băng đạn, súng lục... Một anh Thiếu Tá y-sĩ trong hẻm với vũ dêm vạt khẩu súng Colt và mấy băng đạn của mình vào bên trong hàng rào nhà của Mỹ đã bỏ trốn mấy hôm nay.

Tại ngã ba đại lộ Thống Nhất và đường Công Lý đã chặn người xem cảnh đầu ngón ngang những chiến xa T.54, dây xích dính đầy bùn đất. Người lái cũng trang bị mũ trùm đầu và phụ kính hai tai, còn binh-sĩ thì đội nón cối, một số thì nón đi rừng, còn gọi là "mũ tai bèo". Người dân thành phố trao đổi những lời hỏi han với bộ đội

công sản. Mùi thuốc súng còn vương - vẫn đâu đó chưa kịp tan đi.

Hiển giờ trong vòng sân dinh Độc Lập, từ xa nhìn thấy có những chiếc T.54, có Mặt-Trần GPMN phát phối bay trên bao lớn và có người lơ nhò qua lại trong hành lang.

Quang cảnh trông chẳng khác nào những cuộc đảo chánh thường xảy ra trước đây dưới chế độ VNCH.

Trên lễ đường Calmette một cái thây, nằm trùm một chiếc mền xám, có lẽ vừa mới chết buổi sáng nay.

Cờ xí của Mặt Trận treo rải rác tung bay khắp phố phường trông lạ mắt, đồng thời cờ Pháp cũng được sơn phết lên các tường kiêu dân Pháp, nơi những nhà trước đây mấy hôm chưa kịp vẽ.

Trước thời gian có hiệu lực thi hành Hiệp định ngừng bắn Paris ngày 27-1-1973 dân-chúng ở hai vùng đất quốc gia và công sản nói khác đi là vùng của Mặt Trận GPMN, buộc phải vẽ có ở cửa, nóc nhà, đầu ngõ để chứng minh đây là vùng thuộc về phần đất và dân của trong vùng "xôi đầu", vùng bất an ninh, có thể cũng là vùng đất của các hoạt động quân sự. Ban ngày thì Quốc gia, ban đêm thì công sản. Bên này vẽ ban ngày, bên kia xóa ban đêm. Làm dân ở giữa cũng khổ. Chiếc áo không làm nên Tusi, là cờ không chúng tổ lòng trung thành của người ta với một chế độ.

Buổi chiều ngoài ngõ, năm bảy người láng giềng trong hẻm đang trò chuyện với nhau hỏi han, bàn tán tình hình mới, bỗng có một chiếc xe Jeep từ ngoài đường chạy vào, trên đó sáu gương mặt trẻ, hân hoan, tay mang băng dõ cổ vũ trang AK, đứng lại trước đám người tụ tập. Một cậu trai khoảng trên mười lăm tuổi nhảy xuống xe, bắt tay cười đùa, nói chuyện láng xăng với các cậu con trai, đùa bẽ đã từng hỗ trợ đám người treo tường hôm qua để chạy trốn. Té ra là quen, là bạn với nhau cả.

- Cậu có cờ không, cho tôi một cây? một người trong đám đông hỏi.

- Dạ cháu không có sẵn. Bác mla giầy màu dân mau lắm.

Đó là ý kiến hay. Ai cũng tán thành. Thế là buổi chiều trong hẻm đã thấy dân trước

của Ngô vừa có mặt trận và cờ Pháp. Con trai của Ngô vừa bốn tuổi, tung tăng vui đùa, lái chiếc xe đạp con có gắn lá cờ ở giầy, chạy khắp trong hẻm. Ngoài đường, bất kỳ loại xe cộ nào hầu hết đều có gắn cờ của Mặt Trận, trong cơn tranh tối tối ánh sáng ấy không phân biệt được đâu là xe cộ thật của mặt trận, đâu là xe của dân.

Hồi sáng đến giờ, nhìn cơ hội các khách hàng của nhà nước bỏ ngõ, người ta đổ xô nhau đi khiên vác. Kho 131 nhiên liệu ở Gia Định không có quân đội canh gác, người ta tha hồ lấy các thùng phuy, không cần biết trong đó đựng xăng, nhớt, dầu cần, dầu lửa. Còn ở Tân Cảng thì những thùng đồ hộp và các vật dụng đủ loại của Mỹ. Xuồng cáng Sài Gòn, các kho gạo cần dân, cần dân chuyển đi bằng xe ba bánh, hoặc vừa khiên ra khỏi công ngoài người ta bán ngay mỗi bao gạo năm trăm đồng, trước đây phải từ năm đến bảy ngàn đồng tùy loại. Người nghèo được dịp, kẻ mua ham rẻ, thế là xảy ra nạn chết người vì gạo dẽ!

Nhiều xe cộ gắn loa phóng thanh ầm ỹ ở lời tuyên bố của CPCMLT CHMNVN về mùa xuân đại thắng, đỉnh cao của chiến - dịch Hồ Chí Minh, Mỹ rút, Ngụy nhào, chính quyền về tay nhân dân, độc lập, tự do, dân chủ, trung lập... đồng thời kêu gọi dân chúng bình tĩnh giữ gìn trật tự và kỷ luật công cộng, nâng cao tinh thần tự giác và làm chủ tập thể, răn dạy chánh sách cách mạng trước sau như một, khoan hồng nhân đạo, anh em binh sĩ, sĩ quan và công chức chế độ cũ sẽ được đối xử tử tế, mọi hành động chống lại cách mạng sẽ bị trừng trị.....

Chánh thức thêm một chế độ chống - công sụp đổ ở miền Đông Nam Á tiếp theo sau Kam-pu-chia vừa mười ba ngày tròn!

(còn tiếp)



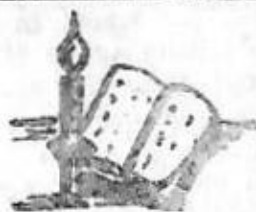
tiếp theo trang 4

Nhà nước luôn luôn muốn thống nhất Phật Giáo và mục đích của công cuộc thống nhất này là nhà nước muốn nắm trọn khối Giáo Hội từ Trung ương đến hạ tầng Cơ Sở và nêu tình hình ổn định đi đến thực hiện nghị quyết 297 của nhà nước để ra.

Nghị quyết mà tôi đã học rồi, đại ý như sau: Không được quy y, truyền Tỷ Kheo, Sa Di giới, không được dùng phương tiện như máy chữ, máy phóng thanh để giảng dạy cho Phật Tử. Không được mở lớp học vậthu nhân học viên. Muốn mở lớp học phải do nhà nước chấp nhận và giới thiệu người phụ trách cũng như học viên. Vị trí trí tuệ phải được nhà nước giới thiệu người khác; chùa nào thiếu người giúp việc cũng do nhà nước chấp nhận và giới thiệu. Không diễn giảng, bài vở và người cũng do nhà nước cung cấp. Việc tu bổ chùa cũng vậy. Nghiêm chỉnh thực hiện quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng

Giảng sư Tỉnh Giáo Hội Phật Giáo Tỉnh Quảng Nam - Thượng Tọa Thích Nhự Huệ .

## Kinh sách



Chùa Viên Giác hiện có những kinh sách sau đây. Quý vị Phật Tử nào muốn thỉnh những Pháp Bảo này xin liên lạc về chùa. Sáu của Thiên Thất-Kinh Bát Đại Nhân Giác-Thoát Vòng Tục Lụy-Vấn Đề Nhận Thức trong Duy Thức Học-Tỉnh Người-Ảnh Đạ o Vàng-Câu Chuyện Dòng sông-Kinh Duy Ma Cật-Phật Pháp-Phật Học Phổ Thông V, VI, VII Tâm Kinh-Tổ Thiên Tông-Lịch Sử Gia Đình Phật Tử-Phật Và Thánh Chúng-Lịch Sử tranh đấu Phật Giáo Việt Nam.

Cuộc đời Đức Phật-Thoát vòng sống chết-Nhân quả nghiệp và luân hồi-Le Bouddhisme en quelques mots-Nghi thức tụng niệm - Chìa khóa học Phật-Thâm ý qua hình tượng Phật Bồ Tát.

Những bệng kinh; Phổ Môn & Cầu An - Di Đà & Cầu Siêu - Sám Hối & Tỉnh Độ - Phật Đản & Vu Lan.



## Tin tức



Trên chiều hướng phát triển Phật Giáo VN tại Tây Đức, Chi Bộ cũng như Hội Phật Tử tại đây không ngừng hoạt động trong suốt thời gian qua trên các lãnh vực ngoại - giao, kiến toàn tổ chức, thăm viếng thân hữu, giúp đỡ đồng bào v.v.. và đây là những thành quả đã thu đạt được.

**-NGÀY PHẬT GIÁO VIỆT NAM :** Linh Mục Duffner và Đại Đức Chi Bộ Trưởng CBPGVNTĐ đã đồng ý mỗi năm có một ngày hành lễ chung cho người Phật Tử VN tại tiểu bang Baden Württemberg, ngày lễ này sẽ quy tụ tất cả các em cô nhi VN, các gia đình bảo trợ người Đức, những người trẻ VN và đồng bào VN đến tại làng Thanh Niên và làng trẻ tại Klinge để làm lễ. Ngày này được mệnh danh là ngày PHẬT GIÁO VIỆT NAM. Lễ này được ấn định là ngày chủ nhật đầu tiên của tháng chín dương lịch trong năm.

Phật Giáo Tây Tạng tại München có một nơi thờ Phật đã lập cách đây khoảng gần 20 năm, nhưng không có Tu Sĩ trông nom, nên những vị đại diện của Hội Phật Giáo Tây Tạng và Mong Cổ mong muốn có những vị tu sĩ Việt Nam đến đó đ' tu, tập và hướng dẫn Phật Tử. Hội ở đây cũng đã đồng ý cho đồng bào Phật Tử VN chúng ta mỗi khi có lễ đều có thể x' dụng chùa này.

Tại Bá Linh do những liên hệ trong quá khứ giữa PTVN tại Bá Linh cũng như ngôi chùa Tích Lan tại Frohnau, nên những vị sự trụ-trì ở đây đã đồng ý cho mượn chùa mỗi khi PTVN chúng ta có lễ.

Có một số các trường Trung Học và Tiểu-Học Đức đã gửi thư về chùa nhờ can thiệp, cũng như giúp đỡ ý kiến cho họ về những giờ Giáo Lý Phật Giáo cho những con em Phật Tử Việt Nam. Vấn đề này Chi Bộ còn đang nghiên cứu kỹ lưỡng và mong sự tiếp tay của tất cả các bậc phụ huynh bằng cách lácú cho con em của quý vị học tạm giờ Giáo Lý của Thiên Chúa Giáo, Tin Lành, hoặc nếu con em của Quý Vị không muốn học giờ Giáo Lý của những Tôn Giáo trên, thì không ai vì lý do gì, có thể gây khó khăn trong vấn đề này cả. Nếu u nơi nào có khó khăn, xin Quý Vị vui lòng liên lạc về chùa để chúng tôi giải quyết cho Quý vị.

• Để khuyến khích tinh thần đồng bào Phật-Tử, cũng như để thăm viếng những sinh hoạt của đồng bào VN chúng ta trên nước Đức, nên trong thời gian từ 24 tháng 8 đến 24 tháng 9 năm 81 Chi Bộ đã đến các nơi sau để hành lễ và nói chuyện như: Walsrode, Nordeich, Denklingen, Bonn, Stuttgart, München, Grafing, Berlin, Osterburken..... và trong những ngày của cuối tháng 10 từ 23 đến 25 Chi Bộ cũng như Hội Phật Tử sẽ tổ chức một buổi hội-thảo lần thứ hai tại năm về Phật Giáo cho người Việt lẫn người Đức, nhằm tìm hiểu, học hỏi cũng như phân tích văn hóa, tôn giáo, lịch sử... Buổi hội thảo này, sẽ được Bộ Nội Vụ Liên Bang đặc trách vấn đề Tôn Giáo và Văn Hóa, tài trợ 2/3 tài chánh cho mỗi tham dự viên (tính tổng quát).

• Cũng trong chiều hướng phát triển Phật Giáo trên, Chi Bộ sẽ đến làm lễ cho Đồng Bào VN tại vùng Stuttgart trong ngày 30 và 31 tháng 10 này.

• Tại chùa Viên Giác vẫn hành lễ đều đặn mỗi tháng hai lần, vào chủ nhật thứ nhất và chủ nhật thứ ba, bắt đầu từ 12 giờ trưa cho các khóa lễ cầu an, cầu siêu, sám hối, Tịnh Độ v.v... Vậy mong Quý Vị về tham gia đồng đủ. Tại chùa cũng làm lễ kỳ siêu, trí linh cho những hương linh quá vãng của chư Phật Tử và sẽ đi dự lễ tổng táng. Vậy Quý Vị nào có những văn đề tang môn, hiểu hỷ đều có thể liên lạc về chùa để giúp đỡ Quý Vị.

• Quý vị Phật Tử ở xa, có thể về chùa trong ngày thứ bảy để dự lễ vào ngày chủ nhật, vì chùa trong hiện tại có thể có đủ b c nhiều chỗ đ' cho những vị ở xa về nghỉ lại.

• Chùa Phật Giáo Việt Nam tại Úc (Chùa Pháp Bảo tại Sedney) dự định sẽ xây cất ngôi Đại Hùng Bửu Điện trong thời gian sắp tới, nên Đại Đức Trụ Trì Thích Bảo Lạc và Hội Phật Tử tại Sedney có kêu gọi Phật Tử khắp nơi, bằng cách mua vé số ủng hộ chương trình xây cất chùa trên. Mỗi vé số giá 20 đô la Úc. Vé hiện có tại chùa Viên Giác, Quý Vị Phật Tử tại Tây Đức ủng hộ chương trình trên, xin vui lòng liên lạc lại chùa. Những lô trúng sẽ được có vào PD 2526 năm.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO (Kỳ 2)

**Người Phật Tử và quan niệm TU HÀNH**

Thị Chơn

Kính bạch chư Đại Đức, Tăng Ni,  
Kính thưa toàn thể Quý Bác Đạo Hữu, cùng tất cả các anh chị em Phật Tử thân mến,

Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức hôm nay được tiếp nối chương trình hội thảo kỳ 2 do Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo tại Tây Đức tổ chức với bài thuyết trình về Vai trò của người Phật Tử đối với Phật Giáo. Cùng với đề tài này trong kỳ hội thảo lần thứ nhất, chúng ta đã đề cập đến những điều kiện tiên quyết mà người tu Phật phải đạt được. Đó là việc Quy Y Tam Bảo, giữ gìn năm giới cấm của người Phật Tử tại gia, và tìm hiểu năm điều luật của Gia Đình Phật Tử. Theo đó vai trò của người Phật Tử đối với Dân Tộc và Đạo Pháp cũng được xác định một cách rõ ràng.

Nhằm chuyển những lý thuyết trên sang thực hành, trong lần này chúng tôi xin phép được trình bày cùng quý vị về việc TU HÀNH của người Phật Tử chúng ta.

Kính thưa liệt Quý Vị,

Về cách sống, người đời thường nghĩ rằng: sống như thế nào miễn mình không làm phiền nhẽ người khác, không làm hại đến ai và sống sao cho thoải mái là đủ rồi. Cần gì phải đặt đến vấn đề TU HÀNH để làm gì? Nhưng quan niệm này chỉ có một phần đúng. Bởi vì lối sống đó chỉ là việc tu nhân tích đức, thuận về đạo đức và luân lý. Theo nhà Phật, sống như vậy chưa đủ để giúp con người thoát ra khỏi vòng luân hồi sanh tử.

Người học Phật nên biết rằng: Giáo Pháp của Đức Phật có một hiệu năng nhằm đặt đến hai mục đích: Thứ nhất là giúp cho muôn loài khai thông nguồn sống, mà mưu cầu giải thoát ra khỏi ràng buộc của sinh tử luân hồi; hai là thuận lòng hóa đời sống xã hội trên bình diện luân lý, đạo đức. Hai mục đích này cũng là bản hoài của chư Phật, thị hiện trong cuộc đời này để hóa độ chúng sanh. Mong chúng sanh được thoát ra khỏi sông mê, bể ái.

Người ta tu phước tạo nghiệp chẳng qua vì ba nghiệp, sáu căn. Ba nghiệp đó là Thân, miệng, ý (đối trị với Tham, sân, Si). Về thân có giết hại, trộm cướp và tà dâm; nói miệng có nói dối, nói ly gián, nói hoa mỹ, nói thô tục; ở ý có si mê, tham dục, nóng giận. Còn sáu căn là tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý. Khi chúng ta có mắt trên thế gian này là đã có nợ theo, và cũng vì nó mà chúng sanh ngụp lặn trong sáu nẻo luân hồi sanh tử. Chúng là những thói xấu, luôn luôn có sẵn trong chúng ta. Chính những điều này đã làm cho chúng sanh đau khổ triền miên, nên gọi là những nghiệp ác.

Như vậy chủ động lực trong sự luân hồi sanh tử là Nghiệp. Thân miệng ý là nói phát xuất nghiệp. Nghiệp còn thì còn luân hồi, Nghiệp dứt thì hết luân hồi. Trong ba nghiệp này ý nghiệp là chủ động, còn thân và miệng là bị động. Vì có ý nghĩ nên mới sai khiến miệng nói thân làm.

Luận về con người hạnh phúc Đức Phật dạy như sau: "Trên thế gian này chỉ có hai hạng người chuyên tu thiện nghiệp, không tạo tội ác; Hai là hạng người tuy đã tạo tội ác, nhưng chỉ thành sám hối. Đã chỉ thành sám hối thì không tạo tội mới nữa. Hai bên không khác gì nhau."

Người học Phật đã Quy Y Tam Bảo, giữ gìn năm giới cấm, là biết định hướng cho cuộc đời mình. Phải chăng vì muốn tiến theo gót chân Phật, sống theo chánh pháp của Ngài, nên theo sự hướng dẫn của chư Tăng để suốt đời nhằm thẳng mục tiêu giải thoát.

Đức Phật chế giới-luật cho đệ tử Ngài, cũng vì giới luật là hàng rào ngăn chặn ba nghiệp, khỏi rơi vào tội lỗi. Giữ 5 Giới là nền móng để xây ngôi nhà Giải thoát. Thiếu nền móng này thì người tu Phật, không có điều kiện để xây Thiện Nghiệp an toàn. Vậy giữ năm giới là đúng 3 Nghiệp ác do thân, miệng, ý tạo tác.

Song mỗi đấng nghiệp ác chỉ là cái Thiện tiêu cực, cần phải tiến lên cái Thiện tích cực chuyển nghiệp, tức là chuyển những hành động xấu trở thành việc làm tốt lợi mình, lợi người. Thay vì ngày xưa và giết hại, trộm cướp, tà dâm, nay thích làm việc cứu mạng, giúp đỡ trình bạch. Ngày xưa miệng thường hay nói dối trá, ly gián, hoa mỹ, thô bạo, nay đổi thành chân thật, hòa hợp, đúng lý, nhã nhặn. Lúc trước ý hay si mê, tham lam, giận hờn, nay sửa lại thành trí tuệ, Từ Bi, Hy Xá. Đó gọi là tu 10 điều Thiện, mục đích nhằm chuyển 3 nghiệp ác của thân, miệng, ý thành những nghiệp lành, có tánh cách xây dựng, và kiến tạo sự an vui tốt đẹp cho mọi người, mọi loài.

Người biết tu đấng nghiệp và chuyển nghiệp, tuy vẫn còn trong luân hồi, nhưng trong hiện tại được yên lành, tương lai vui vẻ, cao sang, nghĩa là mới đạt được phần tu nhân và tạo Phước. Tu đấng nghiệp và chuyển Nghiệp phản ảnh tinh thần tự giác, giác tha của Đạo Phật. Nhưng cứu cánh duy nhất của người tu Phật là sự giải thoát khỏi sinh tử, luân hồi, nên không dừng nghỉ tại đây được. Tuy nhiên đây là hai trạm nghỉ đầu trên con đường tu học. Thiếu 2 trạm này ta không có đủ sức để tiến lên ngọn núi Giải Thoát.

Nói về nghiệp ác, kinh Hoa Nghiêm viết: "Giả sử nghiệp ác có hình tướng, mười phương hư không chẳng thể dung chứa hết". Cái nghiệp của chúng sanh thật đáng sợ!

Người tu Phật biết rằng ý nghiệp là chủ động, là nguyên nhân của mọi hành vi tạo tác, của sinh tử luân hồi; còn thân, miệng là bị động. Ý nghiệp tinh rồi thì thân và khẩu nghiệp sẽ theo đó thanh tịnh. Vậy muốn ra khỏi sinh tử luân hồi phải kèm hãm ý, không để ý lung lạc tung hoành. Trong kinh điển thường hay ví tâm của con người, giống như vườn chuyên cây và ý giống như con ngựa số chuồng, vì tâm tánh con người thường hay thay đổi. Tùy theo căn cơ sai khác của chúng sanh, Đức Phật đã chỉ dạy cho Phật tử phương pháp chân đứng sự loan tướng, dao động của ý như tụng kinh, trì chú, niệm Phật, Thiền định... Giáo lý của Đức Phật có đến 84.000 pháp môn tu, ví như ngôi nhà có nhiều cửa vào... Người tu Phật hãy chọn cửa nào thuận tiện với vị trí mình đang đứng, mà cố gắng vào trong nhà sẽ gặp những sự kiện như nhau, và được nhiều lợi ích. Vậy khi người Phật tử biết dừng những thói xấu do thân, miệng, ý sanh ra, biết chuyển những tật xấu đó thành những việc làm tốt và luôn tinh tấn trì hành Phật Pháp để chặn dừng ý nghiệp, thì gọi là TU.

Kính thưa Quý vị;

Phật Pháp bao trùm tất cả các pháp, nên hiệu năng giúp cho muôn loài khai thông đường sống, mà mưu cầu thoát ra khỏi sinh tử luân hồi, cũng bao trùm hiệu năng lương-thiện-hóa đời sống luân lý của con người. Ví như mọi người trên thế gian này biết tu đấng nghiệp, chuyển nghiệp và giải thoát thì dù không cần hạnh phúc, hạnh phúc cũng đến, đạo đức, luân lý cũng tròn đầy. Bởi thế Phật Giáo khác với khoa học. Khoa học tạo điều kiện cho việc chinh phục thiên nhiên, để biến thiên nhiên thành những công cụ, tạo vật chất sung túc cho con người. Phật học trái lại là phương tiện giúp con người, ngự trị bản thân mình để đào thải những tâm thức xấu, hầu xây dựng một tâm hồn trong sáng an vui, tự tại.

Trong thế giới văn minh khoa học tiến bộ ngày nay, con người bị lôi cuốn trong mọi guồng máy sản xuất tiêu thụ, bận bịu đối phó trước vấn đề sinh nhai, không còn khả năng tự chủ. Nơi đó con người ít có thì giờ và cơ hội để ý thức về mình, trở về với mình. Phần trí tuệ của con người luôn có mặt trong cơ cấu máy móc; vì vật chất nên con người dễ tranh đua giành giật kinh chống nhau. Phần còn lại là tâm thức thâm sâu, bị bưng khỏi cái gốc rễ của con người. Hậu quả là con người mất dần đời sống tâm linh, do đó mất luôn cả nhân tính. Tình trạng này đưa đến những khủng hoảng tinh thần trong giới trẻ. Tin tức báo chí hằng ngày cung cấp cho thấy những hiện tượng nổi loạn, bất an của giới thanh niên trong cả hai hệ thống tư bản và vô sản, thậm chí kể cả trong những nước chậm tiến. Bởi con người không



làm chủ được chính bản thân và hoàn cảnh, nên khao khát muốn khôi phục lại cái nhân tính của mình. Vấn đề được đặt ra ở đây là khôi phục như thế nào? - chính là tìm lại sự tỉnh thức, tức là tìm lại chính mình. Nhưng tìm lại như thế nào? đó là vấn đề của người học Phật. Ví dụ như "Ba câu trả lời nhiệm mầu" của nhà văn hào Leo Tolstoy trong sách Phép Lạ của sự tỉnh thức của Thượng Tọa Nhất Hạnh như sau:

- 1.- Làm sao để biết thời gian nào là thời gian thuận lợi nhất cho mỗi công việc?
- 2.- Làm sao để biết nhân vật nào là nhân vật quan trọng nhất mà ta phải chú trọng?
- 3.- Làm sao để biết được công việc nào là công việc quan trọng nhất mà ta phải thực hiện?

Câu chuyện còn tương thuật thật dài giữa vị Vua và một người Đạo sĩ tu trong núi, nhưng chúng tôi không tiện trình bày dài dòng nói đây, nên mong Quý Vị thông cảm cho.

Kính thưa Quý Vị,

Người ta thường hay nói tranh đấu cho Dân Tộc, cho Đạo Pháp, phụng sự xã hội, phụng sự nhân loại, phụng sự cho những ai dẫu xa lạ. Trong khi đó họ quên mất chính họ, và những người đang sống chung quanh họ, đang đứng trước mặt họ. Nếu con người không biết giúp đỡ thương yêu lẫn nhau thì họ biết thương ai và giúp ai?

Những danh từ phụng sự, đấu tranh vì đại giá, đấu tranh cho dân tộc và Đạo Pháp, cho nhân loại. Đối với người Việt tỵ nạn thứ hỏi Dân Tộc là ai? - Dân Tộc có phải là những người đồng hương đang sống chung quanh chúng ta, đang mỗi mòn chờ đi định cư, đang còn lênh đênh ngoài biển cả...? Đạo Pháp ở đâu? phải chăng là những vị Tu Sĩ, Tăng Ni, cơ sở Phật Giáo, chùa chiền, tổ chức Phật Tử của chúng ta ở ngay tại nơi đây? Nhân loại là ai? - Có phải là những người Đức, những người ngoại quốc mà chúng ta thường gận gũi, gặp gỡ tiếp xúc hàng ngày, ngay ở ngoài đường, trong sở làm, nói trường học, hay ngay chung quanh chỗ ta cư ngụ...?

Để cuộc sống có ý nghĩa và đúng với tinh thần của Phật Giáo, người Phật Tử hãy trở về với cộng đồng bé nhỏ của mình, gia đình mình, bạn bè, tổ chức, đoàn thể của mình. Nếu ta không sống cho họ thì chúng ta sống cho ai? nếu ta không phục vụ cho họ thì phục vụ cho ai? Nếu mãi chạy theo vọng tưởng cô chấp, hẹp hòi mà bị tâm gò bó trôi buộc, muốn làm chuyện đại sự, thật là không phải chút nào cả.

Nhưng làm thế nào để sống cho hiện tại, sống có lợi cho mình và cho người? - Câu trả lời ở đây là phải luôn thực tập Chánh Niệm, là phải tự kiểm soát mọi động tác của cơ thể, ngôn ngữ và tâm ý mình trong mọi thời gian và hoàn cảnh. Nghĩa là sống mà không những người chết! Thực tập Chánh Niệm cũng là phương pháp giữ cho ý không rong ruổi. Sống được như vậy gọi là HẠNH. Biết giữ giới là tu dưỡng nghiệp, biết sống cho người chung quanh giúp họ bớt khổ thêm vui là tu chuyển nghiệp. Biết sống trong Chánh Niệm là Tu Giải Thoát. Vậy TU và HẠNH có khác nhau gì đâu? thực chất của nó không hai! cũng gọi là Hạnh trì giới, bố thí và tham thiền.

Khi người Phật Tử biết TU HẠNH như thế, thì vấn đề vai trò của người Phật Tử đối với Dân Tộc và Đạo Pháp dẫu cần phải đặt ra! Nếu hiểu được vai trò của mình thì cũng biết mình phải TU HẠNH như thế nào rồi. Hai việc không khác nhau, nhằm giúp người tu Phật thấy rõ sự tương quan của việc TU và HẠNH.

Có một vị Tăng Sĩ Việt Nam thường khuyên như Phật Tử như sau: "Giá trị của Phật pháp là biết để hành, chứ không phải biết để nói. Thực hành sâu chừng nào, càng thấy giá trị của Phật Pháp cao chừng ấy.

Biết để nói là người trình bày đủ mọi thức cao lương, mỹ vị mà bụng vẫn đói nheo; là nhân viên phát ngân trong ngân hàng cả ngày đếm tiền, khi ra về chỉ có hai bàn tay không".

Xin thành thật cảm ơn tất cả Quý Vị, trong việc theo dõi vấn đề đã trình bày trên.

Nam Mô A Di Đà Phật.



## Tin Sinh hoạt Hội Phật Tử

Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt-Nam tại CHLB Đức đặt dưới sự hướng dẫn tinh thần của Chi Bộ Phật Giáo VN tại ĐĐ được hoạt động một cách nghiêm túc theo tinh thần của Phật Giáo VN tại Hải Ngoại. Hội đã ghi danh và đăng tên tại Tòa An ngày 2.2.81 và cũng đã được Bộ Tài Chánh công nhận là một tổ chức từ thiện, xã hội vô vụ lợi theo tinh thần văn thư của Bộ ngày 27.2.1981. Vậy tất cả những ủng hộ giúp đỡ tài chánh của Quý Vị Phật Tử xa gần, Hội Phật Tử có thể viết giấy biên nhận cho Quý vị để cuối năm Quý vị có thể lấy lại tiền thuế tư chính phủ.

### BAN CHẤP HÀNH 81-82

Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức đã bầu lại thành phần Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ mới năm 81 - 82 như sau:

Hội Trưởng Ngô Ngọc Diệp Pháp danh Thị Chón.

Phó Hội Trưởng Đặng Trinh Wallenstätter Pháp danh Thị Nguyễn (ngoại vụ)

Phó Hội Trưởng Nguyễn Hữu Lộc Pháp danh Thị Hiện (nội vụ)

Thư Ký Trưởng Tân Lộc Pháp danh Thị Chánh

Thư Quỹ Hồ Thị Kiều Pháp danh Thị Vân

Ủy Viên Văn Mỹ Nghệ Lý Trưởng Kính .

Địa chỉ liên lạc của Hội: 1 C/o Chùa Viên Giác Eichelkampstr. 35A, 3000 Hann. ver 81. Tel. 0511. 864638.

2.- Hội Trưởng-Ngô Ngọc Diệp Berlinerstr. 7A, 3016 Seelze. Tel 0511. 404852 .

Hội quy tụ những đồng bào Phật Tử và những Sinh Viên Phật Tử Việt Nam hiện ở tại nước Đức. Địa chỉ và văn phòng Trung Ương của Hội được đặt tại Hannover, và những Chi Hội Phật Tử khác được thành lập tại những địa phương, đều được đặt dưới sự hướng dẫn của Chi Bộ và Hội Phật Tử Trung Ương.

Cho đến nay hai Chi Hội đã được thành lập trên nước Đức. Đó là Chi Hội Phật Tử tại Aachen dưới sự hướng dẫn của Sứ

Giác Minh và ngày 22, 23 & 24 tháng 8 vừa qua Chi Hội Phật Tử tại Bá Linh cũng vừa được thành lập và ra mắt dưới sự chứng minh của Đại Đức Chi Bộ Trưởng CBPGVN ĐĐ. Thành phần BCHCH như sau:

Chi Hội Trưởng Nguyễn Hữu Lộc PD Thị Hiện

Phó Chi Hội Nguyễn Trọng Phi

Thư Quỹ Nguyễn Thanh Hải

Văn Nghệ Lý Trưởng Kính

Báo Chí Trần Thị Huyền Đan

Liên Lạc Nguyễn Văn Quang

Trong tương lai Hội sẽ có hướng dẫn nhỏ, giờ giáo lý và những sinh hoạt tập thể như văn nghệ, hội thao v.v.

### • Lễ Vu Lan 1981

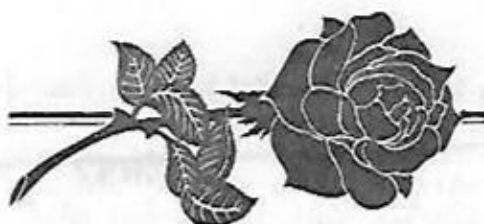
Lễ Vu Lan năm nay được tổ chức tại Hannover trong những ngày 14, 15 và 16 tháng 8 một cách trọng thể. Ban Văn Nghệ Hội PT Tây Đức đã nỗ lực thực hiện một đêm văn nghệ với chủ đề "Mẹ và Quê Hương". Dù gặp phải nhiều khó khăn trong kỹ thuật, nhưng nội dung của đêm văn nghệ đã đi đúng được chủ đề và ý nghĩa của ngày lễ.

Với những vũ khúc nhịp nhàng và t h ấ m đượm niềm tin của người con Phật và nỗi bài ca đượm tình quê hương đất nước. Tất cả đã mang lại một cảm giác tươi vui đến với mọi người tham dự.

Hình ảnh tang thương của em bé Việt Nam không còn cha, không còn mẹ trong niềm ước vọng nhớ nhai được cái trên áo dóa hồng thương yêu, đã gây xúc động cho mọi người.

Hình ảnh Mẹ Việt Nam đang quần quai trng bạo quyền vô nhân và em nhỏ Việt Nam đang mong chờ ngày tươi sáng cho quê hương xứ sở đã theo từng bước chân r a về của mọi người.

mmmmmmmmmm



## Vu Lan hoài cảm

Trong đời sống tôi đã bắt gặp nhiều lần nghe tim đập mạnh, một niềm hạnh phúc bất chợt hay một phút thối thức xót xa. Tôi đã sống như vậy thật nhiều lần, nhiều lần để tự thấy mình đã rời xa hiện thực. Nhưng tôi đã bắt gặp một lần, một lần xúc động khó quên, một lần đã lôi tôi về với hiện thực, với nỗi đau quặn quại của quê hương, với tình yêu với với của lòng mẹ.

Những giọt nước mắt nóng hổi trong tiếng hát ai kia nghẹn ngào đã làm không khí buổi lễ như ngưng đọng, tất cả như đang thức tỉnh sau thời gian quên lãng với dương đời. Những đóa hoa màu hồng thật sự không còn đem lại niềm hạnh phúc, mà lại là nỗi đớn đau hơn bao giờ hết - Mẹ đâu rồi dù vẫn còn trên dương thế - Mẹ đâu rồi xa cả ngàn dặm non - Mẹ của anh, mẹ của tôi và cũng là Mẹ của cả một quê hương đọa đày. Anh và tôi, chưa một lần quen biết. Anh ngậm ngùi với màu hoa tang tóc. Tôi nức nở dù bên mình là một đóa hồng tươi. Trong chánh điện hôm nay, dưới ánh mắt Từ Bi của Đấng Cha Lành Nhân Loại, và tiếng thuyết pháp hiền hòa của Thầy. Chúng ta đã thật sự gần nhau, tình người như thật sự nở hoa. Lời van xin, cầu khẩn, thiết tha của những người con Phật đã bốc dậy chất ngất bằng những nén nhang tâm thành. Tôi lại nhớ một bài thơ ngắn, mà ngày xưa còn bé tôi vẫn nghe cha tôi đọc:

Một chén nước trong  
Một lòng thanh tịnh  
Một lạy thành kính  
Một nén hương nguyện.

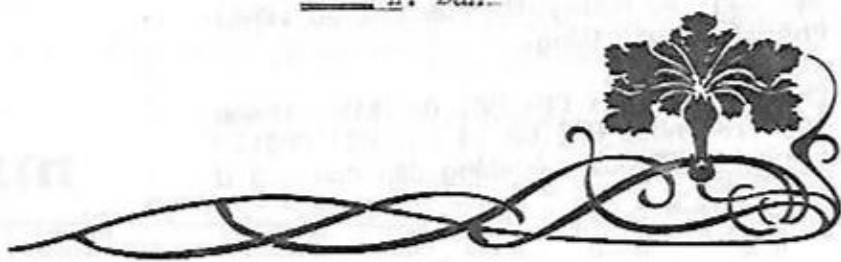
Người Phật Tử chúng ta hôm nay là thế đó. Những vật chất xa hoa ngoài kia chắc hẳn không bao giờ là một lời kêu gọi. Lời kêu gọi ngày hôm nay chính là tâm thành của những kẻ yêu quê hương, dân tộc, và một lòng phụng sự Đạo Pháp. Tâm mới chính là cái quan trọng hơn hết. Và tình người mới là sự thúc đẩy mạnh mẽ hơn cả cho sự đoàn kết và đấu tranh. Tình người con Phật lại càng đậm nét và sự thể hiện càng rõ ràng hơn.

Tôi đã thực sự tìm được một niềm xúc động tràn đầy hạnh phúc, thấm đượm tình người con Phật khi chúng quanh tôi là những khuôn mặt, mà trong phút chốc tôi nhận thấy thật thân quen.

Buổi lễ "Báo Hiếu" hôm nay, quả là một nhịp đập nóng nản của toàn thể đồng bào Phật Tử và cũng là nhịp đập thức tỉnh chính tôi. Tình yêu mẹ, tình yêu quê hương đã hòa lẫn vào nhau làm thành một khối. Không một người con Phật nào có thể từ chối những điều đó. Báo hiếu là một trọng tội, thì phản bội quê hương cũng là một trọng tội không kém.

Dưới ánh sáng chan hòa của Đạo Pháp, người Phật Tử hôm nay là người sáng suốt và nhận rõ trọng trách của mình. Tôi đã thật sự tìm thấy được hạnh phúc đó, tim tôi cũng đã đập mạnh khi biết mình hành diện mang tên người con của Đức Từ Phụ Thích Ca.

H. Đan.





# Phường danh Quý Đạo hữu - Phật tử ủng hộ

## Bất Thường

ĐH Đinh Thị Hội(Aachen)150DM  
ĐH Trần Đức Phát(GM'hütte )  
40DM,ĐH Lưu Quốc Vũ(Berlin )  
100DM,Cụ Chu Thị Hiền(")10DM  
Bà Som(")50DM,ĐH Hồ Thị Lộc  
(")30DM,Bà Tiệp(")20DM , Bà  
Nguyễn Thị Thằng(")10DM , Bà  
Nguyễn Thị Anh(")20DM,ĐHTăng  
Bảo(") 20DM,ĐH Bùi Thị Thảo  
(")20DM,ĐH Lữ Hùng(")20DM,ĐH  
tại những Tỉnh Fallingbostel  
Walsrode và Bomlitz,ĐH Chung  
10DM,ĐH Phát 10DM,ĐH Lê Nam  
Sơn 10DM,ĐH Thuận 10DM, ĐH  
Trần Đức Quang 10DM,ĐH Lê 10  
ĐH Trần Nguyên Anh 10DM, ĐH  
Nhân 10DM,ĐH Tâm+Bình 10 DM,  
ĐH Tài+Đồng 10DM,ĐH Trần Như  
Sơn 58 DM,ĐH Nguyễn MinhPháp  
10DM,ĐH Ngô Thái Sơn 5DM, ĐH  
Phạm Hữu Phúc 5DM,ĐH Nguyễn-  
Ngọc Thanh 10DM,ĐH Vũ Hoàng  
Anh 12DM,ĐH Võ Danh cúng một  
cái tủ đông lạnh và một bàn  
máy may trị giá 800DM,ĐHĐặng  
Văn Trọng(Lübeck)100DM, PT  
Đặng Văn Lương(Hannover)60DM  
ĐH Nguyễn Xuân Quang(ĐanMạch  
200 Kr.,ĐH Lương Xuân L a n  
(Bad Iburg)50DM,ĐH Bùi Xuân  
Là(Würzburg)30DM,ĐH Nguyễn I  
Tùy(Recklinghausen)30DM, PT  
Viêm Linh(Hannover)20DM, PT  
Hoa+Nam(Troisdorf)20DM ; DH  
Nguyễn Thị Hạnh và Anh Công  
(Braunschweig)100DM,ĐHLê thị  
Đều(Paris)cúng nhang,chao và  
vật thực..Các anh em t ạ i  
những Jugenddorf tại Klinge,  
Karlsruhe,Friesenheim b e i  
Lahr,Freiburg,Ettlingen.....  
130DM

## Định Kỳ

ĐH Nguyễn Thị Hạnh(Mayen )  
30DM/7,8,9/81PT NguyễnBình  
Dương(Lünen) 40DM/9,1)/ 81  
Đạo Hữu Grimaldi(Paris)300  
Fr. 6-12/81.ĐH Lâm V ấ n  
Hoàng(Ronnenberg)50DM8- 12  
81,PT Vương Đặc Mãn( Kiel)  
40DM/9,10/81,PT Đăng Trinh  
Wallenstätter(München) 100  
DM/9,10/81 ĐH Lâm Thành -  
(Lingen)30DM/9,10/81 , ĐH  
Lý Diệu Anh(Vechta)50DM/9,  
10/81,PT Trần Thục Nghi(")  
60DM/9,10/81,ĐH Lê Huy Cát  
(Hannover)40DM/9,10/81, GĐ  
PT Quách Xuân Hòa(Landhuhl  
100DM/10,11,12/81,ĐH Tô Văn  
Phước(Grafin)40DM/9,10/81  
PT Trần Ngọc Sơn(Dörentrup  
Schelentrup)120DM/6-12/81.  
ĐH Đinh Kim Thanh(Weingar-  
ten)20DM/9,10/81.

## Ủng Hộ Báo Viên Giác

PT Nguyễn Tấn Lộc(Diepholz  
10DM,ĐH Hoài Văn Ngô(CT .  
USA) 30US,ĐH Đoàn Thị Thanh  
Tú(Paris),ĐH Đoàn Hòa(USA)  
CĐ Đoàn Thị Thuận(Suisse),  
cĐ Đoàn Tường Lan(USA)200  
Fr.Anh Vũ Xuân Huyền(Pader-  
born)20DM.

## Ấn Phật học Từ Điển

ĐH Tô Văn Phước(grafig )  
80DM,ĐH Trịnh Minh Cầu(Ca-  
nada-Montréal)200Fr.,PTNgô  
Ngọc Diệp(Hannover(100DM).  
(Tính đến 12/10/81)

Ngoài ra có một số quý vị đã  
gởi tiền giúp tàu Cap Ana -  
mur với phường danh dưới đây

và chùa đã chuyển về ngân  
hàng của tổ chức này ngày 24  
tháng 9 vừa qua với trường  
mục số 16102220 BLZ37050198  
Stadtsparkasse Köln:  
ĐH Nguyễn Xuân Quang(Đan -  
Mạch)100Kr. ĐH Lương - Tài  
(Đan Mạch)100DM,ĐH Diệu Hải  
và PT Liên Hương(Spaiching-  
en)20DM.

\*\*\*

Công Đức tài thí của c h ư  
Phật Lữ xa gần thật vô lượng  
vô biên.Nguyện cầu chư Phật  
thùy tư gia hộ cho tất c ả  
Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử  
luôn luôn được vô lượng an  
lạc,phước báu trang nghiêm,  
Bồ Đề Tâm mãi nguyện.

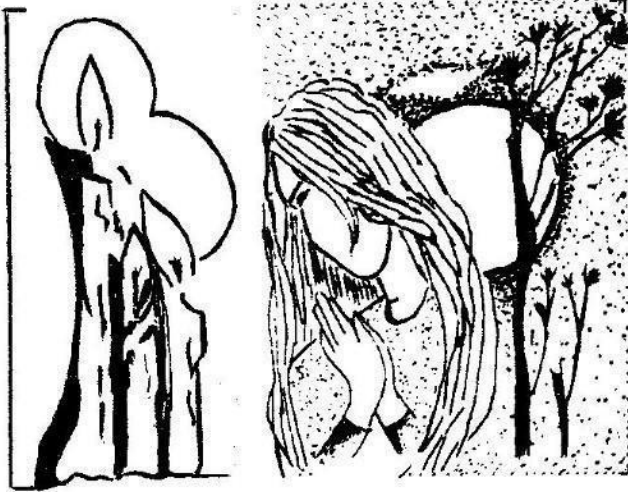
Ngôi nhà chánh pháp tại xứ  
Đức có phát triển mạnh  
được hay không vẫn tùy thuộc  
vào công sức của người Phật  
Tử Việt Nam chúng ta t ạ i  
đây tự tạo dựng lấy. V ậ y  
kính mong chư Phật Tử xagần  
cố gắng đóng góp phần mình  
vào công cuộc duy trì v ả  
phát huy nền văn hóa Phật-  
Giáo và văn hóa dân tộc càng  
ngày càng tiên tiến nhiều  
hơn nữa.

\*\*\*

## Sách Báo

Trong thời gian qua c h ừ a  
cũng đã nhận được những sách  
của những Tác Giả và những  
báo chí của những Hội Đoàn  
sau:

Nguyễn Trãi Sinh Thức v ả  
hành Động của Võ Văn Ái(Pa-  
ris),hiện tình PGVN của Đại  
Đức Tín Nghĩa(Hoa Kỳ), Báo  
Độc Lập(Đức)Sự Thật(Đức) -  
Nhịp Cầu(Đức),Báo Nhân Bản,  
Khánh Anh,Hoàng Pháp,Ai Hữu  
(Pháp)PGVN,PHVQT,Ngày Về.Mỹ  
Chân Như,Liên Hoa,Tam Bảo -  
Canada,Chuông Sài Gòn(Úc)..  
Xin thành thật cảm ơn tất cả  
các Tác Giả và các tổ chức.



# Sám hối

Lời: H. Kh  
Nhạc: GDPT - Đà Lạt

Chậm . Trang nghiêm

Hôm nay con xin đến cúi đầu, nguyện sám hối những lỗi  
xưa. Cúi xin Đức Giê-su đem lòng thương xót  
cho con. Đời con buồn thảm bởi bao năm  
lỗi. Nhưng hôm nay lòng con đều thành - thật .  
Vì con biết quay về, thành tâm để quy - y .  
Và con xin hát: xa hết lỗi lầm,  
bến tâm noi gương của Đức Giê-su .